

THÔNG TIN NGHIÊN CỨU BẢO TỒN DI SẢN

Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An
Chi hội khoa học lịch sử Hội An
Chi hội văn nghệ dân gian Hội An

Chi đạo nội dung

Trần Văn An

*Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Ban biên soạn

Trần Văn An

Nguyễn Chí Trung

Nguyễn Văn Lanh

Phùng Tấn Đông

Võ Hồng Việt

Phạm Phước Tịnh

Trình bày

Võ Hồng Việt

Thiết kế bìa

Trần Thanh Hoàng Phúc

Số 04 (48) – 2019

✿ Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ

- Những tiền đề và điều kiện để tổ chức Đảng Cộng Sản ra đời sớm ở Hội An - ThS. Nguyễn Văn Lanh 2
- Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản Khu phố cổ Hội An qua 20 năm được công nhận là Di sản văn hóa thế giới (1999-2019) - Trung tâm QLBTDSVH Hội An 6
- Những ý tưởng phát triển Du lịch - Dịch vụ Hội An từ thời bao cấp - ThS. Quảng Văn Quý 13
- Kiến trúc sư Hoàng Đạo Kính với Hội An - KTS. Trần Thanh Hoàng Phúc 17
- Tâm quan trọng của việc xây dựng mạng lưới bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể biển - ThS. Nguyễn Chí Trung 21
- Vai trò của thương cảng Hội An trong quan hệ bang giao Việt - Nhật thời các chúa Nguyễn - CN. Nguyễn Văn Thịnh 27
- Thông tin về di tích khảo cổ học Thanh Chiếm qua kết quả thám sát, khai quật tháng 8/2019-GS.TS. Lâm Thị Mỹ Dung, CN. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, CN. Võ Hồng Việt 31
- Thông tin về di tích Khu phố mang dấu ấn kiến trúc Pháp ở Hội An - CN. Nguyễn Cường 38
- Đề tài thực vật trang trí trên bình phong đình làng/ấp ở Hội An - CN. Trần Phương 45
- Tổng quan về tư liệu Hán Nôm ở Hội An - CN. Lê Thị Lưu 51
- Một số thông tin về hát Tuồng/hát Bội ở làng Thanh Hà - ThS. Phạm Phước Tịnh 57
- Tri thức dân gian về ứng phó với thời tiết xấu và một số kiêng cử trong nghề biển của ngư dân Hội An - ThS. Thái Thị Liễu Chi 62
- Hội An...Bún-Trương Nguyễn Ngã 67
- Con chuột trong văn học dân gian Hội An - CN. Trần Thị Lệ Xuân 71

✿ Thông tin tư liệu

- Thông tin về hội chợ Faifoo lần thứ 2 năm 1936 - Tô Lưu trư và Thông tin 74

✿ Tin tức - Sự kiện

✿ Văn bản pháp quy

✿ Di sản đó đây

TRUNG TÂM QUẢN LÝ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA HỘI AN

Địa chỉ: 10B - Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0235.3864625 - 0235.3862946 - 0235.3862367

Fax: 02353.861.779 * Email: ttqlbtdt@gmail.com * Website: hoianheritage.net

NHỮNG TIỀN ĐỀ VÀ ĐIỀU KIỆN ĐỂ TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN RA ĐỜI SỚM Ở HỘI AN

ThS. Nguyễn Văn Lanh

Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Chỉ 55 ngày sau, 28/3/1930, tại Hội An, Tỉnh ủy lâm thời ra thông cáo chính thức thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam. Tháng 4/1930, Chi bộ Đảng Cộng sản của Hội An được thành lập, là một trong những địa phương đầu tiên trong tỉnh có tổ chức Đảng. Bài viết này nhằm góp phần tìm hiểu những tiền đề và điều kiện dẫn đến tổ chức Đảng Cộng sản sớm hiện diện trên vùng đất Hội An.

Từ cuối thế kỷ XIX, do nhiều yếu tố bất lợi, “cảng thị thuyền buồm” Hội An suy thoái, nhường vị thế trung tâm thương mại quốc tế cho “cảng thị cơ khí” Đà Nẵng. Tuy nhiên, Hội An vẫn là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của Quảng Nam.

Dưới thời Pháp thuộc, Đà Nẵng là đất “nhượng địa”, còn Quảng Nam trở thành đất “bảo hộ”, bên cạnh chính quyền Nam triều còn có chính quyền bảo hộ của thực dân Pháp cai trị, mà đứng đầu là công sứ Pháp kiêm nhiệm Chủ tịch Hội đồng tỉnh Quảng Nam, đóng tòa sứ tại Hội An. Người đứng đầu chính quyền Nam triều ở Quảng Nam là Tổng

đốc đóng hành dinh tại La Qua chỉ là bù nhìn cho chính quyền “bảo hộ” của công sứ Pháp. Các cơ quan đầu não của bộ máy chính quyền “bảo hộ” cũng đóng tại Hội An như: sở mật thám, sở thương chánh, sở đặc điền, đồn lính khổ xanh, đồn cảnh sát, nhà lao... đặt dưới quyền điều khiển của Công sứ Pháp. Khu phố Tây mọc lên khang trang ở Hội An trong thời kỳ này là kết quả của chính sách thống trị và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Quảng Nam.

Tuy không phải là một trung tâm kinh tế tầm cỡ nhưng ở Hội An đầu thế kỷ XX đã xuất hiện nhiều chi nhánh các công ty, xí nghiệp của tư sản Pháp như: rượu SICA, điện SIPEA, xăng dầu SHELL, ươm tơ FIARA, chế biến chè DE ROBERT. Tư sản người Hoa tuy không lớn nhưng đã hình thành 30 hiệu buôn bán và sản xuất các mặt hàng thủ công. Một số người Việt bản xứ có qui mô làm ăn lớn như chủ buôn ghe bầu, các xưởng trại đóng ghe, thầu xây dựng, dệt vải, sản xuất gạch ngói, làm đồ gỗ... Địa chủ ở Hội An phần đông là địa chủ quan lại, địa chủ kiêm công chức và địa chủ kiêm tư sản, vì đất đai ở Hội An ít nên hầu hết đều bao chiếm bao tá, lập điền sản ở Điện Bàn, Duy Xuyên, bóc lột bằng các hình thức phát canh thu tô, cho vay nặng lãi. Thời kỳ này lực lượng công nhân ở Hội An đã có mặt đông đảo trong các cơ sở cầu đường, xây dựng nhà cửa, làm đường xe lửa, các nhà máy, xí

nghiệp, các xưởng sản xuất đồ gỗ, đóng thùng, làm giấy vàng bạc, chế biến chè cau, phu bốc vác... Tầng lớp tiểu tư sản cũng xuất hiện khá đông, hoạt động trong nhiều ngành nghề khác nhau, đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội ở Hội An lúc bấy giờ. Nông dân và ngư dân chủ yếu làm thuê cho các địa chủ, các chủ thuyền buôn, thuyền đánh cá, cuộc sống đầy tối tăm khổ cực.

Thiếp gặp chàng tại đường xe lửa

Chàng gặp thiếp tại cửa ông Rô-be

Mấy lời chàng dặn thiếp nghe

Thức khuya dậy sớm làm chè mười hai xu...¹

Như vậy, chính sách cai trị của chính quyền thực dân phong kiến đã làm phân hóa xã hội, dẫn đến những mâu thuẫn không thể điều hòa. Với đặc điểm là một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, Hội An là nơi nhạy cảm với những luồng gió tư tưởng chính trị.

2. Cùng với những nét đặc sắc về lịch sử - văn hóa, mảnh đất và con người Hội An còn giàu truyền thống yêu quê hương đất nước, tinh thần chiến đấu dũng cảm chống ngoại xâm và khí phách cương trực trong đấu tranh chống áp bức, bất công.

Hội An đã sản sinh ra người anh hùng Nguyễn Duy Hiệu - sẵn sàng từ bỏ chức quan dạy hoàng tử chốn kinh thành, về quê tham gia dựng cờ Nghĩa Hội Quảng Nam, sau trở thành Hội chủ, lãnh đạo phong trào Cần Vương và đứng đầu chính quyền “*Tân tỉnh*” ở Quảng Nam, bao phen làm cho quân giặc kinh hồn bạt vía trong những năm 1885-1887.

Tiếp đến đầu thế kỷ XX, ở Quảng

Nam tiếp tục đẩy lên các cuộc vận động cách mạng sôi nổi và Hội An trở thành cửa ngõ và trung tâm của các trào lưu yêu nước mới. Năm 1904, Phan Bội Châu đã đến Hội An tìm gặp Châu Thượng Văn để liên lạc với các yếu nhân khác xúc tiến thành lập Duy Tân Hội, mục đích là “*đánh giặc phục thù*”, mà “*thủ đoạn là bạo động*”, nhằm “*khôi phục nước Việt Nam, lập ra một chính phủ độc lập*”. Ngôi nhà của Châu Thượng Văn gần chợ phố cổ Hội An trở thành cơ sở quan trọng của Duy Tân Hội, tổ chức các cuộc họp kín, bí mật đón tiếp, gặp gỡ các nhà yêu nước trong Nam ngoài Bắc, cũng là nơi giao dịch thư từ, sách báo trong và ngoài nước.

Cùng thời gian này ở Quảng Nam khởi phát phong trào Duy Tân do Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp chủ xướng với khẩu hiệu: “*Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh*”, kịch liệt lên án bọn vua quan phong kiến tham lam, công khai vận động cải cách văn hóa - xã hội, hô hào mở mang trường dạy chữ quốc ngữ, phát triển công thương. Phong trào cắt tóc ngắn, dùng vải nội, mặc đồ âu, bài trừ mê tín dị đoan bùng nổ. Hội buôn “*Quảng Nam hiệp thương công ty*” ra đời ở Hội An nhằm tập hợp những người yêu nước.

Các phong trào Nghĩa hội Quảng Nam, Duy Tân, Đông Du, kháng thuế, khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân... tuy thất bại nhưng tư tưởng yêu nước, quyết chống ngoại xâm giành độc lập tự do vẫn bất diệt, đã “*thâm căn cố đế*” trong tiềm thức và ý chí của con người Hội An. Chính vì thế Hội An vẫn là một tâm điểm gặp gỡ của các nhân sĩ, trí thức yêu nước trong Nam ngoài Bắc đến tổ chức các lần diễn thuyết, luận đàm thể sự.

¹ Dị bản “thức khuya dậy sớm chải chè mười hai xu”.

3. Tiếp nối truyền thống yêu nước, lại chịu sự tác động mạnh của các trào lưu cách mạng trên thế giới và ảnh hưởng của những cuộc vận động dân tộc dân chủ trong nước đang phát triển ngày càng sôi động, nên ngay từ những thập niên đầu thế kỷ XX, những thanh niên tiên tiến của Hội An đã sớm tiếp xúc với nhiều luồng gió tư tưởng tiến bộ mới.

Những năm 1920-1925, một số thanh niên ở nội ô cùng nhau hô hào vận động cải lương hủ tục, cảm hóa các tên “trùm”, chống cường hào, tổ chức tuyển lựa và tìm cách đưa thanh niên người Hoa sang học Trường quân sự Hoàng Phố (*Quảng Châu - Trung Quốc*). Từ năm 1926, các hoạt động càng sôi nổi, tập hợp nhiều thanh niên, học sinh, tiểu tư sản, trí thức cùng đọc và lưu truyền nhiều loại sách báo, các học thuyết, các trào lưu tiến bộ, tổ chức biểu diễn ảo thuật để lấy tiền ủng hộ báo “*Việt Nam hồn*” (trong đó có bài viết của Nguyễn Ái Quốc bằng ba thứ tiếng Việt Nam, Trung Quốc và Pháp), tham gia các phong trào đòi trả tự do cho nhà yêu nước Phan Bội Châu và tổ chức Lễ truy điệu danh nhân chí sĩ Phan Châu Trinh... Ảnh hưởng của các trào lưu yêu nước làm cho bầu nhiệt huyết tuổi thanh xuân càng thôi thúc, cuối năm 1926, một số thanh niên Hội An vào Nam Bộ để tìm tổ chức cách mạng nhưng không bắt mỗi được, mấy lần định sang Pháp cũng bắt thành nên quay về lại Hội An.

Giữa năm 1927, Phan Thêm - một thanh niên ưu tú của Hội An - bắt được mỗi gia nhập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên của Quảng Trị. Về lại Hội An, tháng 10/1927, tại chính căn nhà của gia đình mình - hiệu bán sách cũ



Di tích Cây Thông Một - Nơi thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam ngày 28/3/1930

Đức An, 83 đường Rue du pont Japonnais (*đường Cầu Nhật Bản - nay là 129 Trần Phú*), Phan Thêm triệu tập những đồng chí của mình và chủ trì thành lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên thị xã Hội An, trực thuộc Tỉnh bộ Quảng Trị. Kể từ đây, phong trào yêu nước và cách mạng ở Hội An đã đoạn tuyệt với các trào lưu cải lương, bước vào quỹ đạo do ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc soi đường.

Trong những năm 1927 - 1929, tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên của Hội An không ngừng lớn mạnh, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng cứu nước của Nguyễn Ái Quốc vào phong trào cách mạng của địa phương. Những cán bộ, hội viên của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên qua hoạt động đã được rèn luyện và thử thách, được nâng cao cả về lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn, trở thành những chiến sĩ cộng sản tiên phong, những hạt giống đỏ đầu tiên của Hội An.

4. Quá trình vận động cách mạng ở Hội An càng diễn ra sôi động bởi sự “*tiếp lửa*” từ tổ chức cách mạng cấp

trên. Tháng 4/1928, Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tỉnh Quảng Nam được thành lập trên cơ sở thống nhất hai tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên thành phố Đà Nẵng và thị xã Hội An.

Đây cũng là thời điểm lực lượng cách mạng Hội An được tăng cường đáng kể, đặc biệt là những phái viên của xứ ủy Trung kỳ, tỉnh ủy Quảng Nam (của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên trước đó và Đông Dương cộng sản Đảng sau này). Trong đó, nhiều yếu nhân được cấp trên điều động biệt phái về Hội An hoạt động, trở thành cán bộ lãnh đạo chủ chốt, như Trần Văn Tăng, Phan Văn Định, Trần Đệ Quả, Trần Kim Bảng...

Đó là những tiền đề và điều kiện chín muồi để dẫn đến một sự kiện trọng đại: Ngày 28/3/1930, tại Hội An, Tỉnh ủy lâm thời Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam được thành lập do đồng chí Phan Văn Định - lúc này trong vai tài xế cho công sứ Pháp tại Hội An - làm bí thư. Tỉnh ủy lâm thời ra thông cáo nêu rõ: “...Ban Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Quảng Nam của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành lập, để hướng đạo Công - Nông - Binh và những người lao khổ bị áp bức tranh đấu thực hiện chính cương của Đảng...” và đề ra khẩu hiệu “Công - Nông - Binh liên hợp đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến Nam triều!”. Tháng 4/1930, Tỉnh ủy Quảng Nam tổ chức chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của Hội An, do đồng chí Hà Mùi làm bí thư. Chi bộ Hội An được Tỉnh ủy giao tổ chức một cơ quan bí mật tại Xóm Đa ấp Xuân Lâm - Cẩm Phô để làm nơi liên lạc, nơi ở cho cán bộ lãnh đạo và in các tài liệu, truyền đơn.

5. Khi tổ chức Đảng ra đời cũng là lúc chính quyền thực dân Pháp tăng

cường khủng bố, tăng thêm lính khố xanh, cảnh sát, lập các xích hậu (*điểm canh*). Tuy vậy, nhờ có quan hệ gắn bó với quân chúng nên đến giữa năm 1930, chi bộ Đảng Hội An đã lãnh đạo phong trào cách mạng có những bước phát triển nhanh, hình thành nên các tổ chức công hội đỏ, phụ nữ giải phóng, cứu tế đỏ, đoàn học sinh, đội tự vệ đỏ; tổ chức đợt treo cờ đỏ búa liềm và rải truyền đơn khắp thành phố và một số vùng ngoại ô, kêu gọi quân chúng hưởng ứng Ngày Quốc tế lao động; tổ chức cuộc mít tinh giữa ban ngày trong nội ô hô hào đánh đổ chính quyền thực dân phong kiến, ủng hộ và chia lửa với Xô viết Nghệ Tĩnh.

Giữa lúc phong trào cách mạng đang phát triển mạnh thì thực dân Pháp mở cuộc khủng bố, bắt bớ cán bộ và cơ sở quân chúng cách mạng trong toàn tỉnh. Nhưng càng đánh phá kẻ thù càng lo sợ trước những ảnh hưởng và uy tín của Đảng. Chúng không thể ngờ được rằng tổ chức Đảng Cộng sản ra đời và cơ quan lãnh đạo Tỉnh ủy lại nằm ngay trong địa bàn nội ô Hội An - nơi đầu não của chính quyền thực dân, mà người lãnh đạo cao nhất - Bí thư Tỉnh ủy Phan Văn Định lại chính là người lái xe cho Công sứ Pháp.

Vừa mới ra đời, chỉ trong một thời gian ngắn, con đường cách mạng của Đảng đã soi sáng thức tỉnh nhân dân ta, bén rễ sâu bèn trong quần chúng. Chính vì vậy, mặc dù hầu hết những đảng viên đầu tiên của Hội An bị địch bắt và kết án tù đầy, nhưng hạt giống mà những chiến sĩ cộng sản tiên phong gieo trồng năm 1930 đã nảy mầm, đâm chồi nảy lộc và đơm hoa kết trái trên quê hương Hội An anh hùng

CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN KHU PHỐ CỔ HỘI AN QUA 20 NĂM ĐƯỢC CÔNG NHẬN LÀ DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI (1999 - 2019)

Trung tâm QLBTDSVH Hội An

Khu phố cổ Hội An được Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) cấp bằng công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia vào năm 1985; Thủ tướng Chính phủ cấp bằng công nhận Di tích cấp quốc gia đặc biệt vào năm 2009; và được tổ chức UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới vào ngày 4/12/1999.

Khu Di sản này được đánh giá với ý nghĩa: như một bảo tàng sống - “*bảo tàng về lịch sử kiến trúc, dân cư đô thị*”. Trong nhiều năm qua, được sự quan tâm đặc biệt của các cấp, ngành ở Trung ương, tỉnh; sự giúp đỡ, hỗ trợ đầy thiện chí của các cơ quan chuyên môn, các nhà khoa học trong và ngoài nước, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân Hội An đã không ngừng nỗ lực phấn đấu với tinh thần đầy sáng tạo, trách nhiệm nên Di sản văn hóa Hội An (*cùng với Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An*) không những được bảo tồn hoàn hảo mà còn được phát huy có hiệu quả, trở thành nguồn lực quan trọng để đưa kinh tế, văn hóa, xã hội thành phố phát triển vượt bậc.

1. Tình hình quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa

Trước hết, có thể nói quan điểm nhất quán, xuyên suốt của lãnh đạo thành phố Hội An, được thể hiện thông qua các nghị quyết của Đại hội Đảng bộ; Nghị quyết Hội đồng Nhân dân; các quy hoạch, đề án/dự án của UBND thành phố qua các nhiệm kỳ đều thống nhất: Bảo tồn Khu phố cổ Hội An - Di sản văn hóa thế giới phải gắn với bảo tồn cảnh quan thiên nhiên (*sông nước, biển - bãi biển, đảo và các cồn bãi trên sông*); gắn với bảo tồn các làng quê sinh thái, nghề - làng nghề truyền thống; đặc biệt phải gắn với những giá trị văn hóa phi vật thể. Và với mục tiêu lâu dài xây dựng, phát triển Hội An: Thành phố Sinh thái - Văn hóa - Du lịch.

Khu phố cổ Hội An - Di sản văn hóa thế giới là một quần thể kiến trúc gồm nhiều ngôi nhà ở tư nhân và các công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng, dân dụng khác trên các tuyến phố có diện tích khoảng hơn 1,2 km² (*gồm cả khu vực 1 và 2 của Khu phố cổ*), hiện có cư dân đang sinh sống, làm ăn². Việc

² Tính đến năm 2018, toàn thành phố Hội An có 1408 di tích đã được kiểm kê phân loại, trong đó có 28 di tích cấp quốc gia, 46 di tích cấp tỉnh và 1.334 di tích nằm trong danh mục bảo vệ của thành phố.

quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị của Di sản văn hóa - Khu phố cổ nói riêng, toàn bộ hệ thống di tích, di sản văn hóa ở Hội An nói chung được cả hệ thống chính trị, các cấp chính quyền, các cơ quan chuyên môn và cả cộng đồng người dân Hội An chung tay thực hiện. Trong nhiều năm qua, các văn bản pháp quy của Trung ương và Tỉnh về quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa được nhân dân Hội An thực hiện một cách chu đáo. Ngoài ra, với điều kiện đặc thù là thành phố di sản văn hóa thế giới với hàng ngàn “*di tích sống*”, trong đó hầu hết di tích thuộc sở hữu tư nhân - tập thể nên chính quyền thành phố đã sớm chủ động ban hành một số quy chế được cộng đồng nhân dân ủng hộ, góp phần nâng cao nhận thức; nâng cao trách nhiệm của cả cộng đồng, của từng cơ quan chức năng, các cấp chính quyền, của cả hệ thống chính trị trong việc giữ gìn, bảo tồn nguyên vẹn và sử dụng, phát huy có hiệu quả quần thể di sản văn hóa của nhân loại³. Hơn nữa, để góp phần quản lý, bảo tồn tốt Khu phố cổ, Thành phố đã thành lập đội ngũ cộng tác viên (với số lượng 33 người là những tổ trưởng, khối trưởng các khối phố trong Khu phố cổ), được hỗ trợ kinh phí

Riêng Khu phố cổ có 1.130 di tích (trong đó có 09 di tích đơn lẻ được xếp hạng cấp Quốc gia và 05 di tích cấp Tỉnh); các di tích sở hữu Nhà nước chiếm 15,8% và các di tích sở hữu tư nhân, tập thể (chủ yếu là nhà ở, nhà thờ tộc/họ) chiếm 84,2%).

³ Như: Quy chế quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích trong khu phố cổ; Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo, viết, đặt biển hiệu; Quy chế quản lý hoạt động tham quan du lịch; Quy chế quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thương mại trong Khu phố cổ; Quy chế tạm thời về hoạt động vận chuyển khách du lịch đường thủy; Quy chế phối hợp cấp phép và kiểm tra xử lý vi phạm xây dựng trong Khu phố cổ. Thực tế ở Hội An trong quá trình quản lý còn phải áp dụng nhiều văn bản pháp quy khác liên quan đến dân cư, đất đai, nhà ở, môi trường...

120.000đ/tháng/người. UBND thành phố Hội An cũng ban hành cơ chế hỗ trợ kinh phí cho người bảo vệ di tích thuộc sở hữu cộng đồng, nhà nước theo 3 mức: 350.000đ/tháng/người (đối với di tích cấp quốc gia), 300.000đ/tháng/người (đối với di tích cấp Tỉnh), 270.000đ/tháng/người (đối với di tích bảo vệ cấp thành phố). Và dựa theo cơ chế hỗ trợ của tỉnh, thành phố cũng đã ban hành: Cơ chế quản lý hỗ trợ kinh phí tu bổ, tôn tạo di tích thuộc sở hữu tư nhân - tập thể trong khu phố cổ Hội An⁴. Ở Hội An, các di tích đều được lập hồ sơ pháp lý nhằm phục vụ cho việc quản lý sửa chữa, tu bổ, sử dụng, phát huy di tích. Ngoài các di tích được cấp bằng di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh, số còn lại đều được cấp giấy chứng nhận thuộc Danh mục bảo vệ của thành phố; lập hồ sơ lý lịch di tích; hồ sơ khoanh vùng bảo vệ, trích lục bản đồ; dựng bia giới thiệu di tích và cắm mốc khu vực bảo vệ cho gần 100 di tích, lắp đặt bảng chỉ đường di tích ở 03 địa phương⁵, đặt bảng thuyết minh thông tin cho hàng chục di tích quan trọng thuộc các loại hình trên địa bàn thành phố; thực hiện diệt - phòng trừ mối cho toàn bộ Khu phố cổ và cho 31 di tích ngoài Khu phố cổ có nguy cơ bị mối xâm hại; đặc biệt các di tích thuộc sở hữu nhà nước/ cộng đồng đều có quyết định thành lập tổ quản lý (thành phần bao gồm đại diện thôn/khối phố và cộng đồng dân cư địa phương) và gắn với chức năng quản lý nhà nước của các địa phương xã/phường có di tích.

Việc hướng dẫn và thực hiện công tác cấp phép, giám sát sửa chữa, tu bổ, tôn tạo, phục hồi di tích trong Khu phố

⁴ Các khoản kinh phí này đều được sử dụng từ nguồn kinh phí thu bán vé tham quan Khu phố cổ.

⁵ Xã Cẩm Kim, xã Tân Hiệp, xã Cẩm Thanh.

cổ cho các tổ chức, cá nhân được thực hiện kịp thời, hiệu quả, thông qua hình thức “*một cửa liên thông*” tại Trung tâm hành chính công của thành phố (*trung bình mỗi năm thành phố thực hiện việc cấp phép trên 200 lượt/trong Khu phố cổ*). Công tác phòng tránh thiên tai (*bão lụt*), phòng chống cháy - nổ được thành phố đặc biệt quan tâm, chu đáo (*ngoài việc quan tâm đầu tư theo các dự án, hàng năm đều có phương án, biện pháp, giải pháp cụ thể cho công tác này*). Từ nguồn thu bán vé tham quan Khu phố cổ, cùng các nguồn vốn ngân sách nhà nước của Trung ương, Tỉnh, trong nhân dân và tài trợ của các tổ chức quốc tế, thành phố đã thường xuyên quan tâm đầu tư tu bổ, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cảnh quan đô thị, nông thôn, và riêng cho tu bổ các di tích. Qua 20 năm (*từ năm 1999 đến năm 2019*) từ những dự án hợp tác thí điểm, điển hình với Chính phủ Nhật Bản, các tổ chức quốc tế trong trùng tu di tích hoặc thông qua các dự án bước đầu hỗ trợ người dân từ 20-40% hệ mái ngoài âm dương là tiền đề cho công cuộc trùng tu, cứu nguy nhiều di tích có nguy

cơ sụp đổ trong khu phố cổ Hội An. Đến nay, Trung tâm đã thực hiện tu bổ cho tổng cộng 424 công trình di tích nhà nước và di tích hỗ trợ tư nhân - tập thể với tổng số vốn đầu tư là 152.373.000.000đ, trong đó: Nguồn vốn trung ương (*Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa*) và tỉnh Quảng Nam là 37.959.000.000đ (*chưa tính đến nguồn đã cấp cho Trung tâm Bảo tồn Di tích Quảng Nam hoặc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Quảng Nam làm chủ đầu tư*), vốn ngân sách thành phố là 90.043.000.000đ, vốn tài trợ nước ngoài là 3.937.000.000đ, xã hội hóa trong dân khoảng 20.434.000.000đ. Ở đây đã có sự gắn kết hiệu quả các chương trình đầu tư bảo tồn, phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, xây dựng nông thôn, phát triển kinh tế vùng biển đảo... đều hướng đến cùng mục tiêu giữ gìn di sản văn hóa, thiên nhiên, phát triển kinh tế du lịch. Đặc biệt, việc thực hiện dự án “*Đầu tư tu bổ khẩn cấp các di tích có nguy cơ sụp đổ trong Khu phố cổ*” theo quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam từ năm 2005 đến nay cho



Một góc phố cổ Hội An - Ảnh: Phan Huy Vũ
vu phan

gần 100 di tích - nhà ở từ nguồn vốn ngân sách 40% của tỉnh, 60% của thành phố, cùng với nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, và tham gia đóng góp của các chủ nhà ở, di tích, đặc biệt với cơ chế chính sách nhà nước hỗ trợ từ 40% - 75% kinh phí khi người dân tham gia dự án, cho đến nay quần thể kiến trúc Khu phố cổ Hội An đã vượt qua được giai đoạn nguy cơ khẩn cấp về sự sụp đổ, mất di tích và liên quan đến tính mạng con người.

Trong quá trình quản lý, ngành văn hóa Hội An (gồm Phòng Văn hóa - Thông tin, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa, Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình) đều phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo tồn di tích. Công tác này được tập trung thực hiện thông qua nhiều hình thức in ấn, tổ chức tuyên truyền Luật Di sản Văn hóa, các văn bản dưới luật, các quy chế, và các ấn phẩm như cẩm nang hướng dẫn tu bổ di tích, sách danh mục di tích, Thông tin nghiên cứu bảo tồn di sản, các sách về kết quả nghiên cứu... phổ biến đến từng hộ dân, chủ di tích. Các văn bản, quy định pháp luật về quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của thành phố, trang thông tin (*hàng quý*) và chuyên mục phát thanh bảo tồn di sản (*hàng tuần*) của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An; tuyên truyền lồng ghép trong các buổi sinh hoạt ở xã/phường, khu dân cư, tại các hội thảo, lễ hội, sự kiện; Xây dựng bộ giáo trình về giáo dục di sản trong học đường cho học sinh từ khối lớp 1 và lớp 6, cùng với các chương trình chúng em khám phá Bảo tàng; thi tìm hiểu qua sách báo tại thư viện; các trường học nhận chăm sóc di tích lịch sử

văn hóa, di tích cách mạng... (theo *Chi thị số 40/2008/CT-BGDĐT* ngày 27/7/2008 của Bộ GD-ĐT đã đem lại hiệu quả trong nâng cao nhận thức của học sinh về giá trị di sản).⁶

Trong nhiều năm qua, Ngành văn hóa đã thường xuyên chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức hơn 50 buổi sinh hoạt báo cáo các chuyên đề: “*Đô thị cổ Hội An - Những giá trị đặc trưng*”, “*Xây dựng Hội An - Thành phố Văn hóa*”, “*Xây dựng Nếp sống văn minh trong kinh doanh dịch vụ, giao tiếp ứng xử*” cho nhiều nhóm đối tượng khác nhau⁷. Từ năm 2015-2016, thành phố đã tổ chức cuộc thi “*Tìm hiểu Di sản văn hóa Hội An qua internet*” kéo dài 24 tuần với hàng ngàn lượt người tham gia mỗi kỳ; tổ chức Hội thi “*Chúng em với Di sản và Môi trường*” trong tất cả các trường THCS, Hội thi “*Thanh niên Hội An với Di sản Văn hóa Hội An*”... Nội dung bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa từ năm 1993 đưa vào tiêu chí xây dựng Nếp sống văn minh - Gia đình văn hóa, năm 1997 đưa vào tiêu chuẩn thôn/khối phố văn hóa, xã/phường văn hóa và đến nay

⁶ Từ năm 1999 đến nay, ngân sách thành phố đã chi hàng tỉ đồng cho việc khảo sát, nghiên cứu lập hồ sơ khoa học về di sản văn hóa; xuất bản hơn 35 đầu sách về lịch sử, khảo cổ, về văn hóa ẩm thực, lễ hội, phong tục tập quán, tín ngưỡng, nghề truyền thống, thông tin về di tích, di sản; và hàng chục đơn vị băng, đĩa phim, nhạc... Đặc biệt, Hội An đã đầu tư thiết lập được 8 bảo tàng chuyên đề, nhà lưu niệm, trưng bày với gần 10 ngàn hiện vật (đây là trường hợp duy nhất ở Việt Nam, cấp huyện có được), hàng năm tại đây đã đón gần 1 triệu lượt khách tham quan, nghiên cứu.

⁷ Như: giáo viên và học sinh các trường phổ thông trung học, thanh niên, chủ cửa hàng cửa hiệu, cơ sở lưu trú, cơ sở sản xuất - kinh doanh, cơ sở dịch vụ cho thuê xe đạp, nghiệp đoàn xích lô, tiểu thương chợ Hội An, lực lượng bán hàng rong chợ Nguyễn Hoàng, dịch vụ các bãi tắm du lịch, chợ đêm Đồng Hiệp, dịch vụ thuyền thúng rừng dừa Bã Mầu xã Cẩm Thanh, Ban quản lý du lịch Cù Lao Chàm...

là một trong những nhiệm vụ then chốt xây dựng và phát triển văn hóa, con người của thành phố.

Công tác kiểm kê, nhận diện di sản văn hóa phi vật thể (theo thông tư 04 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) được quan tâm chú trọng, trên cơ sở đó đã đề nghị Bộ công nhận các nghề mộc Kim Bồng, nghề khai thác yến sào Thanh Châu, nghề gốm Thanh Hà là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (hiện đang tiếp tục trình hồ sơ đề nghị Lễ hội Trung thu ở Hội An).

Thành phố cũng sớm đề ra chủ trương đầu tư, định hướng bảo tồn và khôi phục các hình thức nghệ thuật diễn xướng dân gian và các giá trị văn hoá truyền thống khác⁸. Trò chơi Bài chòi tương chừng như đã thất truyền nhưng nay đã được hồi sinh và đã thực sự đi vào công chúng một cách mạnh mẽ, thường xuyên diễn ra hằng đêm tại Khu phố cổ. Đây cũng là hoạt động rất có hiệu quả trong việc giới thiệu và quảng bá các sản phẩm văn hoá - du lịch khá độc đáo của Hội An. Việc bảo tồn và phát triển, mở tuyến tham quan các làng

nghề truyền thống, làng quê sông nước như: gốm Thanh Hà, Rau Trà Quế, Mộc Kim Bồng, làng quê sinh thái Cẩm Thanh... đem lại cơ hội mở ra từ du lịch, góp phần nuôi giữ nghề truyền thống. Từ đó những giá trị của loại hình văn hoá phi vật thể độc đáo này cũng đã thoát khỏi nguy cơ lụi tàn, ngược lại cơ hội được bảo tồn để tồn tại và tiếp tục vươn lên trong thời kỳ mới.



Trên lĩnh vực phát huy Di sản văn hóa nói chung, trong những năm qua, cùng với quần thể Di sản văn hóa kiến trúc Khu phố cổ Hội An, hàng loạt các sản phẩm du lịch độc đáo: “Đêm phố cổ”,

“Phố đi bộ”, “Phố không có tiếng động cơ xe máy”, các khu Chợ đêm; gắn với nhiều lễ lễ, lễ hội, hoạt động văn hóa truyền thống, diễn xướng dân gian được phục hồi, phát huy đúng hướng, vừa gắn với tín ngưỡng truyền thống, vừa phục vụ khách tham quan, nghiên cứu và với việc tổ chức nhiều sự kiện văn hóa⁹. Hiện nay thành phố đã xây dựng được các lễ hội, sự kiện định kỳ hàng năm gồm: Hội Tết dân tộc, Hội đèn lồng, Tết Nguyên tiêu, Tết Trung thu, các giỗ tổ

⁸ Như: Đầu tư xây dựng Nhà biểu diễn Nghệ thuật cổ truyền từ năm 1996 (đến nay có 40 nhạc công diễn viên), biểu diễn phục vụ du khách 3 xuất/1 ngày, được sự hỗ trợ của Bộ VHTTDL, Thành phố đã đầu tư xây dựng 1 chương trình mùa rỗi nước biểu diễn phục vụ du khách 5 xuất/1 tuần. Mở lớp và đào tạo được nhiều mầm non hát dân ca tại các xã phường trên địa bàn thành phố, phát hiện các năng khiếu dân ca là con em của các nghệ nhân gửi đi đào tạo hoặc thu hút vào công tác tại cơ quan, vào hoạt động phong trào tại Thành phố với những chính sách khá đặc biệt. Từ năm 2004 đến nay, Thành phố đã thống nhất với ngành Giáo dục đưa chương trình dạy hát dân ca vào các trường Trung học cơ sở trong chương trình học chính khóa, mở lớp dạy nhạc cụ dân tộc cho tất cả các đối tượng ...

⁹ Từ năm 2010, Thành phố đã thường xuyên lồng ghép việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trong việc mở các lớp dạy hát dân ca, dạy hát thính phòng... thường xuyên hằng đêm hay việc đưa các hoạt động văn hóa nghệ thuật truyền thống như Hát hò khoan đối đáp, biểu diễn nghệ thuật truyền thống vào hoạt động “Phố đêm” (7 đêm/tuần) cũng như sự kiện Đêm phố cổ hằng tháng. Đây là một hoạt động sáng tạo và đầy nỗ lực, góp phần định hướng thị hiếu - đặc biệt là giáo dục lòng yêu âm nhạc dân tộc trong lớp trẻ, trong việc giới thiệu - quảng bá nền nghệ thuật dân gian địa phương và dân tộc đến với du khách trong và ngoài nước.

nghe, cùng với nhiều hoạt động hợp tác, giao lưu văn hóa, kết nghĩa, lưu diễn nghệ thuật giữa Hội An với nhiều địa phương trong nước và ở các nước: Hồng Kông - Trung Quốc, Ý, Thái Lan, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc... Ngoài ra, thành phố cũng đã thường xuyên tham mưu và làm nhiệm vụ thường trực tổ chức các sự kiện văn hoá thể thao của tỉnh như Lễ hội “*Quảng Nam - Hành trình di sản*” (định kỳ 2 năm 1 lần), Liên hoan và Hội thi hợp xướng quốc tế, các sự kiện quốc gia và quốc tế như các cuộc thi Hoa hậu Việt Nam, Hoa hậu Hoàn Vũ, Hoa hậu Trái Đất, hội nghị APEC... Các hoạt động trên góp phần làm cho hình ảnh Hội An ngày càng lan tỏa khắp nơi trên thế giới, thêm hấp dẫn, độc đáo thu hút đông đảo du khách tham quan, hưởng thụ¹⁰. Tốc độ phát triển kinh tế du lịch ở Hội An tăng nhanh ngoạn mục, đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của nhân dân Hội An được thay đổi, nâng cao rõ rệt. Lượng du khách đến Hội An ngày một tăng nhanh. Trong năm 1999 chỉ có gần 100 nghìn lượt khách tham quan thì đến năm 2018 con số này đã lên đến hơn 2,3 triệu lượt khách. Năm 1999 mới chỉ có 17 cơ sở khách sạn, nhà nghỉ; đến cuối năm 2018, Hội An có thể sẵn sàng đón một ngày hơn 21.000 khách lưu trú/10.464 phòng. Tính đến cuối năm 2018, toàn thành phố có 638 cơ sở với 10.464 phòng (*khách sạn, biệt thự du lịch, Homstay, nhà nghỉ*). Đời sống kinh tế của người Hội An được phát triển và đi theo là mức hưởng thụ đời sống văn hóa, tinh thần, phúc lợi xã hội

¹⁰ Đến nay Di sản Văn hóa thế giới Hội An đã trở thành thương hiệu khá hấp dẫn đối với du khách quốc tế và trong nước. Hội An bây giờ như một cái tên quen thuộc chỉ cần vào mục tìm kiếm trong google đã có hơn 360 triệu thông tin. Đồng thời Hội An cũng đạt được nhiều danh hiệu, giải thưởng do các tổ chức quốc tế bầu chọn về bảo tồn và phát huy Di sản, về du lịch, sinh thái.

của cả cộng đồng được thay đổi, nâng cao vượt bậc (*thu nhập bình quân đầu người hiện nay đạt gần 46 triệu đồng/năm*). Bộ mặt đô thị, nông thôn ngày càng khang trang: xanh, sạch, đẹp theo định hướng xây dựng Thành phố Sinh thái - Văn hóa - Du lịch.

Có thể nói, Di sản Văn hóa Hội An (*bao gồm cả giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể*) đã trở thành “*thương hiệu du lịch*” điem đến khá hấp dẫn đối với du khách quốc tế và trong nước và thật sự trở thành động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đắc lực vào sự phát triển ngành kinh tế du lịch - dịch vụ Hội An, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân - chủ di tích, đồng thời tăng thêm điều kiện, nguồn lực đáng kể để bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, phục hồi di tích - di sản.

2. Về hạn chế - bất cập và đề xuất - kiến nghị

Tổng quan chung về hạn chế, bất cập và cả những nguy cơ thách thức đối với sự nghiệp quản lý, bảo tồn và phát huy Di sản văn hóa Hội An đó là: Những áp lực của vấn đề dân số, mật độ và thành phần dân cư trong đô thị tăng nhanh khó kiểm soát, nhất là trong Khu phố cổ và tác động mặt trái của tốc độ đô thị hóa, phát triển dịch vụ - du lịch gây nên tình trạng tranh mua, tranh bán, cò mồi, chen lấn, trưng bày hàng hóa lộn xộn, phản cảm... làm ảnh hưởng nghiêm trọng lên tính toàn vẹn, tính chân xác của di sản văn hóa, của cảnh quan môi trường sống, cảnh quan di tích và các quan hệ xã hội, gia đình, tộc họ, ảnh hưởng đến đạo đức lối sống thuần hậu của con người Hội An xưa.

Sự thiếu hoặc không có các loại vật liệu truyền thống cho tu bổ di tích theo nguyên tắc bảo tồn tính chân xác; thiếu

hoặc không còn các nghệ nhân/tay nghề truyền thống cao cho tu bổ di tích, “truyền nhân” cho hoạt động diễn xướng dân gian...; Sự thay đổi chủ sở hữu trong các di tích, ngôi nhà cổ Hội An làm biến đổi chức năng cấu trúc, không gian của các di tích này ảnh hưởng đến sự bảo tồn toàn vẹn chung của Khu phố cổ. Các nguy cơ cháy nổ, mối mọt, lũ lụt là những mối nguy thường xuyên đối với khu phố cổ hiện nay. Mặt khác, về cơ sở hạ tầng các tuyến giao thông du lịch chính đang quá tải, và xuống cấp nghiêm trọng; nguồn lực lao động có đào tạo, có chất lượng trong lĩnh vực dịch vụ - du lịch thiếu trầm trọng, không đáp ứng kịp với nhu cầu phát triển hiện nay; đó là nguy cơ do biến đổi khí hậu toàn cầu mà khu vực Hội An cũng là trọng điểm ở miền Trung, Việt Nam, đáng quan tâm là bão, lụt đi theo nguy cơ là sóng và nước biển dâng, là sói lở bờ sông, bờ biển, là tình trạng bồi cạn, ngập úng, và cả hệ lụy bởi xả lũ ở đầu nguồn; rồi nguy cơ cháy nổ do hoạt động quá tải bởi các hoạt động dịch vụ của con người trong Khu phố cổ; Kể cả sự hạn chế, bất cập về năng lực quản lý của cán bộ các ngành chức năng, các cấp chính quyền địa phương, nhất là ở các xã/phường...bởi không theo kịp với tốc độ phát triển, thay đổi/biến đổi nhanh chóng do tác động mạnh mẽ của sự phát triển (*nhất là phát triển du lịch*), các tệ nạn xã hội, các vấn đề về trật tự - an ninh, an toàn xã hội phát sinh nóng hàng ngày, bởi sự bất cập về các văn bản pháp quy chưa theo kịp với nhiều biến đổi ở địa phương đặt ra...; và những thách thức cần phải giải quyết về các mối quan hệ đó là: Bảo tồn để phát triển; bảo tồn vừa đảm bảo nguyên tắc về tính chân xác, vừa phải đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của cư dân đương đại; mối quan hệ giữa vấn đề về dân số, dân cư trong sự biến động liên

quan đến việc bảo tồn những giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, đến các giềng mối trong quan hệ xã hội, cộng đồng, trong tộc họ, gia đình; mối quan hệ giữa lợi ích của cả cộng đồng với quyền và lợi ích của từng nhóm cá nhân và từng cá thể.

Để từng bước tháo gỡ, giải quyết những vấn đề tất yếu của quá trình bảo tồn và phát triển nêu trên kính đề nghị:

- Theo Nghị định 109/2017/NĐ-CP, ngày 21/9/2017 của chính phủ (*Quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam*), hiện nay địa phương đã bị tham mưu và trình tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ Di sản văn hóa thế giới Hội An. Vậy đề nghị được đưa vào kế hoạch phê duyệt/ban hành năm 2020 của tỉnh.

- Về việc xin chính phủ ban hành: Cơ chế đặc thù cho Bảo tồn phát huy Di sản văn hóa Hội An, hiện nay đã trình các Bộ, văn phòng Chính phủ nhưng đang gặp khó khăn về quy trình thẩm định, đề nghị lãnh đạo tỉnh sớm chỉ đạo làm việc với các cơ quan này.

- Đề nghị lãnh đạo tỉnh tiếp tục quan tâm chỉ đạo: các công trình như Kè bảo vệ Khu phố cổ; kè bãi biển; cơ sở hạ tầng giao thông dẫn vào Hội An ở các tuyến giao thông của tỉnh, bãi đậu xe, những vấn đề liên quan đến môi trường và rác thải ở Hội An hiện nay; cho ý kiến về việc tổ chức sản xuất vật liệu ngói, gạch phục vụ tu bổ di tích; Có chính sách, cơ chế ưu đãi đối với cán bộ chuyên ngành bảo tồn Di sản văn hóa, văn hóa - nghệ thuật để anh chị em có thể yên tâm sống bằng chính nghề của mình và các nghệ nhân/thợ chuyên môn để phục vụ cho công tác quản lý, bảo tồn và tu bổ di tích ở Hội An và cả trên địa bàn tỉnh ♦

NHỮNG Ý TƯỞNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN TỪ THỜI BAO CẤP

ThS. Quảng Văn Quý

Từ sau ngày quê hương được giải phóng đến những năm 80 thế kỷ trước, Hội An đã có những nỗ lực lớn lao trong việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khai hoang phục hóa, tổ chức lại sản xuất và ổn định đời sống nhân dân. Do điều kiện khó khăn chung của cả nước nên những khái niệm về du lịch - dịch vụ ở Hội An lúc bấy giờ vẫn chưa được đề cập. Phố cổ Hội An vẫn chỉ dừng lại là nơi bán, buôn của cư dân các vùng lân cận với tư cách là “*chợ - phố*” và là chốn về của những cuộc thăm thân. Nhưng thật may, Khu phố cổ Hội An cùng với các di sản ẩn tàng trong nó vẫn được giữ gìn gần như nguyên vẹn. Đó là nguồn tài nguyên quan trọng cho sự phát triển của Hội An trong tương lai. Đến những năm 1982-1985, Hội An bắt đầu đón tiếp một số đoàn khách nhỏ đến tham quan và nghiên cứu về “*đô thị cổ*”, cùng một số đoàn công tác trong nước và quốc tế khác tiện thể ghé thăm khi đến làm việc tại Quảng Nam - Đà Nẵng. Tuy lượng du khách đến chưa nhiều và kinh tế du lịch chưa đóng góp một đồng nào cho ngân sách của thị xã, nhưng khoảng thời gian này lại có một ý nghĩa lịch sử vô cùng quan trọng. Đó là có thể xem khoảng thời gian phát hiện/khám phá ra giá trị di sản và những tiềm năng du lịch của phố cổ Hội An, từ đó bước đầu hình thành

những ý tưởng đặt nền móng cho sự phát triển du lịch - dịch vụ Hội An sau này.

Tháng 6/1982, với tư cách là Trưởng Tiểu Ban hợp tác Ba Lan - Việt Nam về tu bổ di tích Mỹ Sơn, KTS. Kazimierz Kwiatkowsky đến Hội An (*tên thân mật là Kazik*). Trước vẻ đẹp đầy quyến rũ của phố cổ, với sự mến cảm và lòng đam mê di sản, bằng uy tín của mình, Kazik đã đề nghị KTS. Hoàng Đạo Kính tham gia và cử đoàn cán bộ của Trung tâm Thiết kế và Tu bổ Di tích Trung ương vào Hội An để cùng ông phối hợp với Phòng Văn hóa - Thông tin Hội An, Ty Văn hóa Quảng Nam - Đà Nẵng tiến hành khảo sát, nghiên cứu, đánh giá hiện trạng kiến trúc, xây dựng hồ sơ trình Bộ Văn hóa - Thông tin xem xét công nhận Di tích Quốc gia đối với khu phố cổ. Với tinh thần làm việc khẩn trương, sau gần một năm, với hai đợt công tác tập trung, đoàn công tác đã hoàn thành cơ bản các hồ sơ khoa học để đệ trình Bộ Văn hóa - Thông tin xem xét.

Bằng những kinh nghiệm của mình, trong quá trình làm việc với lãnh đạo thị xã Hội An, Kazik đã luôn thuyết phục và nhấn mạnh về tiềm năng phát triển du lịch của phố cổ. Ông cho rằng: “*Tương lai hằng năm, mỗi người Hội An sẽ phải đón tiếp 3 đến 4 lượt khách nước ngoài... Nếu sở hữu một ngôi nhà cổ ở Hội An trong vài năm tới, tôi sẽ trở thành triệu phú*”.

Đồng thời, “*để chứng minh cho những nỗ lực bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích cổ, ông miệt mài thiết kế nhà 33 Nguyễn Thái Học thành một nhà nghỉ. Ông cũng lại vẽ ghi đề xuất phương án cải tạo nhà 75 Trần Phú thành một quán bar phục vụ khách nước ngoài.*” [1]

Đầu năm 1985, tin vui đã đến với người dân Hội An, khi ngày 19/3/1985 Khu phố cổ Hội An được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp bằng công nhận Di tích Lịch sử - Văn hóa Quốc gia. Sự kiện này ghi dấu một cột mốc quan trọng, đánh dấu sự hồi sinh của đô thị cổ. Bốn tháng sau, vào tháng 7/1985, UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin và các cơ quan liên quan lại tổ chức hội nghị khoa học quốc gia về Đô thị cổ Hội An. Hội nghị đã quy tụ hơn 203 nhà khoa học trong nước, hơn 286 khách mời, cùng 72 báo cáo và các ý kiến được đưa ra bàn thảo, qua đó đã bước đầu làm sáng tỏ nhiều vấn đề khoa học mà trước đây chưa hề đề cập đến về vùng đất Hội An. Đặc biệt, ngoài việc thẩm định giá trị lịch sử - văn hóa của khu phố cổ; đề xuất phương hướng; xây dựng chủ trương bảo tồn đô thị cổ; hội nghị khoa học này cũng đã thông qua nhiều nội dung quan trọng liên quan đến việc nghiên cứu phát huy giá trị khu phố cổ phục vụ chiến lược phát triển kinh tế du lịch - dịch vụ ở Hội An. Nhiều ý kiến đánh giá, nhận định và đề xuất tại hội nghị đến nay, vẫn còn nguyên giá trị và có thể xem nó như “kim chỉ nam” cho sự phát triển du lịch của Hội An sau này.

KTS. Lê Thành Vinh - Trung tâm Thiết kế - Tu bổ di tích Trung ương, trong bài tham luận của mình tại hội nghị đã cho rằng: “*Hội An có đầy đủ tiềm năng*

để trở thành một trung tâm du lịch nổi tiếng,... như các chuyên gia Ba Lan đã nhận định: Hội An phải trở thành một điểm quan trọng trong tam giác du lịch Huế - Mỹ Sơn - Hội An. Tam giác này có đầy đủ các điều kiện đáp ứng những chương trình tham quan du lịch đối với những người khó tính nhất”. [2]

Ông Văn Minh Chi - Lãnh đạo Công ty Du lịch Quảng Nam - Đà Nẵng trong tham luận của mình cũng đã khẳng định: Hội An là “*nơi mà du khách quan tâm như các hãng du lịch: INDOCULTUR của Tây Đức, Hãng LVJ, IT của Pháp, ORBIS, GROMAATDA của Ba Lan...*”. Ông cũng tin tưởng rằng: “*Hội An nhất định có đầy đủ khả năng để xây dựng thành một khu du lịch cổ kính mà hiện đại. Và một ngày không xa Hội An sẽ làm hài lòng du khách về những điểm tham quan với nền văn hóa nghệ thuật cổ, về những món ăn đặc sản giàu hương vị đất Quảng. Hội An thật là một trung tâm văn hóa, nghệ thuật của đất Quảng, có nhiều tiềm năng du lịch độc đáo ở vùng Đông Nam Á*”. [3]

Còn trong Báo cáo tổng thuật Hội nghị khoa học về khu phố cổ Hội An, GS. Trần Quốc Vượng có niềm tin sâu sắc rằng: Hội An là “*một mảnh đất đã từng nổi tiếng một thời, và đang và sẽ còn là một hấp lực lớn đối với mỗi con em dân tộc và khách quý bốn phương, từ người dân thường đến các nhà khoa học, từ người mong tìm chốn nghỉ tạm thời, khách du lịch đến các nhà văn hóa, nghệ sĩ, từ thương nhân đến những người lao động trí óc, chân tay...*” [4]. Đồng thời, từ những giá trị nhiều mặt của khu phố cổ, trong phần tổng thuật hội nghị, GS. Trần Quốc Vượng nhấn mạnh: “*Từ những nghiên cứu bước đầu về Hội An ta đã thấy sự cần thiết phải bảo tồn và phát*



KTS.Kazik và đoàn cán bộ của Trung tâm Thiết kế và Tu bổ Di tích Trung ương tại Phố cổ Hội An năm 1985.

huy tác dụng của một quần thể kiến trúc đô thị hiếm có... Cần phải bảo dưỡng những công trình đã và đang xuống cấp, ... cần phát huy chức năng văn hóa du lịch - dịch vụ của khu phố cổ Hội An. Để cho nơi đây là một bảo tàng ngoài trời và trong nhà sống động, nói với hôm nay và đời sau, với dân tộc và thế giới biết bao điều cần nói về tâm hồn Hội An, về phong cách Hội An trong tâm hồn và phong cách chung của một Việt Nam thống nhất”.[4]

Đặc biệt, trong Đề dẫn công tác nghiên cứu, bảo tồn và khai thác khu di tích Đô thị cổ của Ban Chủ nhiệm Chương trình khoa học về Hội An do ông Phan Trung Thứ - Chủ tịch UBND thị xã Hội An làm Chủ nhiệm¹, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các nhà khoa học được

¹ Ban Chủ nhiệm Chương trình khoa học về Hội An được thành lập theo Quyết định số 318/QĐ/UB của UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng do ông Phan Trung Thứ - Chủ tịch UBND thị xã Hội An làm Chủ nhiệm cùng với 04 Phó Chủ nhiệm, 02 thư ký và các thành viên liên quan. Ban có nhiệm vụ điều tra cơ bản về tài nguyên kinh tế, lịch sử, văn hóa Hội An; tổng kết kinh tế - xã hội 10 năm 1975-1985; điều tra nghiên cứu cơ bản, xây dựng chiến lược kinh tế, qui hoạch thiết kế tổng thể, xây dựng dự án trung tu, tôn tạo và lập các dự án phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của Hội An từ năm 1984 - 2000 trên cơ sở một khu phố cổ ngày càng thu hút nhiều khách du lịch.

thông qua tại Hội nghị khoa học về khu phố cổ Hội An, lãnh đạo thị xã Hội An đã đưa ra nhiều công việc cần phải làm ngay hết sức chi tiết nhằm định hướng bảo tồn khu phố cổ, đồng thời cũng đã tập trung đề cập đến nhiều nội dung rất cụ thể về công tác phát huy tác dụng di tích và khai thác du lịch, tổ chức các dịch vụ phục vụ du lịch tại khu phố cổ và cho cả thị xã Hội An, trong đó có một số phần việc như: “1. Tổ chức mạng lưới các công trình các điểm văn hóa: Dịch vụ

phục vụ du lịch và đời sống nhân dân thị xã và phục vụ tham quan du lịch chủ yếu sử dụng các ngôi nhà cũ; nhà trưng bày về lịch sử, truyền thống Hội An; phòng - salon nghệ thuật mỹ thuật giới thiệu và bán các tác phẩm về Hội An, các hàng lưu niệm; các khách sạn nội địa, các khách sạn dành cho người nước ngoài đặt ngay trong các khu nhà cũ; các cửa hàng ăn uống đặc sản; phòng đọc sách, câu lạc bộ, nhà văn hóa; phòng đón tiếp tổ chức hướng dẫn tham quan du lịch; các xưởng kiêm quầy hàng thủ công mỹ nghệ bán cho khách du lịch vừa đến xem quy trình sản xuất vừa mua hàng; tổ chức bãi tắm dịch vụ tại đó, tổ chức tham quan Cửa Đại, Cù Lao Chàm bằng thuyền bè, bổ sung cho chương trình tham quan khu phố cổ. 2. Từng bước biến Hội An thành một trọng điểm tham quan - du lịch, nghỉ ngơi trong hệ thống các điểm du lịch của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và của cả nước...”[5].

Và còn nhiều ý kiến, nhiều ý tưởng khác nữa của các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý, lãnh đạo địa phương, mà đến nay phần lớn đã được triển khai trong thực tế. Qua đó, chúng ta có thể thấy rằng, trong những năm đầu thập

niên 80 của thế kỷ trước, với điều kiện kinh tế nước ta còn vô vàng khó khăn, thách thức, và cho dù đất nước vẫn còn duy trì cơ chế kinh tế bao cấp, vậy mà các nhà khoa học và các lãnh đạo, cán bộ quản lý của thị xã Hội An lúc bấy giờ đã có những ý tưởng táo bạo trong định hướng cho sự phát triển du lịch - dịch vụ Hội An trong tương lai một cách cận kề, căn cơ và dài hơi. Điều đó quả thật rất đáng trân quý. Có thể nói, những đúc kết, nhận định, đề xuất của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, các nhà quản lý Trung ương và địa phương về giá trị nhiều mặt của Đô thị cổ, về tiềm năng, lợi thế, về định hướng phát triển du lịch - dịch vụ cho Hội An lúc bấy giờ, gần như đã định hình cho con đường phát triển của thành phố sau này.

Từ các ý tưởng phát triển du lịch - dịch vụ ban đầu ấy được triển khai trong thực tiễn; từ sự kế thừa và sáng tạo không ngừng để tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn, xây dựng môi trường du lịch thân thiện, an toàn của lớp người kế cận, đến nay, Hội An đã trở thành một điểm đến nổi tiếng trong sự ngỡ ngàng và cảm mến của bao bè bạn xa gần. KTS. GS. Hoàng Đạo Kính có nhận xét rất thú vị: “40 năm trước, thị xã nhỏ bé và nghèo này bị rung chuyển đều đều bởi sự vận hành của ngót 700 cỗ máy dệt vải thô xuất khẩu. Phải là những nhà không tưởng của thế kỷ XVII, XVIII ở châu Âu mới dám bạo gan mơ tưởng về cái ngày dân Hội An giàu lên, mở mày mở mặt bởi di tích.”[6] Ấy vậy mà phố cổ Hội An - khu phố dưỡng già lại trở mình vươn dậy một cách ngoạn mục trong vận hội mới.

Vậy là đã tròn 20 năm, ngày đô thị cổ Hội An được công nhận là Di sản Văn hóa thế giới. Điềm qua một vài sự kiện để thấy rằng, không phải từ một cơ may ngẫu nhiên để Hội An có sự phát triển nhanh, bền vững từ kinh tế du lịch - dịch vụ và trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn nhất thế giới như hiện nay, thành quả ấy bắt nguồn từ tình yêu và trách nhiệm đối với di sản cha ông của bao thế hệ, trong đó có một phần đóng góp, tạo nền móng ban đầu bằng cả niềm tin, tâm huyết, trí tuệ và những sáng tạo của những lớp người “thời kỳ Bao cấp” ♦

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đức Minh (2000), “*Gặp ghènh chặng đường đầu*”, Hội An thị xã Anh hùng, Tập 2, Nxb Trẻ, tr.293-216.
2. Lê Thành Vinh (1985), “*Những đánh giá bước đầu từ những dữ kiện điều tra cơ bản*”, Kỷ yếu Hội nghị khoa học về Khu phố cổ Hội An 1985, tr.249-256.
3. Văn Minh Chi (1985), “*Di tích kiến trúc khu phố cổ Hội An - một loại hình tài nguyên du lịch*”, Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia về khu phố cổ Hội An 1985, tr.236-238.
4. Trần Quốc Vượng (1985), “*Tổng thuật Hội nghị khoa học về khu phố cổ Hội An*”, kỷ yếu Hội nghị khoa học về khu phố cổ Hội An năm 1985, tr.301-310.
5. Ban Chủ nhiệm Chương trình khoa học về Hội An (1985), “*Đề dẫn công tác nghiên cứu, bảo tồn và khai thác khu di tích Đô thị cổ*”, Kỷ yếu Hội nghị khoa học về khu phố cổ Hội An năm 1985, tr.290-299.
6. Hoàng Đạo Kính (2019), “*Di sản Hội An bảo tồn trong đô thị phát triển*”, Tạp chí Xưa & Nay, số 513, tr.94-98.

KIẾN TRÚC SƯ HOÀNG ĐẠO KÍNH VỚI HỘI AN

KTS. Trần Thanh Hoàng Phúc

Khi nhắc đến những người đầu tiên đặt vấn đề và trực tiếp nghiên cứu cũng như thực hiện bảo tồn phố cổ Hội An một cách bài bản từ năm 1982, chúng ta không thể không nhắc đến kiến trúc sư người Ba Lan: Kazimierz Kwiatkowsky (*bạn bè Việt Nam vẫn thường gọi ông với cái tên thân mật là Kazik*), kiến trúc sư Hoàng Đạo Kính, kiến trúc sư Lê Thành Vinh và các kiến trúc sư ở Trung tâm Bảo quản Tu bổ Di tích Trung ương (*bây giờ là Viện Bảo tồn Di tích*). Họ là những người sớm nhìn ra được vẻ đẹp của đô thị cổ Hội An, có nhiều đóng góp vào việc bảo vệ, trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị đô thị cổ Hội An ngay từ buổi đầu, góp phần không nhỏ để khu phố cổ Hội An được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Vào những năm 1990 trở về sau, việc nghiên cứu kiến trúc, tu bổ các di tích trong Khu phố cổ nhận được sự hỗ trợ rất lớn cả về kỹ thuật, chuyên môn lẫn kinh phí trùng tu từ Đại học Nữ Chiêu Hòa - Nhật Bản với các chuyên gia và kiến trúc sư tận tâm với Hội An như GS. Tomoda Hiromichi, PGS. Utsumi Sawako, TS. Ando Katsuhiko, PGS.TS. Shinozaki Masahiko... Cho đến nay, họ vẫn còn dành nhiều tình cảm và có sự quan tâm, gắn bó đặc biệt với Hội An. Tuy nhiên, có thể nói rằng, KTS. Hoàng Đạo Kính là một trong những người khởi xướng, đặt nền tảng quan trọng đầu tiên cho việc tu bổ, gìn giữ các giá trị văn hóa Khu phố cổ Hội An. Ông trực tiếp tham gia

hoặc theo dõi không gián đoạn sự nghiệp này trong suốt thời gian qua, đã ngót nghét bốn thập kỷ.

Hoàng Đạo Kính là kiến trúc sư chuyên về di sản và trùng tu. Ông sinh năm 1941 tại Hà Nội. Năm 13 tuổi, ông được Bác Hồ chọn là một trong 100 “*Hạt giống đỏ của Cách mạng để đào tạo*” ở nước Nga Xô Viết. Ông tốt nghiệp Đại học kiến trúc Matxcova năm 1967 và bảo vệ luận án phó tiến sĩ kiến trúc về di sản và trùng tu năm 1977. Từ khi về nước đến nay, ông gắn bó với công việc bảo tồn, trùng tu các công trình di tích kiến trúc¹².

Tháng 6/1982, khi đang là Trưởng Tiểu ban hợp tác Ba Lan – Việt Nam tu bổ di tích Mỹ Sơn, KTS. Kazik đến Hội An, nói rằng “*người Hội An đang ngồi trên đống vàng*”, “*tài nguyên này là vô giá*”. Sau đó, KTS. Hoàng Đạo Kính dẫn đầu đoàn kiến trúc sư của Trung tâm Bảo quản Tu bổ di tích Trung ương vào Hội An, cùng với KTS. Kazik bắt đầu cuộc dẫn thân vì một tương lai cho Hội An, nghiên cứu Hội An với tư cách là một di sản đô thị. Nhóm chuyên gia này đã tiến hành điều tra trong Khu phố cổ theo phương pháp điều tra thống kê học, bao gồm sưu tầm các cứ liệu lịch sử; nghiên cứu hiện trạng kết hợp thống kê, đo vẽ các công trình kiến trúc tiêu biểu như

¹² Trích lược từ https://vi.wikipedia.org/wiki/Hoàng_Đạo_Kính

Chùa Cầu, nhà cổ, nhà thờ tộc, hội quán...; nghiên cứu sự hình thành và tiến hóa đô thị - cảng... Đây là những dữ liệu, cơ sở khoa học quan trọng cho hội thảo khoa học đầu tiên về di sản văn hóa Hội An năm 1985¹³. Cũng trong năm 1985, Bộ Văn hóa ra quyết định xếp hạng di tích cấp quốc gia Khu phố cổ Hội An. Trong khoảng thời gian này, ông cùng các kiến trúc sư của Trung tâm Bảo quản Tu bổ Di tích Trung ương tham gia lập hồ sơ và trực tiếp tham gia trùng tu di tích Chùa Cầu, hàng chục ngôi nhà cổ ở Hội An. KTS. Kazik đã bàn bạc, trao đổi với ông nên lập phương án để bảo tồn và giữ gìn Hội An ngay lúc bấy giờ.

Giống như kiến trúc sư Kazik, ông cũng là người có tình cảm sâu nặng với Hội An. Trong một bài phỏng vấn trên báo chí, khi được hỏi vì sao ông lại quan tâm đến Hội An nhiều như vậy, ông đã trả lời rằng: *“Tôi bị Hội An làm cho mê muội thì đúng hơn, bởi cuối thế kỷ 20 mà lại có một đô thị cổ còn giữ nguyên vẻ và nguyên hồn. Không còn ở đâu có một đô thị như thế, một chiến địa mà không bị bom, nơi có nhiều thương nhân mà lại không phá bỏ xây nhà mới và lại không bị lôi cuốn vào công cuộc đô thị hoá. Hội An giữ được như thế là một kỳ tích của lịch sử. Hội An được tiến hành bảo tồn trước Hà Nội và chúng tôi là những người đầu tiên thực hiện điều đó. Đó là*

*một trong những việc làm đáng nhớ nhất trong đời tôi và Hội An đã được bảo tồn thành công”*¹⁴.

Hội An đã có bước trở mình ngoạn mục từ khi được công nhận là Di sản văn hóa thế giới vào tháng 12 năm 1999. Chỉ trong một khoảng thời gian ngắn, từ một thị xã nhỏ, nghèo nàn, chìm trong quên lãng, Hội An trở thành một điểm tham quan du lịch nổi tiếng trong và ngoài nước. Cho đến nay, việc bảo tồn ở Hội An đang đi đúng hướng, các giá trị vật thể, phi vật thể đều được giữ gìn và phát huy khá tốt, nhưng không vì thế mà sự quan tâm, yêu mến của kiến trúc sư Hoàng Đạo Kính dành cho Hội An suy giảm và khiến ông chủ quan. Với kinh nghiệm dày dặn của một người làm công tác bảo tồn và tầm nhìn sâu rộng của một kiến trúc sư, ông vẫn còn đó những nỗi trăn trở, ưu tư về những nguy cơ tiềm ẩn mà Hội An có thể gặp phải. Bởi cái gì cũng có hai mặt, việc Hội An đang phát triển rất nhanh, đang đô thị hoá rất nhanh có thể gây mất cân bằng phát triển giữa phần cũ và phần mới, những hệ lụy phát sinh từ việc mất cân bằng đó. Ông là một trong những người đầu tiên lên tiếng cảnh báo về nhiều nguy cơ đang tiềm ẩn của Hội An, nguy cơ thứ nhất là: *“bắt đầu có sự không tương xứng giữa sự phát triển kinh tế du lịch, khai thác du lịch với vốn liếng "hạt nhân" của nó, tức là khu phố cổ”*, nguy cơ thứ hai là các đường phố trong *“lối”* di sản vốn rất ít, rất nhỏ đang dần dà *“biến thành nơi buôn bán thuần túy. Khi đó, Hội An có nguy cơ trở thành một mô hình kiến trúc của lịch sử, của dĩ vãng mà thôi”*, bởi người dân không còn mặn mà với việc

¹³ Trong Hội thảo khoa học Quốc gia về Đô thị cổ Hội An năm 1985, nhóm nghiên cứu đã đóng góp nhiều bài tham luận cho hội thảo như: *Vài nét về lịch sử hình thành khu đô thị cổ Hội An* – Nguyễn Hồng Kiên; *Những đánh giá bước đầu từ những dữ liệu điều tra cơ bản khu phố cổ Hội An* – KTS. Lê Thành Vinh; *Hội An - Một di sản kiến trúc đô thị* - KTS. K. Kwiatkowski; hoặc sử dụng kết quả khảo sát của nhóm để nghiên cứu như: *Hội An – Nhìn từ các bản vẽ ghi của Xí nghiệp bảo quản tu sửa di tích trung ương* – Trịnh Cao Tường, Viện khảo cổ học; ...

¹⁴ Trích dẫn từ <https://vov.vn/van-hoa-giai-tri/kts-hoang-dao-kinh-toi-bi-hoi-an-lam-cho-me-muoi-293608.vov>



KTS. Hoàng Đạo Kính phát biểu tại hội thảo Di sản Văn hóa Hội An - 20 năm bảo tồn và định hướng phát triển bền vững

sống trong những ngôi nhà cổ mà chuyển dần ra khu vực ngoài sinh sống, bởi sự thay đổi chủ sở hữu các di tích mà không phải là người địa phương, ... Nhận thức được nguy cơ đó, ông đề xuất: *“Cần duy trì sự hài hòa về hình thái học giữa các cấu trúc đô thị: xưa - cũ - mới, sự chuyển tiếp mềm từ phần đô thị sang phần nông thôn, từ các khu vực xây dựng sang thiên nhiên. Không đưa vào khu xây dựng cũ những công trình có quy mô và chiều cao vượt trội, không du nhập vào thành phố những lĩnh vực sản xuất và công nghệ gây tổn thương cho “phần xác” và “phần hồn” của nó”*¹⁵.

Thực tế, sự phát triển của thành phố Hội An hiện nay đã chứng minh những lo lắng, trăn trở của ông không phải không có cơ sở. Mặc dù với những chính sách, chủ trương của địa phương trong công tác quản lý di sản Hội An đã đạt được nhiều thành quả đáng kể nhưng vẫn còn đâu đó những điều chưa tốt, chưa hay. Bài toán ách tắc giao thông

trong phố cổ vẫn chưa có lời giải thích hợp. Sự chưa hợp lý trong quy hoạch kiến trúc như các khách sạn cao tầng bao vây vùng đệm của Khu phố cổ (ở khu vực Quảng trường Sông Hoài chẳng hạn) gây cảm giác ngột ngạt, khó chịu khi đứng từ cầu An Hội nhìn về phía quảng trường. Việc thay đổi cấu trúc bên trong nhằm biến di tích trở thành cửa hàng, cửa hiệu diễn ra âm thầm nhưng lại vô cùng quyết liệt. Các dịch vụ phục vụ du lịch phát triển ồ ạt, và đôi khi, việc chạy theo lợi nhuận khiến hình ảnh của Hội An trong mắt du khách bị méo mó... Hơn nữa, những năm gần đây, lượng khách du lịch tham quan Hội An tăng đột biến, tạo nên áp lực về nhiều mặt không chỉ riêng cho vùng lõi khu phố cổ mà còn cho cả khu vực vùng đệm và một số điểm tham quan làng nghề ở vùng ven. Vì vậy, việc dung hòa giữa việc bảo tồn và phát triển luôn là thách thức lớn, cần có những giải pháp thích hợp để di sản “sống” và phát huy được giá trị vốn có của nó.

Ngày 03/12/2019, UBND thành phố Hội An tổ chức hội thảo quốc tế “Di sản văn hóa Hội An - 20 năm bảo tồn và định hướng phát triển bền vững” với sự tham dự của rất nhiều đại biểu, chuyên gia trong nước và quốc tế, trong đó có kiến trúc sư Hoàng Đạo Kính. Mặc dù tuổi đã cao, sức khỏe không được tốt như xưa nữa nhưng tình cảm của ông dành cho Hội An thì không hề suy giảm, thậm chí còn sâu nặng hơn trước. Trước sự thay đổi nhanh chóng của Hội An hiện nay, các áp lực từ sự phát triển du lịch mà Thành phố đang phải đối mặt, những

¹⁵ Trích dẫn từ <https://ashui.com/mag/tuongtac/doithoai/2606-hoi-an-hay-la-do-thi-nhan.html>

bản khoản, trần trở của ông vẫn còn đó. Trong buổi hội thảo, ông đã đề xuất mô hình cho sự phát triển thành phố Hội An là “*Đô thị hiện đại trên cơ sở duy trì bền vững sự liền mạch quá khứ - tương lai, theo hình thái đô thị - thị trấn*” với những định hướng chính¹⁶:

+ Kết hợp hài hòa bảo tồn - cải tạo - hiện đại hóa theo hướng đề cao bản sắc đô thị;

+ Thực hiện kiên trì sự chuyển hóa mềm về hình thái học kiến trúc, gắn kết thành một thể các cấu trúc đô thị các thời; Chuyển hóa mềm từ cơ thể đô thị sang vùng ven - sang không gian sông nước và bờ biển, - Kiến tạo đô thị sinh thái - lịch sử - nhân văn - tự nhiên;

+ Tuân thủ mô hình đô thị giãn, không chấp nhận những cấu trúc xây dựng nén. Tránh tạo những tương phản thách thức về quy mô, về độ cao của công trình. Ưu tiên xây dựng thấp tầng;

+ Quy hoạch giao thông tương thích đô thị dạng thị trấn, tạo sự chuyển tiếp mềm từ vùng lõi sang vùng ven và các vùng lân cận. Người đi bộ, dùng các phương tiện không gây tiếng ồn và ô nhiễm không khí.

Năm 2019, Khu phố cổ Hội An kỷ niệm 20 năm ngày được UNESCO công nhận di sản văn hóa thế giới (04/12/1999 – 04/12/2019). Đây là dịp để nhìn nhận những thành tựu to lớn cũng như mặt còn hạn chế trong công tác bảo tồn di sản trong thời gian qua, đồng thời là dịp để tri ân những người đã đóng góp trong việc quản lý, bảo tồn khu phố cổ Hội An. Trong hội thảo nêu trên, để ghi nhận những đóng góp của KTS. Hoàng Đạo

Kính, UBND thành phố Hội An đã trân trọng trao tặng ông thẻ khách danh dự tham quan miễn phí Khu phố cổ Hội An.

Kiến trúc sư Hoàng Đạo Kính đã dành cả đời mình cho việc nghiên cứu lịch sử kiến trúc Việt Nam, lý luận kiến trúc, bảo tồn và trùng tu di tích, bởi thế, bạn bè, đồng nghiệp đã yêu mến gọi ông là “*hiệp sĩ*” của những di tích kiến trúc. Hiện nay, con trai ông – KTS. Hoàng Đạo Cương cũng nối nghiệp cha, tham gia trong lĩnh vực bảo tồn tu bổ di tích và đang có những đóng góp nhất định cho công cuộc bảo tồn di tích Khu phố cổ Hội An. Nếu không có những người như KTS. Kazik, KTS. Hoàng Đạo Kính... thì đã không có một Hội An với diện mạo như ngày hôm nay. Hội An sẽ mãi khắc ghi những đóng góp, cống hiến của ông trong việc bảo tồn, trùng tu khu phố cổ ♦

Tài liệu tham khảo

1. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2008), *Kỷ yếu hội nghị khoa học về Khu phố cổ Hội An 23-24/7/1985*, Công ty cổ phần In và Dịch vụ Quảng Nam.

2. Tạp chí Xưa & Nay số 513 (11 – 2019), *Hội An xưa & nay*, Cơ quan Hội khoa học lịch sử Việt Nam.

3. Kiến trúc sư Hoàng Đạo Kính - Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.

4. Hội An, hãy là “đô thị nhàn” – Ngô Phương Thảo thực hiện – 4/2010 – Website: ashui.com

5. Kiến trúc sư Hoàng Đạo Kính: Tôi bị Hội An làm cho mê muội... – Mỹ Trà thực hiện - 11/2013 – Website: vov.vn

¹⁶ Trích dẫn từ bài phát biểu của KTS. Hoàng Đạo Kính trong Hội thảo.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC XÂY DỰNG MẠNG LƯỚI BẢO VỆ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ BIỂN

ThS. Nguyễn Chí Trung

Đặt vấn đề

Nhân loại ngày nay đang đứng trước cuộc cách mạng công nghiệp mới (4.0). Đó là cuộc cách mạng mà các nhà khoa học công nghệ trên các phương tiện truyền thông đại chúng đã đề cập đến rất nhiều về nội hàm chính của nó và cho rằng nó có thể làm thay đổi hoàn toàn cách chúng ta sống, làm việc và quan hệ với nhau. Quy mô, phạm vi và sự phức tạp của lần chuyển đổi này không giống như bất kỳ điều gì mà loài người đã từng trải qua. Chính cuộc cách mạng công nghiệp này sẽ đặt ra cho công cuộc bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nhiều vấn đề đáng quan tâm. Tuy nhiên, chắc chắn di sản văn hóa mà loài người đã sáng tạo ra từ thuở mông muội cho đến ngày nay thì không gì có thể thay thế, làm thay đổi được và mãi mãi là tài sản, tài nguyên vô giá cho các thế hệ mai sau thừa hưởng và phát triển bền vững, nhất là khi chúng được chính con người quan tâm bảo vệ, bảo tồn và phát huy, phát triển một cách tích cực, đúng hướng, hiệu quả. Trong đó có lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể nói chung, và di sản văn hóa phi vật thể biển nói riêng. Xuất phát từ nhiều nguyên nhân và với tầm nhìn dựa trên Công ước 2003 được Đại Hội đồng UNESCO thông qua về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể mà mạng lưới bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể ra đời với tên gọi: Trung tâm Thông tin và

Mạng lưới Quốc tế về Di sản văn hóa phi vật thể ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương (gọi tắt là ICHCAP), và mục tiêu căn bản của tổ chức này là: xây dựng/thiết lập mạng lưới giữa các cộng đồng, nhóm và cá nhân nhằm giúp chuyển giao và chia sẻ về di sản văn hóa phi vật thể (DSVHPVT) và tăng cường mạng lưới hợp tác giữa các tổ chức phi chính phủ (NGO), viện nghiên cứu và tổ chức chính phủ trong khu vực và quốc tế để trao đổi thông tin và kiến thức về Di sản văn hóa phi vật thể. Tổ chức này đã được nhiều nước, các tổ chức thành viên trên thế giới tham gia tích cực, có nhiều đóng góp và đạt được nhiều kết quả thiết thực. Thời gian qua, Trung tâm đã đưa ra nhiều nội dung hoạt động với các chủ đề gồm có: Tăng cường mạng lưới dành cho các chuyên gia và tổ chức (*mục đích cung cấp thông tin về các tổ chức và chuyên gia liên quan đến các hoạt động bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể*); Xây dựng mạng lưới Di sản văn hóa phi vật thể giữa các cơ sở giáo dục (*mục đích góp phần xây dựng môi trường bền vững để bảo vệ và truyền tải Di sản văn hóa phi vật thể bằng cách cộng tác trong lĩnh vực giáo dục*); Các chương trình giao lưu giữa các cá nhân trong lĩnh vực ICH (*mục đích bồi dưỡng các chuyên gia trẻ và hợp tác với các tổ chức liên kết, đa dạng hóa người tham gia vào mạng lưới Di sản văn hóa phi vật thể khu vực Châu Á - Thái Bình Dương*,



thông qua việc cung cấp các chương trình giao lưu); Và tăng cường mạng lưới cho cộng đồng và các tổ chức phi chính phủ (mục đích chia sẻ các nghiên cứu điển hình và kinh nghiệm của các cộng đồng Di sản văn hóa phi vật thể và tổ chức phi chính phủ, tăng cường năng lực bảo tồn của họ). Và hôm nay, chúng ta lại đến với chủ đề: **“Truyền thống biển: Thực hành và tín ngưỡng”**, một lĩnh vực hết sức quan trọng trong di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại.

1. Những vấn đề chung về Di sản văn hóa phi vật thể

Trước hết, cần phải nói rằng, việc Đại Hội đồng UNESCO thông qua Công ước Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể năm 2003 là kết quả của những nỗ lực bền bỉ của các quốc gia thành viên UNESCO trong việc tạo dựng một khuôn khổ pháp lý, hành chính và tài chính cho việc bảo tồn di sản. Với tư cách là một hiệp định chung, Công ước này là một thỏa thuận quốc tế được các

quốc gia thống nhất dưới dạng văn bản và được quy định bởi luật pháp quốc tế¹. Mục đích của Công ước năm 2003 là bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, đảm bảo các di sản được tôn trọng, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của di sản và tạo ra những hợp tác và hỗ trợ quốc tế trong các lĩnh vực này. Công ước tập trung vào vai trò của các cộng đồng và tập thể trong việc bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể và quan tâm tới các quá trình, điều kiện hơn là các sản phẩm, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của những di sản được con người biểu diễn, thường là biểu diễn tập thể, được phổ biến chủ yếu qua kinh nghiệm sống. Công ước quan tâm tới các di sản mà

¹ Việt Nam chính thức đưa thuật ngữ Di sản văn hóa phi vật thể vào luật Di sản văn hóa năm 2001 và sửa đổi bổ sung năm 2009, đồng thời là 1 trong 30 quốc gia thành viên tham gia sớm, tích cực Công ước 2003 của UNESCO. Hiện Việt Nam có 12 Di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp. Có 248 Di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (số liệu 2018).

cộng đồng coi là quan trọng và cố gắng đóng góp vào việc thúc đẩy sự sáng tạo cũng như sự đa dạng, góp phần đảm bảo sự bình an cho cộng đồng, tập thể, và xã hội nói chung, qua đó tạo tiền đề cho phát triển bền vững.

Bởi chúng ta đều nhận thức rằng: Di sản văn hóa phi vật thể, chúng có những giá trị, vai trò rất quan trọng đối với chúng ta. Nó sống liên tục được tái tạo và phát triển trong quá trình con người giữ gìn và phát triển các phong tục, tập quán của mình nhằm thích ứng với môi trường sống. Chúng làm nên bản sắc văn hóa của từng cộng đồng tộc người, dân tộc, quốc gia. Khi thế giới thay đổi, cơ khí hóa, hiện đại hóa trở thành một phần trong quy trình sống này và góp phần thúc đẩy sự sáng tạo. Tuy nhiên con người vẫn đóng vai trò chủ chốt trong việc sáng tạo và truyền giữ những giá trị văn hóa phi vật thể. Tất cả thành viên trong các cộng đồng là những người cùng sáng tạo, gìn giữ và truyền dạy những di sản văn hóa phi vật thể. Một cộng đồng có thể có một di sản tương tự với di sản của cộng đồng khác dù ở bên cạnh hay cách xa nửa vòng trái đất hay đã được tiếp nhận, biến đổi bởi những cộng đồng người di cư từ một khu vực này sang một khu vực khác, thì tất cả biểu hiện đó đều được xem là di sản văn hóa phi vật thể bởi chúng đã được truyền từ đời này sang đời khác, đã biến đổi để thích nghi với môi trường xung quanh và tạo cho mỗi cộng đồng một ý thức về bản sắc và sự kế tục. Việc có những di sản tương đồng nhau giúp các bên hiểu và tôn trọng hơn, đồng thời củng cố sự gắn kết xã hội. Tìm hiểu về các loại hình di sản văn hóa phi vật thể khác nhau cũng góp phần đề cao sự tôn trọng lẫn nhau và đối thoại liên văn hóa. Hơn nữa, di sản văn hóa phi vật thể cho

chúng ta ý thức về bản sắc và sự thân thuộc, nối quá khứ với hiện tại và tương lai. Hiểu biết di sản văn hóa phi vật thể của các cộng đồng cũng góp phần thành công của việc đối thoại liên văn hóa, khuyến khích sự tôn trọng phong tục tập quán khác nhau, cả về phương diện xã hội và kinh tế. Nó tăng cường sự gắn kết xã hội và giúp mỗi người cảm thấy mình là một phần của cộng đồng địa phương và của cả xã hội nói chung.

Giá trị của di sản văn hóa phi vật thể được xác định bởi chính cộng đồng nơi nó tồn tại - họ là những người quyết định xem những biểu đạt này có phải là một phần của di sản của mình hay không. Giá trị xã hội của di sản văn hóa có thể có hoặc không chuyển thành giá trị thương mại. Giá trị kinh tế của di sản văn hóa phi vật thể đối với một cộng đồng cụ thể gồm hai phần: các tri thức và kỹ năng được truyền đạt trong nội bộ cộng đồng đó, và sản phẩm được tạo ra từ các tri thức và kỹ năng đó. Di sản văn hóa phi vật thể không chỉ có vai trò quan trọng trong việc tạo cho cộng đồng một ý thức về bản sắc và sự kế tục, nó còn tăng cường sự gắn kết xã hội, một yếu tố không thể thiếu đối với quá trình phát triển. Giá trị gián tiếp này của di sản văn hóa phi vật thể có được là nhờ những tri thức được truyền lại, thường qua các kênh phi chính thức, nhờ ảnh hưởng của những di sản đó đối với các lĩnh vực kinh tế và nhờ khả năng ngăn chặn và giải quyết xung đột vốn bị coi là trở ngại lớn đối với phát triển. Các di sản văn hóa phi vật thể bị mai một hoặc không còn được truyền lại cho đời sau có thể sẽ khiến cho cộng đồng mất đi đặc tính xã hội của mình, khiến cộng đồng đó bị gạt sang lề phát triển hay bị hiểu nhầm, dẫn tới xung đột và phai nhạt bản sắc.

Ngoài di sản văn hóa phi vật thể nói chung, Việt Nam và các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương có hệ thống di sản văn hóa phi vật thể biển vô cùng phong phú và đa dạng¹. Trong những năm qua, Trung tâm Thông tin và Mạng lưới Quốc tế về Di sản văn hóa phi vật thể ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương (gọi tắt là ICHCAP) đã tổ chức nhiều cuộc hội nghị, hội thảo về việc bảo tồn và phát huy mạng lưới di sản văn hóa phi vật thể góp phần gìn giữ sự đa dạng về di sản văn hóa phi vật thể khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời thúc đẩy sự trao đổi giữa cộng đồng quốc tế thông qua di sản văn hóa

phi vật thể. Vào năm 2018, Trung tâm Thông tin và Mạng lưới Quốc tế về Di sản văn hóa phi vật thể ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương phối hợp với Viện nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể hàng hải quốc gia Hàn Quốc đã tổ chức Hội thảo quốc tế với chủ đề **“Di sản văn hóa phi vật thể trên con đường tơ lụa hàng hải”** nhằm trao đổi, thảo luận các nội dung liên quan đến các kỹ năng xác định phương hướng, đóng tàu thuyền, tri thức hàng hải truyền thống trong cuộc sống đương đại.

2. Biển với đời sống của con người

Chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích trái đất, biển khơi bao la với tiềm năng dồi dào của nó và nguồn lợi từ hải thương đã tạo nên năng lực và nhu cầu hướng biển, chinh phục biển khơi của nhiều quốc gia và đế chế lớn trên thế giới. Trong lịch sử nhân loại, vì những yêu cầu tồn sinh và phát triển



¹ Việt Nam là quốc gia cận biển, ven bờ Thái Bình Dương, có đường bờ biển dài hơn 3.260 km (chỉ số cứ 100 km² đất liền thì có 1km bờ biển, trung bình của thế giới là 600 km²/1km). Vùng đặc quyền kinh tế biển của Việt Nam rộng hơn 1 triệu km² (rộng gấp 3 lần diện tích đất liền, 330.000 km²), có khoảng gần 3000 đảo lớn nhỏ (tổng diện tích là 2000 km² và gần 180.000 dân đang sinh sống, trong đó có 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa). Với huyền sử Lạc Long Quân – Âu Cơ và hàng ngàn năm lịch sử liên quan đến hình thành dân tộc Việt Nam gắn liền với biển. Đến nay dân tộc Việt Nam có một kho tàng di sản văn hóa vô cùng quý giá về biển, nhất là về di sản văn hóa phi vật thể biển.

mà giữa các nhóm, cộng đồng người, chủ nhân các nền văn hóa đã sớm có sự giao lưu văn hóa, trao đổi sản phẩm, hàng hóa và thiết lập mối bang giao. Chúng ta từng biết, từ nhiều thế kỷ trước Công nguyên, một số tuyến giao thương mang tính liên vùng, xuyên lục địa đã được thiết lập. Các tuyến giao thương đó đã nối kết các mỏ khoáng sản, trung tâm cung cấp nguyên liệu, sản xuất thủ công

của các quốc gia châu Á với châu Âu, châu Phi... Mặt khác, chủ nhân các nền văn minh Sông Nile, Địa Trung Hải... cũng đã sớm có mối liên hệ mật thiết, rộng lớn với thị trường châu Á và thế giới bên ngoài. Điều có thể thấy được là, từ nhiều thế kỷ trước khi phát kiến địa lý diễn ra thì những đoàn thuyền từ Trung Hoa, Đông Nam Á, Ấn Độ, Ba Tư... đã vượt qua những thách thức của thời gian, không gian, sự chi phối của chế độ gió mùa, những hạn chế của phương tiện đi biển, kinh nghiệm hàng hải và cả những trở lực xã hội... để chuyển tải đến thị trường thế giới những sản vật kinh tế đồng thời là sản phẩm văn hóa đặc sắc của châu Á. Có thể nói, thông qua các tuyến hàng hải và thương mại đường dài, thương phẩm đã được trao đổi trực tiếp và tiêu dùng toàn cầu. Góp phần quan trọng vào sự chuyển biến kinh tế - xã hội ở nhiều khu vực khác nhau trên thế giới. Các dòng di cư quy mô lớn góp phần làm biến đổi bản đồ gen thế giới, hình thành các cộng đồng cư dân lai ở nhiều khu vực, nhất là ở vùng Trung và Nam châu Mỹ. Biển cả là một con đường lớn, hay nói đúng hơn, là một đồng bằng cực kỳ rộng, đi theo hướng nào cũng được. Mặc dù biển cả tiềm ẩn đầy hiểm nguy, những hiểm nguy thường gặp hoặc hiếm gặp, nhưng vận tải bằng đường thủy bao giờ cũng dễ dàng và rẻ hơn so với vận tải bằng đường bộ.

Theo “*Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*”¹ nói đến biển là người ta nói đến một biểu tượng của động thái sự sống. Tất cả từ biển mà ra và tất cả trở

về biển: đây là nơi của những cuộc sinh đẻ, những biến thái và những tái sinh. Là nước trong sự chuyển động, biển tượng trưng cho một trạng thái quá độ giữa các khả năng còn phi hình và các thực tại đã hiện hình, cho một tình thế nước đôi, tình thế bấp bênh, đầy hồ nghi, chưa quyết định và có thể kết thúc tốt hay xấu. Từ chỗ đó, biển là hình tượng vừa của sự sống, vừa của sự chết. Người Hy Lạp và người La Mã xưa đã thường dâng cúng biển các sinh vật hy sinh là ngựa và bò đực, bản thân những con vật này là biểu tượng của sức sinh sản. Mặt khác, những quái vật cũng nổi lên từ chốn sâu thẳm của biển. Tất cả đều là hình tượng của tiềm thức, bản thân tiềm thức cũng là nguồn của những dòng chảy có thể làm chết hoặc đem lại sự sống. Biển luôn luôn phát huy thuộc tính thần thánh của mình là cho và lấy lại sự sống.

Biển/đại dương, do mặt rộng dường như vô giới hạn của chúng, là hình ảnh của trạng thái bất phân nguyên thủy, của tính vô định khởi nguyên; là nước ở thượng giới mà trên đó Thần Chúa Trời bay lượn và từ đó phát sinh cái chồi nguyên lai, quả trứng, cây sen, cây sậy, hòn đảo. Biển cũng là biểu tượng của nước thượng giới của bản thể thánh thần, của Nirvana (Niết bàn), giọt sương lớt trên mặt biển long lanh trong - đạo Phật; hoặc theo Đạo giáo: Tất cả các dòng nước hợp lưu ở đây, mà không làm nó đầy; tất cả các dòng nước từ đây chảy ra mà không làm nó cạn. Chính vì thế ra biển (theo Trang Tử). Biển còn là Đại dương hoan hỉ của các nữ tu sĩ (Besguines), Đại dương của niềm cô đơn thần thánh của Ibn Mashish, Đại

¹ Nhà xuất bản Đà Nẵng năm 2002; Tr 80 – 81.

dương của quang vinh thần thánh. Theo cách nói của Đạo Mật tông, đại dương là linh hồn hoàn vũ, pha vào đó là giọt nước cuộc sống hoặc linh hồn cá thể. Theo Đại thừa Đại dương là Pháp thân của đức Phật, trí tuệ nguyên thủy. Mặt biển lặng tượng trưng cho cả trạng thái chân không, lẫn trạng thái giác ngộ. Trong truyền thuyết Ai Cập, sự ra đời của trái đất và cuộc sống được quan niệm như một sự nhô lên của Đại dương. Chính bằng đường biển mà các thần (Túatha Dé Danann, Bộ lạc của nữ thần Dana) đã đến Ailen và chính bằng đường biển mà người ta sang thế giới khác.

Như vậy, có thể nói, nhân loại trên thế giới xưa nay, dù theo tín ngưỡng, đạo phái nào cũng đều quan tâm và nhận thức rất sâu sắc về biển. Đi theo là một kho tàng vô giá, phong phú, đa dạng giá trị văn hóa phi vật thể về biển của các cộng đồng tộc người, dân tộc, quốc gia sống trên biển, hoặc có biển đáng được quan tâm nghiên cứu tìm hiểu phổ biến bảo tồn và phát huy, cho mục tiêu phát triển bền vững của nhân loại.

3. Chủ đề: “Truyền thống biển: Thực hành và tín ngưỡng”

Xuất phát từ những đặc tính, tầm quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể, theo Công ước quốc tế (2003) và biển với đời sống của con người như đã trình bày ở trên, đây vừa là tiền đề, vừa là cơ sở cần thiết cho việc xây dựng hệ thống mạng lưới bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể biển. Và hôm nay, được sự quan tâm thống nhất của UBND thành phố Hội An, và cho phép tổ chức hội thảo của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng

Nam, Trung tâm Thông tin và Mạng lưới Quốc tế về Di sản văn hóa phi vật thể ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương phối hợp với Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đồng tổ chức hội thảo quốc tế lần này. Chúng ta cùng gặp nhau tại Hội An - Một đô thị thương cảng thuyền buồm quốc tế nổi tiếng Đông Nam Á thời cổ, Trung - cận đại (*Di sản văn hóa thế giới*) để cùng nhau trao đổi, thảo luận với chủ đề “*Truyền thống biển: Thực hành và tín ngưỡng*”. Ban tổ chức rất vui mừng đã có nhiều nhà nghiên cứu, nhà khoa học từ nhiều quốc gia về tham dự, với nhiều bài viết tham luận tiếp tục nhằm góp phần làm sáng tỏ tầm quan trọng của các điều kiện hàng hải, kinh nghiệm của con người và các tri thức truyền thống về hàng hải, về biển với chủ đề “*Truyền thống biển: Thực hành và tín ngưỡng*”. Mục đích của hội thảo lần này là: Chúng ta cùng trao đổi, thảo luận các kết quả nghiên cứu mới nhất về thực hành và tín ngưỡng truyền thống biển ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương; Hội thảo còn là cơ hội để các nhà khoa học cùng định hướng nghiên cứu có thể gặp gỡ và kết nối mở rộng quan hệ tiến tới những dự án nghiên cứu ở quy mô lớn hơn; Thông qua hội thảo hy vọng sẽ cung cấp một khối lượng lớn thông tin khoa học có giá trị về thực hành, tín ngưỡng, tri thức truyền thống về biển góp phần bảo tồn, phát huy những giá trị di sản văn hóa phi vật thể biển ở các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; Hình thành mạng lưới liên kết, hợp tác nghiên cứu về di sản văn hóa phi vật thể giữa các cơ quan, các nhà khoa học đạt nhiều kết quả hơn trong thời gian tới♦

VAI TRÒ CỦA THƯƠNG CẢNG HỘI AN TRONG QUAN HỆ BANG GIAO VIỆT - NHẬT THỜI CÁC CHÚA NGUYỄN

CN. Nguyễn Văn Thịnh

Vào cuối thế kỷ XVI, các chúa Nguyễn đã thiết lập quyền lực chính trị của mình ở Đàng Trong. Trước sức ép của chúa Trịnh ở Đàng Ngoài và để tạo chỗ đứng của mình ở phía Nam đòi hỏi các chúa Nguyễn phải xây dựng tiềm lực kinh tế, chính trị và quân sự lớn mạnh. Từ sự kế thừa truyền thống hướng biển của cư dân Chăm Pa cùng với tư duy, tầm nhìn mới, ngay từ rất sớm các chúa Nguyễn đã chủ trương đẩy mạnh thương mại hàng hải, chủ động mở cửa giao thương và phát triển một số cảng thị thành thương cảng quốc tế ở khu vực duyên hải miền Trung nước ta, trong đó thương cảng quốc tế Hội An là một điển hình tiêu biểu. Việc khuyến khích thương mại biển và mở rộng các mối quan hệ bang giao với nhiều nước đã tạo tiền đề và động lực thu hút các thương nhân nước ngoài (*người Hoa, người Nhật, người Ấn Độ và phương Tây*) đến Đàng Trong, đặc biệt là thương cảng Hội An để giao lưu, buôn bán. Tùy vào lợi ích các thương nhân này mang lại mà các chúa Nguyễn đã có những chính sách khác nhau, trong đó giới thương nhân Nhật Bản được ưu ái hơn cả bởi những lợi ích mà họ mang lại phù hợp với nhu cầu của chính quyền Đàng Trong trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ.

Thông qua bức thư gửi cho tướng quân Toyotomi Hideyoshi của Phó Đ

đường Phúc Nghĩa hầu họ Nguyễn vào năm 1591, mối quan hệ bang giao giữa Đại Việt và Nhật Bản được xác lập, mở ra một thời kỳ phát triển mới¹. Về phía Nhật Bản, bắt đầu từ năm 1600, các shogun (*tướng quân*) theo thể chế Mạc phủ nắm trong tay mình mọi quyền hành chính trị, ngôi vị Thiên hoàng lúc này chỉ còn mang tính nghi thức. Để quản lý các giới thương nhân, xác lập uy quyền và gây sức ảnh hưởng của mình ra bên ngoài, chính quyền Mạc phủ đã ban hành chế độ Shuin-sen (*Châu ấn thuyền*), kéo dài từ năm 1602 đến năm 1635. Theo đó, chính quyền Mạc phủ đã cấp phát các Goshuinjo (*Châu ấn trạng*), một giấy phép thông hành đặc biệt được đóng dấu đỏ, cho phép thương thuyền Nhật Bản vượt biển đi giao thương, buôn bán ở hải

¹ Ngày 21/3/1591, vua Lê Thế Tông (Lê Duy Đàm) đã sai Phó Đ đường Phúc Nghĩa hầu họ Nguyễn Cảnh Đoan viết thư cho tướng quân Toyotomi Hideyoshi để xin kết mối bang giao giữa Đại Việt và Nhật Bản (theo Dương Sông Lam - Chuyện về bức thư ngoại giao gửi quốc vương Nhật Bản từ hơn 400 năm trước, Báo Công an nhân dân online), về sau trong bức thư của chúa Tiên Nguyễn Hoàng gửi Mạc phủ Tokugawa vào năm 1601 xin lỗi việc tấn công chiếc tàu của Kenki - một thương nhân Nhật Bản và xác lập quan hệ bang giao giữa Đàng Trong và Nhật Bản đã có nhắc đến việc qua lại thư từ này (theo Đoàn Lê Giang (2013), Ngoại phiên thông thư” 外蕃通書: Tập tư liệu tối cổ về quan hệ Việt - Nhật, Kỷ yếu Hội thảo khoa học 40 năm quan hệ Việt Nam - Nhật Bản thành quả và triển vọng, Trường ĐH.KHXH&NV TP.HCM, Tr.378 - 393).

ngoại, trong đó có thương cảng Hội An - Đàng Trong của Đại Việt. Đồng thời việc nhà Minh ban hành chính sách hải cấm (*cấm biển*) từ năm 1371, nghiêm cấm các thương nhân người Hoa giao thương hàng hải với các nước, nhất là đối với Nhật Bản, từ đó đã khiến cho một số hàng hóa thông thương như trầm hương, tơ lụa, gốm sứ... giữa hai nước này bị cấm vận hoàn toàn. Để đảm bảo hoạt động giao thương hàng hải của mình, các thương thuyền Nhật Bản đã phải tìm đến các quốc gia như Ấn Độ, Xiêm La, Campuchia và Đại Việt... để mua các mặt hàng thay thế, hoặc dùng hải cảng của các nước này làm nơi trung chuyển hàng hóa từ Nhật Bản đi Trung Hoa và ngược lại.

Trong bối cảnh quốc tế có nhiều sự thay đổi, đặc biệt là sự phát triển của kỹ thuật hàng hải và xuất phát từ nguyên nhân về chính trị, nhu cầu tìm kiếm thị trường buôn bán, trao đổi hàng hóa, việc các thương nhân Nhật Bản sớm có mặt ở thương cảng Hội An là một điều dễ hiểu và là hệ quả tất yếu của sự phát triển kinh tế thương mại biển và mối quan hệ bang giao giữa hai nước. Trong suốt chiều dài lịch sử, thương cảng Hội An đã thể hiện rõ nét vai trò và vị thế của mình ở nhiều khía cạnh khác nhau, yếu tố nội tại là cơ sở quan trọng để thương cảng Hội An khẳng định được điều đó. Nằm trong không gian địa - văn hóa của khu vực xứ Quảng với tiềm năng và nguồn lực dồi dào: “*Xứ Quảng Nam là đất phì nhiêu nhất thiên hạ. Người Thăng Hoa Điện Bàn biết dệt vải lụa vóc đoạn lĩnh là, hoa màu khéo đẹp chẳng kém Quảng Đông, ruộng đồng rộng rãi, gạo lúa tốt đẹp, trầm hương, tóc hương, sừng tê, ngà voi, vàng bạc, đồi mồi, trai ốc, bong, sáo, đường, mật, dầu sơn, cau, hồ tiêu,*

cá muối, gỗ lạt, đều sản xuất ở đây”¹. Thêm vào đó là lợi thế về biển đảo tạo tiền đề cho sự phát triển thương cảng cũng như sự giao lưu văn hóa và xác lập quan hệ với các nước: “*Đảo Đại Chiêm ở cách huyện Diên Phước 68 dặm về phía đông, ngát ngưỡng giữa biển, gọi là đảo Ngoạ Long, cũng gọi là hòn Cù Lao, có tên nữa là núi Tiêm Bút, tên cổ là Chiêm Bất Lao, làm trán sơn cho cửa biển Đại Chiêm. Dân phường Tân Hợp ở phía nam núi, ruộng đất trên núi có thể cày cấy, thuyền biển nước ta và nước ngoài thường trông núi này làm chướng đi về đều đỗ ở đây để lấy củi, nước*”². Cũng cần phải khẳng định rằng, trong hệ thống hải thương khu vực Đông Nam Á thời kỳ này, thương cảng Hội An có một vị thế chiến lược vô cùng quan trọng điều này đã được Christophoro Borri khẳng định: “*cảng đẹp nhất có nhiều sản vật quý hiếm mà người ngoại quốc đều ghé thăm, cảng đó thuộc khu vực Quảng Nam*”³. Mặt khác, thương cảng Hội An nằm không quá xa thủ phủ chúa Nguyễn ở Thuận Hoá, các thương thuyền hải ngoại có thể giữ mối giao hảo trực tiếp với chính quyền Đàng Trong khi cần thiết và: “*Cuối cùng, chúng ta phải thừa nhận rằng Hội An, cảng chính của Đàng Trong, cũng có vai trò của nó trong việc lôi cuốn các thương gia Nhật đến Đàng Trong. Đây là một trung tâm phân phối hàng được tổ chức khá tốt. Người Nhật có thể đến đây để mua hàng Trung Hoa và các nước Đông Nam Á một cách khá thuận lợi với mức thuế không cao lắm.*

¹ Lê Quý Đôn (1977), Phủ biên tạp lục, Quyển VI, NXB Khoa học Xã hội, Tr.337.

² Quốc sử quán triều Nguyễn (1999), Đại Nam nhất thống chí, NXB Thuận Hóa, Huế Tr.358 - 359.

³ Christophoro Borri (1998), Xứ Đàng Trong năm 1621, NXB TP.Hồ Chí Minh, Tr.91.



Mộ ông Tani Yajirobei - Thương nhân Nhật Bản ở Hội An đầu thế kỷ 17

Về phương diện này, Hội An cũng giống một số cảng khác ở Đông Nam Á như Malacca, Patani, Banten”¹.

Như vậy, mỗi quan hệ thương mại là nền tảng, cơ sở để xác lập quan hệ bang giao Việt - Nhật và thương cảng Hội An là mắt xích gắn kết, là tiền đề, minh chứng cho mỗi quan hệ này. Trong bức thư của chúa Tiên Nguyễn Hoàng gửi cho tướng quân Tokugawa vào ngày 5 tháng 5 năm Hồng Định thứ 2 (Năm 1601 Tây lịch, năm Khánh Trường thứ 6 của Nhật Bản) có đoạn ghi: “...Nay nhiều lần đội ơn Gia Khang công có ý tốt đã sai Bạch Tân Hiển Quý (Shirahama Kenki) mang thuyền tới buôn bán, thông thương kết hiếu, lại đội ơn ban cho thư trát, đó là việc qua lại với quan Đô đường trước kia. Nay tôi vừa giữ chức Đô thống Nguyên súy, muốn theo việc trước hai nước giao thông, không may đến tháng 4 năm trước Hiển Quý đỗ thuyền ở cửa biển Thuận Hóa bị sóng gió làm hỏng thuyền, không nơi nương tựa. Quan Đại Đô đường ở Thuận Hóa không biết Hiển Quý là

thương nhân lương thiện, tranh cãi với người trên thuyền, không ngờ quan Đô đường lỡ việc qua đời, các tướng súy đem quân báo oán, và lại ngày ngày đều muốn giết chết Hiển Quý. Tôi ở Đông Kinh nghe được tin ấy, thương tiếc khôn xiết. Năm trước ta vâng mệnh triều đình, lại về trấn lớn, thấy Hiển Quý vẫn còn ở nước tôi, tôi vốn muốn phát thuyền đưa về, nhưng tiết trời chưa thuận nên kéo dài đến hôm nay. May

thấy thương thuyền của quý quốc lại tới, Hiển Quý am hiểu mọi việc, tôi đều ưng ý. Nên kính cẩn chuẩn bị lễ bạc, tạm biểu lộ ý mọn, ngõ hầu nhận cho. Ngoài ra còn có một phong thư riêng, làm phiên dâng lên thượng vị. Sau này Hiển Quý về nước, hai nước kết làm anh em, hợp đạo trời đất. Nếu thật như thế, xin giúp cho quân khí như thuốc súng, sơn cùng khí giới để dùng vào việc nước, thì tôi vô cùng cảm tạ ơn đức, ngày sau sẽ có sức báo ơn, hết lòng chúc tụng. Nay thư”². Qua đó cho thấy chúa Nguyễn Hoàng đã rất tích cực chủ động trong việc xác lập mỗi quan hệ bang giao Việt - Nhật: “Nguyễn Hoàng tỏ ra là người bạn hàng hãm hở hơn và thường đóng vai trò chủ động. Thái độ của ông chắc chắn đã khuyến khích người Nhật tới Đàng Trong...”³. Ngoài việc xác lập mỗi quan hệ với chính quyền Mạc phủ và một số người đứng đầu các tập đoàn kinh tế lớn

² Đoàn Lê Giang (2013), “Ngoại phiên thông thư” 外蕃通書: Tập tư liệu tối cổ về quan hệ Việt - Nhật, Kỷ yếu Hội thảo khoa học 40 năm quan hệ Việt Nam - Nhật Bản thành quả và triển vọng, Trường ĐH.KHXH&NV TP.HCM, Tr.378 - 393.

³ Li, Tana (1999), Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỉ XVII - XVIII (Bản dịch Nguyễn Nghị), NXB Trẻ, Tr.88-89.

¹ Li Tana, 2014, Xứ Đàng Trong (Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17 - 18), (Nguyễn Nghị dịch), NXB Trẻ, Tr.111.

của Nhật Bản, các chúa Nguyễn cũng đã thực hiện nhiều chính sách ưu đãi, khuyến mãi đặc biệt đối với các thương nhân Nhật Bản trong việc cho phép giới thương nhân này chọn địa điểm thích hợp để dựng phố buôn bán và định cư lâu dài dẫn đến sự ra đời “Phố Nhật” bên cạnh “Phố Khách” của người Hoa tại thương cảng Hội An: “*Chúa Đàng Trong xưa kia cho người Nhật, người Trung Quốc chọn một địa điểm và nơi thuận lợi để lập một thành phố cho tiện việc buôn bán. Thành phố ấy gọi là Faifo (Hội An), một thành phố lớn đến độ có thể nói là có đến hai thành phố, một phố của người Tàu, một phố của người Nhật. Mỗi phố có khu vực riêng, có quan cai trị riêng và sống theo tập tục riêng. Người Tàu có luật lệ và phong tục của người Tàu, người Nhật cũng vậy*”¹. Tại đây, các thương nhân Nhật Bản và Trung Hoa sống theo từng khu phố riêng và sinh hoạt văn hóa theo tập tục riêng của mình, họ có quyền tự trị, được tự do buôn bán và phải nộp thuế với mức thấp, một số thương nhân còn được các chúa Nguyễn trọng dụng vào các công việc quan trọng như thông ngôn, hay làm Cai Phủ tàu chuyên coi trách, điều khiển thương thuyền, quản lý các công việc buôn bán ở phố cảng, hoặc giữ vai trò lãnh sự tại nơi này. Vào thời kỳ này, phố Nhật ở Hội An có khoảng 700 kiều dân Nhật Bản định cư², và có đến 10 dòng họ thương gia giàu có bậc nhất ở Nhật Bản đến buôn bán, lập hiệu buôn tại đây như Suminokura, Araki, Kiya, Sueyoshi, Funamoto, Hashito, Suetsugu, Hirano... Để tăng cường mối quan hệ bang giao và thúc đẩy ngoại thương, năm

1604 chúa Tiên Nguyễn Hoàng đã nhận Hunamoto Yabeije - một thương gia đồng thời là phái viên đầu tiên của chính quyền Tokugawa tới Đàng Trong làm con nuôi, cũng như về sau chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên đã gả con gái của mình là công chúa Ngọc Hoa cho thương gia người Nhật - ông Araki Sotaro vào năm 1619, đây là những dấu mốc quan trọng trong quan hệ bang giao Việt - Nhật. Theo số liệu thống kê các điểm đến của Chân ấn thuyền ở khu vực Đông Nam Á trong “*Nghiên cứu phố Nhật ở Nam Dương*” của Giáo sư Iwao Seiichi cho biết từ năm 1604 đến 1635 chính quyền Mạc phủ đã cấp 356 Châu ấn trạng cho các thương thuyền hải ngoại giao thương, buôn bán, trong đó có 124 thương thuyền trực tiếp buôn bán với Đại Việt và 87 thương thuyền cập cảng thị Hội An, qua đó các chúa Nguyễn đã chính thức xác lập mối quan hệ bang giao với Nhật Bản trong giai đoạn này³.

Sự phát triển của hệ thống thương mại hàng hải quốc tế cùng với các chính sách mở cửa giao thương của các chúa Nguyễn đã tạo tiền đề cho sự hưng thịnh của thương cảng Hội An trong suốt nhiều thế kỷ, biến nơi đây trở thành một trung tâm thương mại “liên vùng” và “liên thế giới”. Bên cạnh đó, thương cảng Hội An không chỉ đóng vai trò là một cảng thị quốc tế sầm uất mà còn là nơi hội tụ và giao thoa văn hóa với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, trong đó Nhật Bản là một minh chứng cụ thể. Qua việc xác lập mối quan hệ thương mại, thương cảng Hội An trở thành cầu nối, mắt xích quan trọng không thể thiếu trong việc gắn kết mối quan hệ bang giao Việt - Nhật trong lịch sử

¹ Cristophoro Borri (1998), Xứ Đàng Trong năm 1621, NXB TP.Hồ Chí Minh, Tr.92.

² Nguyễn Văn Kim, Quan hệ của Nhật Bản với Đông Nam Á thế kỷ XV - XVII, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004, tr.143.

³ Nguyễn Văn Kim, Sdd, tr.125 - 126.

THÔNG TIN VỀ DI TÍCH KHẢO CỔ HỌC THANH CHIÊM QUA KẾT QUẢ THĂM SÁT, KHAI QUẬT THÁNG 8 - 2019

GS.TS. Lâm Thị Mỹ Dung
CN. Nguyễn Thị Ngọc Huyền
CN. Võ Hồng Việt

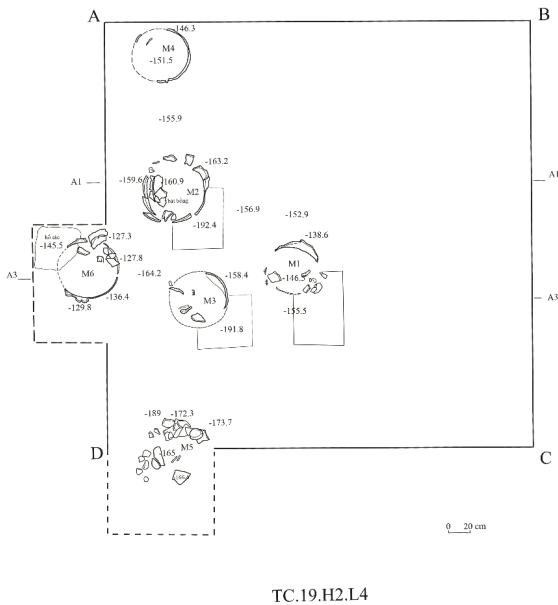
Di tích khảo cổ học Thanh Chiêm nằm ở toạ độ $15^{\circ}52'58.2''$ vĩ độ Bắc và $108^{\circ}18'36.5''$ kinh độ Đông, thuộc khối Thanh Chiêm, phường Thanh Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Di tích nằm phía nam của cồn cát rộng lớn trải dài từ khu vực Lai Nghi đến trung tâm thành phố Hội An theo hướng Tây - Đông men theo dòng chảy của con sông cổ. Kế tiếp phía Đông và phía Nam di tích Thanh Chiêm là di tích Văn hóa Sa Huỳnh Hậu Xá II và An Bang. Di tích khảo cổ Thanh Chiêm được phát hiện, đào thám sát tháng 7/1989 với tổng diện tích là $16m^2$. Tầng văn hóa tương đối dày, chứa các di vật liên quan đến việc sinh sống, cư trú của cư dân Sa Huỳnh, Champa và các lớp cư dân Hội An thời Đại Việt như đồ gốm Sa Huỳnh, gốm Chăm, gốm sứ Trung Quốc thuộc tỉnh Phước Kiến, Quảng Đông, Cảnh Đức Trấn, gốm sứ Hizen của Nhật Bản và gốm đất nung Thanh Hà - Hội An. Với sự có mặt của gốm sứ nhiều thời đại (*thế kỷ I đến thế kỷ XVII-XVIII sau Công nguyên*) đã chứng tỏ từ rất sớm tại nơi đây là vùng bên sông có cư dân và giao lưu buôn bán phát triển¹

Với mục đích nhận diện thêm những giá trị lịch sử - văn hóa, khoa học của di tích cũng như bổ sung hiện vật trưng bày tại Bảo tàng Hội An nhằm làm phong phú hơn nội dung khoa học của Bảo tàng và tính hấp dẫn của Bảo tàng đối với công chúng; đồng thời xác định phạm vi khu di tích để triển khai dự án Khu dân cư dọc tuyến đường đường Điện Biên Phủ nối dài (*giai đoạn 1*) phường Thanh Hà, thành phố Hội An theo quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết tại văn bản số 3471/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 và văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư số 3331/UBND-KTN ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam, trên cơ sở chủ trương thống nhất của UBND thành phố Hội An và Quyết định số 2323/QĐ-BVHTTDL, ngày 2/7/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thăm dò, khai quật khảo cổ đối với di tích Thanh Chiêm, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã phối hợp với Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội và Bảo tàng Quảng Nam tiến hành thăm dò, khai quật di tích Thanh Chiêm vào tháng 8/2019. Có 4 hố thăm dò, khai quật được triển khai dọc theo cồn cát, trong đó hố 1, 2, 3 mỗi hố có diện tích $9m^2$ ($3m \times 3m$), hố 4 có diện tích $4m^2$ ($2m \times 2m$).

¹ Nguyễn Chiêu, Hồ Xuân Tịnh, Nguyễn Chí Trung và Trần Văn An 1990. *Khai quật di chỉ Thanh Chiêm*. NPHMVKCH năm 1989. NXBKHXH. Hà Nội.

Tại hố thăm dò 1, 3 và 4, trong lớp đất cát san lấp dày 1-2m có những mảnh gốm sứ thế kỷ 17, 18 và ít mảnh vụn thân chum gốm Sa Huỳnh¹. Bên dưới lớp đất này là sinh thổ cát màu vàng thẫm đặc trưng của cồn cát Thanh Hà.

Tại hố 2 đã phát hiện các mộ chum Sa Huỳnh ở nửa hố phía tây và trên vách nên được mở rộng thêm để xử lý, nghiên cứu. Dưới đây là những thông tin cơ bản của hố khai quật này².



TC.19.H2.L4

1. Địa tầng và tầng văn hóa

Lớp 1³: Dày từ 45-80cm (do bề mặt nghiêng về phía nam), là lớp đất cát có nhiều rễ cây, cỏ và rác hiện đại. Trong lớp đất này có một số mảnh chum, gốm

Sa Huỳnh và nhiều mảnh sành thế kỷ 17, 18. Phía Nam của hố xuất hiện hố rác lớn. Sau khi làm sạch, tại góc D lộ ra một cụm gốm là các mảnh chum vỡ, phát hiện 01 hạt cườm thủy tinh, 01 mảnh tiền đồng thời Tống.

Lớp 2: Dày 24cm, là lớp cát màu sẫm, ẩm, chứa hiện vật trong đó có mảnh thân chum và gốm Sa Huỳnh. Ở lớp này xuất lộ cụm gốm (ký hiệu: CG1) là mảnh vỡ của mộ chum. Bên cạnh các mảnh chum vỡ phát hiện một hiện vật dao sắt có chuôi hình vành khăn. Ngoài ra, rải rác trong cát có lẫn lục lạc bằng đồng, hạt chuỗi mã não và hạt cườm thủy tinh một màu (nâu, xanh...).

Lớp 3: Địa tầng của lớp 3 chia thành hai màu rõ rệt, phần lớn cát ở lớp này có màu trắng xám, riêng tại góc B cát có màu vàng tươi, ẩm ướt và không chứa hiện vật. Dầu tích mộ trở nên rõ ràng hơn, phát hiện các mảnh vỡ của nắp mộ chum. Rây cát tại đây tìm thấy 615 hạt chuỗi thủy tinh các loại. Sát vách Tây xuất lộ mảnh vỡ chân đế bát đồng, các mảnh vỡ tập trung thành cụm, có thể phục nguyên hình dáng.

Lớp 4: Cát lớp này có màu vàng tươi, mịn, cùng màu với sinh thổ. Đây là lớp xuất lộ toàn bộ di tích mộ táng, tổng cộng đã có 06 mộ được phát hiện bao gồm 04 mộ được phát hiện trong quá trình khai quật theo tầng vị và 02 mộ phát hiện trong quá trình sửa làm thẳng vách. 02 hố mở rộng có diện tích 0.5m² mỗi hố nhằm mục đích xử lý 2 mộ chum. Cả 6 mộ đều nằm thành cụm tập trung ở nửa phía Tây hố khai quật, khoảng cách giữa các mộ khá gần nhau nhưng không cắt phá lẫn nhau. Có 02 loại hình mộ chum tại hố khai quật này, trong đó M1, M4, M6 là mộ chum hình trụ, M2 và M3

¹ Tại hố 3 phát hiện 1 hạt chuỗi mã não.

² Nội dung tóm lược từ Báo cáo khai quật Thanh Chiếm năm 2019 do GS.TS.Lâm Thị Mỹ Dung và CN. Nguyễn Thị Ngọc Huyền viết. Tham gia khai quật và chỉnh lý có ThS. Nguyễn Thị Nga (*Bảo tàng Quảng Nam*), CN. Võ Hồng Việt, ThS. Phạm Phước Tịnh, CN. Nguyễn Văn Thịnh, CN. Lê Thị Lưu, CN. Trần Phương, KTS. Trần Thanh Hoàng Phúc (*Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*), CN. Bùi Văn Sơn, CN. Nguyễn Thu Hương (*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội*)

³ Cote ở các góc hố so với mốc giả định: A: - 43,8cm, B: - 59,1cm, C: - 114,6cm, D: - 105,8cm.



Toàn cảnh di tích khảo cổ học Thanh Chiêm

là mộ chum hình cầu, M5 đã bị phá hủy nặng nề.

Di vật xuất lộ tại lớp này khá nhiều và phong phú về loại hình, bao gồm hạt chuối mã nã, hạt chuối thủy tinh, khuyên tai hình vành khăn, giáo và kiếm sắt cùng một số đồ gốm còn nguyên vẹn, chủ yếu được tìm thấy ở trong lòng hoặc bên ngoài các mộ chum.

Lớp 5: Những di vật cuối cùng được tìm thấy là những chiếc nồi gốm được đặt dưới M2. Cát ở lớp này là cát sinh thổ màu vàng tươi, mịn.

2. Mộ chum

Có 06 mộ chum được phát hiện trong hố khai quật, tập trung ở khu vực tây nam của hố, phía sườn thấp của cồn cát. Tất cả 06 mộ chum đều bị mất phần trên, chum 1 còn khoảng 2/3, các chum còn lại chỉ còn 1/4 đến 1/3, có chum như chum số 3 toàn bộ đáy đã bị mất, xen lẫn những mảnh chum vỡ là mảnh gốm sứ thể kỷ 17, 18... Đồ tùy táng còn lại là

nồi, bát bồng gốm; trang sức hạt chuỗi, cườm bằng thủy tinh, hạt chuối mã nã, hạt chuối và khuyên tai bằng đá ngọc và đồ sắt... Chum gốm có 02 dạng chính là hình trụ có vai gầy và hình cầu; nắp chum hình nón cụt.

- Mộ chum số 1 (TC.19.H2.M1) xuất lộ ở độ sâu -96,2cm so với góc A và -34,2cm so với góc D, đã bị phá hủy phần trên, chiều cao còn lại 64cm, đường kính 50cm, dày thân 1,5-2cm. Chum có màu đỏ hồng, dáng hình trụ có vai gầy, đáy tròn bầu, thân trang trí văn thừng thô. Vết đập văn thừng không theo quy luật, nông sâu không đều. Nắp chum có hình nón cụt, miệng loe, mép miệng vênh tròn. Thân nắp trang trí hoa văn hình chữ S, tô màu đỏ tươi. Gân vai nắp có lỗ nhỏ đường kính 1,2cm. Nắp bị vỡ sụp xuống lòng chum, do đó phần lớn mảnh vỡ nắp tìm thấy trong lòng chum, chỉ có một vài mảnh nằm cạnh mộ.

Đồ chôn theo gồm một mảnh dao

sắt có chuỗi hình vành khăn trong cụm gồm vỡ lớp 2. Sau khi xử lí lấy hết những mảnh nắp vỡ rơi trong lòng mộ, phát hiện đồ tùy táng gồm có 02 mũi giáo sắt, 01 lưỡi kiếm sắt, 13 hạt chuỗi mã não và 01 nôi gốm. Rây cát trong lòng và bên cạnh mộ phát hiện thêm 615 hạt cườm thủy tinh các loại. Mũi giáo một chiếc dài 24,5cm, có chuỗi dài nhọn để tra cán, chiếc còn lại dài 13,2m, chuỗi hình vành khăn. Giáo sắt và kiếm đều được đặt tựa vào thành trong của mộ, lưỡi hướng xuống. Nôi gốm nằm nghiêng sát bên cạnh kiếm sắt. Hạt chuỗi mã não xuất lộ trong tình trạng xếp liền thành một dải, rất có thể được xâu cùng nhau. Hạt chuỗi hình thoi, lớn nhỏ không đều, màu cam nhạt, vân màu đỏ tươi. Hạt chuỗi được khoan từ hai đầu, một số hạt còn nhìn thấy rõ hai mũi khoan lệch nhau và một mũi khoan bổ sung khoan xuyên trung tâm hạt chuỗi.

Sau khi lấy hết di vật tùy táng và làm sạch, cho thấy mặt trong mộ lồi lõm, bề mặt chứa nhiều hạt sỏi kích thước 0,1-0,2cm, giòn và dễ vỡ. Đáy mộ hằn rõ các đường lồi lõm theo chiều xoắn ốc, đây chính là dấu vết dải cuộn, bằng chứng cho kỹ thuật làm mộ chum bằng phương pháp dải cuộn.

- Mộ chum số 2 (TC.19.H2.M2) xuất lộ ở độ sâu -116,2cm so với góc A và -54,2cm so với góc D, đã bị phá hủy nghiêm trọng. Tại vị trí này ở lớp trên đã phát hiện một bát bồng chân cao bị vỡ. Chum gốm có màu xám đen, đậm nhạt không đều, dáng hình cầu, mặt ngoài trang trí văn thừng, mặt trong phần đáy có các rãnh hình xoắn ốc là dấu vết dải cuộn. Đường kính lớn nhất còn lại là 56cm, chiều cao còn lại 30cm, dày thân 0,8-1,6cm. Xương gốm màu xám đen, mịn, vỡ. Cát trong lòng mộ chum là cát

màu vàng tươi, mịn khô. Rây cát phát hiện 220 hạt chuỗi thủy tinh các loại. Bên trong chum chỉ phát hiện được chủ yếu là mảnh vỡ mộ chum, không thấy mảnh vỡ, do vậy chưa rõ nắp của mộ chum này hình nón cụt hay hình cầu hay tận dụng từ một đồ đựng lớn nào đó.

Chum quan tài này được đặt trên một cụm gồm phân bố theo hình tam giác gồm 03 hiện vật, trong đó hai nôi gốm còn nguyên vẹn và một bát bồng nhỏ đã bị vỡ, tất cả đều đặt ngửa. Nôi gốm dạng miệng loe, cổ thắt, vai phình to, đáy nôi hình chòm cầu, đặc biệt có một nôi vẫn còn một lớp muội than màu đen dưới đáy. Sau khi đặt xuống nền cát trong hố chôn, người Sa Huỳnh đã đặt chum quan tài lên trên và lấp đất lại.

- Mộ chum số 3 (TC.19.H2.M3) xuất lộ ở độ sâu -114,2cm so với góc A và -52,2cm so với góc D, đã bị phá hủy nghiêm trọng, chum gốm chỉ còn lại một phần nhỏ gần đáy, tuy nhiên đường biên mộ vẫn có thể quan sát được. Chum quan tài hình cầu, gốm màu xám đen, đậm nhạt không đều, mặt ngoài trang trí văn khắc vạch, mặt trong để trơn không miết. Đáy mộ tuy đã mất gần hết nhưng vẫn nhìn thấy dấu vết của kỹ thuật dải cuộn. Cát trong lòng mộ là cát trắng, mịn, toi xốp. Rây cát trong lòng chum mộ và xung quanh mộ phát hiện 50 hạt chuỗi thủy tinh các loại. Không phát hiện đồ tùy táng khác trong mộ, có lẽ đã bị phá hủy nghiêm trọng.

- Mộ chum số 4 (TC.19.H2.M4) xuất lộ ở độ sâu -102,2cm so với góc A và -40,2cm so với góc D, đã bị phá hủy phần lớn và chỉ còn lại một phần đáy của chum. Chum hình trụ, đáy thuôn hình cầu, chiều cao còn lại 21cm, dày thân 0,8-2,0cm, mặt ngoài chum trang trí văn thừng mịn. Văn thừng đập không theo



Mộ chum trong hố khai quật

quy luật, nông sâu không thống nhất. Cát trong lòng mộ màu trắng mịn, tơi xốp. Rây cát tại đây phát hiện 2 hạt chuỗi thủy tinh màu xanh lục và nâu đỏ, ngoài ra không phát hiện đồ tùy táng khác.

- Mộ chum số 5 (TC.19.H2.M5) xuất lộ ở độ sâu -121,2cm so với góc A và -59,2cm so với góc D, chum đã bị phá hủy hoàn toàn, chỉ còn lại các mảnh vỡ nằm thành cụm. Mảnh chum quan tài có màu xám đen, trên thân trang trí văn khắc vạch trên nền thừng. Lẫn trong các mảnh chum vỡ phát hiện một mảnh nồi gốm bị vỡ 2/3, màu hồng xám. Rây cát tại đây phát hiện 7 hạt chuỗi thủy tinh các loại. Đặc biệt phát hiện một khuyên tai hình vành khăn bằng đá màu xanh lục đường kính ngoài 4,4cm, đường kính trong 1,3cm, dày 0,3cm. Ngoài ra khu vực mộ chum này còn phát hiện một mảnh tiền đồng thời Tống.

- Mộ chum số 6 (TC.19.H2.M6) xuất lộ ở độ sâu -83,2cm so với góc A và -21,2cm so với góc D, đã bị phá hủy phần lớn, chỉ còn lại một phần thân và đáy. Đường kính lớn nhất còn lại 50cm, chiều cao còn lại 23cm, dày thân 0,5-1,2cm. Chum gốm có màu đỏ hồng, mặt

ngoài trang trí văn thừng mịn, mặt trong màu đỏ đậm hơn. Nắp chum hình nón cụt, đường kính 50,4cm, cao 23,2cm, miệng loe, vai gãy, thân trang trí hoa văn hình chữ S, tô màu đỏ tươi. Nắp bị sập xuống lòng mộ thành nhiều mảnh nhỏ. Cát trong lòng mộ màu trắng, mịn, tơi xốp. Rây cát tại đây phát hiện 7 hạt chuỗi thủy tinh các loại, ngoài ra còn phát hiện một dọi xe chỉ bằng gốm hình nón cụt với đường

kính 4cm, cao 2,2cm.

3. Di vật

Hiện vật tìm thấy trong hố khai quật gồm nhiều loại hình với những chức năng khác nhau, bằng chất liệu kim loại, gốm, đá, thủy tinh,...

- Đồ đồng: 01 tiêu bản lục lạc đồng có khuyên tròn. Lục lạc hình cầu, rỗng, đường kính 8mm, ở giữa có gờ chìm chạy quanh thân. Trên đầu lục lạc có khuyên tròn, mảnh. Toàn thân lục lạc bị oxi hóa mạnh.

- Đồ sắt: Toàn bộ đồ sắt tìm thấy trong cuộc khai quật này đều thuộc về mộ M1. Đồ sắt đều trong tình trạng oxi hóa mạnh, bề mặt màu đen sẫm, rỉ sét đóng thành mảng lớn và gắn chặt vào thân. Đồ sắt gồm có 01 tiêu bản dao sắt có chuôi hình vành khăn, kích thước dài 7,5cm, rộng 2,0cm, dày 0,4cm; 02 tiêu bản giáo sắt, trong đó 01 tiêu bản dài 24,5cm, rộng 4,3cm, mũi nhọn, lưỡi dẹt và mỏng, phía dưới có chuôi để tra cán, tiêu bản còn lại dài 13,2cm, rộng 3,5cm, lưỡi tán dẹt và sắc, chuôi rỗng đường kính 2,2cm để tra cán gỗ; 01 kiếm sắt dài 31,2cm, rộng 5,0cm. Lưỡi kiếm cong,

mỏng dẹt. Mũi và chuôi kiếm bị gãy.

- Đồ thủy tinh: 915 hạt chuỗi thủy tinh các loại. Hạt chuỗi thủy tinh hầu hết nằm trong mộ hoặc rơi lẫn bên cạnh mộ, rất ít hạt rơi vãi rải rác. Dựa theo loại hình, hạt chuỗi chia thành 3 nhóm chính:

Nhóm 1: 6 hạt. Hạt chuỗi hình trụ, màu xanh lục hoặc xanh lam. Đường kính 4mm, dài 3mm, đường kính lỗ 2mm, nặng 0,7g, tìm thấy trong M1, M5 và M6.

Nhóm 2: Hạt chuỗi màu nâu đỏ, gồm 6 kiểu:

+ Kiểu 1: Hình trụ, đường kính 6mm, dài 4mm, dày 2mm, đường kính lỗ 2mm, bề mặt có các vết rỗ.

+ Kiểu 2: Hình trụ, đường kính 4mm, dài 3mm, dày 1,5 mm, đường kính lỗ 1mm.

+ Kiểu 3: Hình tang trống, đường kính 4mm, dài 2mm, dày 1mm, đường kính lỗ 2mm.

+ Kiểu 4: Hình tang trống, đường kính từ 3-4mm, dài 2-3mm, dày 1mm, đường kính lỗ 1mm.

+ Kiểu 5: Hình tang trống, đường kính từ 2-3mm, dài 1-3 mm, dày 1mm, đường kính lỗ 1mm.

+ Kiểu 6: Hình tang trống, đường kính từ 1-2mm, dài 1-2mm, dày 1mm, đường kính lỗ 1mm.

Nhóm C: Hạt chuỗi màu tím, hình tang trống, đường kính 1mm, dài 2mm

- Đồ đá: Đồ đá trong cuộc khai quật này rất hiếm, chỉ phát hiện được 16 tiêu bản đồ trang sức, trong đó có một mảnh vòng tay, một khuyên tai hình vành khăn và 14 hạt chuỗi bằng mã não.

+ Vòng tay làm bằng đá nephrite

màu đỏ hồng phát hiện ở khu vực gần M2. Vòng tay đã vỡ, chỉ còn lại một mảnh nhỏ dài 2cm, tiết diện hình elip, mỏng dẹt.

+ Khuyên tai hình vành khăn bằng đá nephrite màu xanh lục, đường kính ngoài 4,4cm, đường kính trong 1,3cm, dày 0,3cm, tiết diện hình elip có một đầu dẹt.

+ Hạt chuỗi mã não hình thoi màu đỏ cam, trong, bề mặt bị xước hoặc nứt vỡ nhẹ. Có độ trong suốt nhất định, từ bên ngoài có thể nhìn rõ vết khoan trong lòng hạt chuỗi. Hạt chuỗi dùng kỹ thuật khoan hai đầu, một số hạt chuỗi có hai đầu khoan lệch nhau. Dựa theo kích thước có thể chia làm 3 cỡ: Cỡ lớn (2 hạt) dài 21mm, rộng 20mm, dày 5mm, đường kính lỗ khoan 2mm; Cỡ vừa (8 hạt) dài 19 mm, rộng 19mm, dày 5mm, đường kính lỗ khoan 2mm; Cỡ nhỏ (3 hạt) dài 17mm, rộng 1.8 cm, dày 0.5 cm, đường kính lỗ khoan 2mm (*thiếu 1 hạt chưa xếp vào cỡ nào?*)

- Đồ gốm: Tổng cộng 1371 mảnh gốm (*không tính mảnh chum quan tài Sa Huỳnh*), trong đó chủ yếu là gốm Sa Huỳnh. Loại hình gốm trang trí văn thừng rất phổ biến (chiếm 99,5%). Tỷ lệ khá cao của gốm men thể ki 17-18 cho



thấy di tích đã từng bị xâm hại vào thời điểm này, các mảnh vỡ vò sành, bát gốm có men thậm chí xuất lộ trong đáy các quan tài gốm Sa Huỳnh.

Dựa theo loại hình, gốm Sa Huỳnh được chia thành các kiểu loại sau:

+ Nồi: Nồi gốm phát hiện 03 chiếc còn nguyên vẹn, trong đó có 01 chiếc nằm trong lòng mộ chum M1 và 02 chiếc nằm dưới đáy mộ chum M2.

+ Bát bồng: Phát hiện 02 chiếc bát bồng đều nằm ở mộ chum M2, cả hai tiêu bản đều đã bị vỡ vụn, được xử lý gắn chắp trả lại nguyên dáng.

+ Nắp chum: 72 mảnh trong đó có 32 mảnh miệng, 38 mảnh thân và 2 mảnh chóp. Xử lý gắn ghép đã phục dựng được dáng hình của 2 nắp chum hình nón cụt.

+ Bát: Phát hiện 01 tiêu bản bát gồm đủ dáng, dáng khum có thành miệng dày đều, song song với nhau, mép miệng vê tròn. Thành được tạo dáng loe cong đều, tới mép thì khum nhẹ vào trong.

Dựa vào dáng hình miệng gốm của các mảnh vỡ, có thể chia thành 3 loại gồm: miệng khum, miệng đứng, miệng loe.

- Dọi xe chỉ: 01 dọi xe chỉ có màu đỏ hồng, hình nón cụt đường kính 4cm, cao 2,2cm, đường kính lỗ 0,5cm. Dọi xe chỉ làm từ đất sét pha lẫn cát và các hạt nephrite, nung ở nhiệt độ cao, xương gốm cứng chắc.

Nhận xét bước đầu

Kết quả khai quật lần này cho thấy Thanh Chiêm là khu mộ táng thuộc giai đoạn muộn của văn hóa Sa Huỳnh, nằm trên chuỗi các địa điểm Sa Huỳnh -

Champa men theo dòng chảy cổ của sông Thu Bồn. Điểm cực đông là khu mộ chum Văn hóa Sa Huỳnh là Xuân Lâm, tiếp đến là Hậu Xá I và II, Thanh Chiêm, An Bang, Lai Nghi và cụm mộ chum Gò Mả Vôi, Gò Miếu Ông rồi đến những cụm mộ chum phân bố ở trung lưu và thượng lưu của sông Thu Bồn về phía tây.

Khu mộ Thanh Chiêm có nhiều khả năng là khu nghĩa địa của cộng đồng cư dân thu gom hàng hóa, trao đổi buôn bán dọc sông Thu Bồn nối ra biển Đông bằng các cửa sông, cảng thời Sa Huỳnh sau này thành cơ sở phát triển của cảng Đại Chiêm hải khẩu. Cùng với các nhóm cư dân dọc sông Thu Bồn khác, cư dân Thanh Chiêm thời Sa Huỳnh đóng vai trò quan trọng trong tạo dựng cơ sở vật chất và tinh thần cho lãnh địa thời sơ sử và Lâm Ấp thời đầu Công nguyên.

Mộ chum số 1 có chum gốm được bảo tồn tốt nhất, nắp chum hình nón cụt bị sụp vào trong, do đó đồ tùy táng phía dưới nắp còn khá nguyên vẹn. Phía dưới chum không thấy than củi hay đá kê như hiện tượng gặp ở An Bang, Hậu Xá hay Lai Nghi. Tuy nhiên tại đây lần đầu tiên gặp hiện tượng chôn đồ gốm phía dưới hố sau đó đặt chum lên bên trên. Các đồ gốm đặt bên dưới chum gồm 2 nồi và 1 bát bồng, đều đặt ngửa. Đây là thông tin thú vị để hiểu thêm về táng tục của cư dân Sa Huỳnh ở Hội An.

Khu mộ đã bị phá hủy mạnh trong thế kỷ 17 và 18 và tiếp tục đến hiện nay khi cư dân chôn và xây mộ kiên cố, bề thế cũng như san bạt mặt bằng và đào rãnh tạo khoảng cách ngăn chỏ và cây đại để trồng trọt, đặc biệt là trồng quýt cảnh hiện nay đã làm thay đổi cảnh quan cũng như phá hoại di tích cùng di vật

THÔNG TIN VỀ DI TÍCH KHU PHỐ MANG DẤU ẤN KIẾN TRÚC PHÁP Ở HỘI AN

CN. Nguyễn Cường

Ngày 04/12/1999, khu phố cổ Hội An được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) ghi vào danh mục di sản văn hóa thế giới do đáp ứng được 02 tiêu chí: Tiêu chí (II): “Hội An là biểu hiện vật thể nổi bật của sự kết hợp các nền văn hóa qua các thời kỳ trong một thương cảng quốc tế”; tiêu chí (V): “Hội An là điển hình tiêu biểu về một cảng thị Châu Á truyền thống được bảo tồn một cách hoàn hảo”. Một trong những biểu hiện cho “sự kết hợp các nền văn hóa” đó đang “được bảo tồn một cách hoàn hảo” là sự hiện diện của các công trình kiến trúc mang dấu ấn kiến trúc Pháp nằm rải rác cả trong khu vực phố cổ và vùng ven, phổ biến hơn cả là loại hình nhà ở (nhà ở đô thị, nhà ở nông thôn) và mộ táng. Đặc biệt trong số đó là sự hiện diện của quần thể các công trình kiến trúc nằm nằm ở mặt tiền đường Phan Bội Châu tạo thành khu phố mang dấu ấn kiến trúc Pháp ở Hội An (sau đây gọi là khu phố mang dấu ấn kiến trúc Pháp).

1. Trong thời kỳ phát triển thịnh đạt của thương cảng quốc tế Hội An từ thế kỷ XVI-XVIII, ngoài vai trò của thương nhân Nhật Bản, Trung Quốc còn có sự hiện diện của thương nhân nhiều nước ở Nam Á, Đông Nam Á và các nước

phương Tây. Sự có mặt của thương nhân các nước ở Hội An không chỉ tạo nên sự giao lưu kinh tế thông qua hoạt động buôn bán mà còn tạo nên sự đa dạng về di sản văn hóa cho Hội An, nhiều di sản còn được bảo lưu cho đến hiện nay. So với các nước phương Tây khác, sự có mặt của người Pháp ở Hội An là muộn hơn. Đến thế kỷ XVIII, Hội An, Đàng Trong mới được người Pháp chú ý đến. Theo tác giả Nguyễn Chí Trung trong sách “Cư dân Faifo - Hội An trong lịch sử” thì “Thương nhân Pháp đến Hội An ngoài việc thương mại, họ còn mang theo cả kế hoạch giành thuộc địa với người Anh và xâm lược”. Thực tế cho thấy lúc bấy giờ, một số thương nhân, có những người mang cả thân phận giáo sĩ như Pierre Poivre được chính quyền Pháp cử đến Hội An cũng không ngoài mục đích đó. Những biến cố sau đó, đặc biệt là sự kiện chúa Nguyễn trục xuất các giáo sĩ người Pháp đã làm gián đoạn mối quan hệ thương mại này giữa người Pháp với Đàng Trong nói chung, Hội An nói riêng.

Năm 1858, Pháp bắt đầu đánh chiếm nước ta. Năm 1885, công cuộc đánh chiếm của thực dân Pháp hoàn thành và chúng bắt đầu áp đặt quyền cai trị và khai thác thuộc địa trên toàn cõi



Việt Nam. Tỉnh Quảng Nam lúc bấy giờ về danh nghĩa thuộc quyền bảo hộ của Pháp, nhưng trên thực tế ngoại trừ thành phố Tourane (thành phố Đà Nẵng hiện nay), phần đất còn lại có hai chế độ cai trị, bên cạnh chính quyền Nam triều đứng đầu là viên Tổng đốc còn có Tòa Công sứ đứng đầu là viên Công sứ người Pháp.

Hội An với vị trí, vai trò từng là trung tâm kinh tế - thương mại của Đàng Trong và của tỉnh Quảng Nam nên được chính quyền Nam Triều và thực dân Pháp coi trọng, xây dựng thành trung tâm chính trị của tỉnh. Ngày 30/8/1899, Toàn quyền Đông Dương ban hành Nghị định về việc thành lập các đô thị, trong đó có Hội An với tên gọi hành chính là Ville de Faifo. Năm 1900, thực dân Pháp bắt đầu đặt Tòa Công sứ ở Hội An, cùng với đó, thực dân Pháp còn thiết lập các cơ quan, công sở như Thương chánh,

Kho bạc, Bưu điện, công sở mật thám, đồn lính... phục vụ cho việc cai trị của chúng. Như vậy vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, ảnh hưởng của người Pháp đối với kinh tế, văn hóa, xã hội ở Hội An bắt đầu được định hình mạnh mẽ.

Theo tác giả Nguyễn Bội Liên trong tập Di cảo Châu Ái Nguyễn Bội Liên thì *“Tiếp khi người Pháp đến thì việc xây cất kiến trúc cũng có nhiều phần theo lối Âu châu mà nay vẫn còn lại một ít trong các đường phố. Học chữ Pháp và giao tiếp, trang phục theo người mới cho đến nay thì đều khắp cả”*. Về mặt kiến trúc, nhiều công trình kiến trúc với các loại hình như công sở, chợ, nhà ở, mộ,... được xây dựng trong thời gian này mang đậm dấu ấn kiến trúc Pháp và còn được bảo lưu cho đến nay trên đất Hội An. Theo nhà nghiên cứu Trần Ánh trong đề tài luận văn thạc sĩ văn hóa học

“Những giá trị lịch sử - văn hóa và định hướng bảo tồn di sản kiến trúc nhà gỗ trong khu phố cổ Hội An” thì “Đầu thế kỷ XX, Pháp đã đặt chế độ đô hộ trên đất nước Việt Nam. Người Pháp đã quy hoạch lại đô thị, nắn lại đường phố, xây dựng công rãnh, thiết lập hệ thống điện chiếu sáng, xây dựng một số trụ sở, dinh thự, ... trước hết là để phục vụ cho nhu cầu của bộ máy cầm quyền. Cũng như nhiều đô thị khác ở Việt Nam và Đông Dương, kiến trúc các ngôi nhà ở Hội An cũng chịu ảnh hưởng về nhiều mặt. Tuy bố cục mặt bằng vẫn còn giữ được những đặc tính cơ bản của kiến trúc Hội An truyền thống nhưng về kiểu dáng mặt tiền, kết cấu chịu lực, sử dụng vật liệu, ... đã mang phong cách Pháp rất rõ nét. Gạch và xi măng là các loại vật liệu chính yếu được sử dụng trong các ngôi nhà Hội An”.

Ở Hội An hiện tồn nhiều công trình mang phong cách kiến trúc Pháp, phân bố chủ yếu rải rác ở khu vực phía đông, phía bắc khu phố cổ và ở vùng ven. Đó là: Ở phía đông khu phố cổ là các ngôi nhà ở trên đường Phan Bội Châu. Ở phía bắc khu phố cổ là những ngôi nhà biệt thự - nhà vườn: số 158 đường Nguyễn Duy Hiệu, số 2 và số 129 đường Phan Chu Trinh, số 2 đường Nguyễn Huệ, ...; công sở có Sở Bru điện ở số 6, Tòa Công sứ ở số 10 đường Trần Hưng Đạo, ... Ở vùng ven, tập trung nhiều nhất là khối Bàu Đưng của phường Thanh Hà có nhiều ngôi mộ với niên đại từ vua Khải Định đến vua Bảo Đại, tức khoảng từ năm 1916 trở về sau mang dấu ấn kiến trúc Pháp, như Mộ bà Lê Thiên Ký có niên đại năm Bảo Đại thứ nhất, mộ bà Huỳnh Tình Yên niên đại năm Bảo Đại

thứ 12, mộ ông Đinh Thạnh Hương niên đại năm Khải Định thứ 8. Ngoài ra, trên các đường chính ở trung tâm phố cổ, những ngôi nhà xây mới hoặc tu bổ lại trong thời gian này cũng chịu ảnh hưởng của kiến trúc Pháp như nhà số 47 đường Nguyễn Thái Học xây dựng năm 1920, nhà số 108 đường Nguyễn Thái Học xây dựng năm 1919..., đặc biệt là công trình chợ Hội An. Tác giả Nguyễn Ngọc Chung trong bài *“Góp phần tìm hiểu nguồn gốc của một số địa danh và vai trò của phố cảng Hội An”* in trong sách Kỷ yếu Hội nghị khoa học về khu phố cổ Hội An lý giải cho sự phân bố các công trình kiến trúc mang phong cách kiến trúc Pháp ở Hội An như vậy là do *“Người Pháp đến sau, khi mà toàn bộ nội ô “thượng chùa Cầu – hạ ông Bồn” đã tràn ngập người Hoa, cho nên những di tích của Pháp nằm ở ngoài khu người Hoa. Đó là di tích xưởng chè Robert, tòa sứ nhà giấy thép, sở bang tá, nhà thương Hội An, trường sơ học Pháp – Việt v.v... Những di tích này nằm ở các con đường Phan Châu Trinh, Hoàng Diệu, Trần Hưng Đạo ngày nay”*. Cùng quan điểm trên, tác giả Tạ Thị Hoàng Vân trong đề tài luận án Tiến sĩ *“Di tích kiến trúc Hội An trong tiến trình lịch sử”* cũng cho rằng *“Thực chất, người Pháp muốn xây dựng những khu phố tách biệt với khu vực phố cũ của Hội An. Đặc điểm này không chỉ thấy ở Hội An mà ở nhiều những đô thị khác của Việt Nam đang dưới quyền bảo hộ của người Pháp”*.

2. Phạm vi khoanh vùng bảo vệ di tích khu phố mang dấu ấn kiến trúc Pháp ở Hội An được xác định từ dãy nhà mặt tiền số chẵn đường Phan Bội Châu đoạn giáp đường Hoàng Diệu đến đường

Trương Minh Lượng kéo về phía Nam theo đường Hoàng Diệu ở phía Tây, đường Trương Minh Lượng ở phía Đông đến giáp với đường Huyền Trân Công Chúa thuộc khu vực khoanh vùng bảo vệ I của bản đồ khoanh vùng bảo vệ Di sản Văn hóa thế giới khu phố cổ Hội An; trong đó giá trị di tích tập trung ở 2 dãy nhà mặt tiền đường Phan Bội Châu, thuộc địa phận khối An Thọ, phường Sơn Phong. Đường Phan Bội Châu theo trục đông tây, số nhà được đánh theo thứ tự từ nhỏ đến lớn hướng từ đông sang tây. Trên đoạn đường giới hạn khoanh vùng này có 56 công trình, trong đó có 51 công trình ở mặt tiền. Theo tiêu chí phân loại mức độ giá trị bảo tồn di tích kiến trúc của thành phố Hội An thì có 33 công trình được phân loại II, 11 công trình được phân loại III, 12 công trình được phân loại IV. Về sở hữu, có 7 công trình thuộc sở hữu nhà nước, 1 công trình thuộc sở hữu tập thể, 48 công trình thuộc sở hữu tư nhân.

Theo tác giả Nguyễn Quốc Hùng trong đề tài Luận án Phó tiến sĩ khoa học lịch sử “*Các loại hình di tích kiến trúc trong khu phố cổ Hội An*” cho biết “*Đầu thế kỷ XIX, đất Hội An được mở rộng thêm về phía Nam. Theo thống kê, từ năm Gia Long thứ 13 (1814) tới năm Tự Đức thứ 17 (1864) vùng đất phía Nam này được mở rộng thêm 2 mẫu 4 sào 23 thước*”. Hiện chưa thể xác định chính xác thời gian hình thành con đường Phan Bội Châu, nhưng qua một số tư liệu có thể đoán định nó được hình thành vào khoảng cuối thế kỷ XIX. Ban đầu đường này có tên gọi là Rue Courbet. Muộn nhất là từ sau năm 1951, đường này được đổi tên thành đường Phan Bội

Châu cho đến hiện nay. Trong bài “*Chuyện trăm năm cũ: Hội An chùng 1 thế kỷ trước đây*” được viết năm 1986 của tác giả Nguyễn Bội Liên, in trong sách Di cảo Châu Ái Nguyễn Bội Liên cho biết khu vực phía dưới chợ Hội An vào khoảng những năm đầu thế kỷ XX còn khá hoang sơ. Lúc đó đường Phan Bội Châu đã được hình thành với tên gọi là Courbet. Theo mô tả của tác giả thì “*Về phía đông, đầu đường Nguyễn Duy Hiệu, trước mặt chùa Ông Bồn (hội quán Triều Châu) phía bên nam giáp đường Phan Bội Châu có một vạt đất trống có đào một hồ thả sen, sau đó họ làm một cái sân bóng rổ trên mảnh đất giáp hồ và lề đường Phan Bội Châu. Nay thì ở đây nhà cửa dày cả, song dấu vết hồ sen vẫn còn nhận được. Cuối đường Phan Bội Châu sát bờ sông có một nhà xây vách, mái bằng, cửa sắt, sát bờ sông xây đá, bờ đá hiện vẫn còn. Đây là kho chứa dầu lửa thùng thiếc hiệu con gà, Bảo cái của hãng dầu Socogny. Dầu thùng này do tàu chở đến đậu ở Vũng Thùng, có ghe vơi ra chở vào cát nơi đây do Hoa thương La Thiên Hòa làm đại lý bán ra*”. Trong bản đồ Faifoo dưới thời Pháp thuộc (trước năm 1945) cho thấy đường Phan Bội Châu đã được quy hoạch khá quy chuẩn.

Cùng với việc hình thành con đường này, nhà ở cũng dần được xây dựng. Ban đầu nhà ở được xây dựng bám theo hai bên mặt tiền đường chính đoạn từ cuối đường Bạch Đằng đến ngã tư cắt ngang bởi đường Trương Minh Lượng hiện nay. Dãy nhà phía nam có mặt hậu tiếp giáp sông Thu Bồn. Về sau do việc hình thành mới đường Huyền Trân Công Chúa dọc sông nên có thêm dãy nhà

quay mặt tiền ra đường này, đa phần những nhà đó có nguồn gốc từ thửa đất có mặt tiền của đường Phan Bội Châu, được tách thửa hoặc nguyên thửa nhưng có hai mặt.

Thời Pháp thuộc, gần như chủ nhân của những ngôi nhà này là người Việt làm việc trong các công sở của Pháp và vì thế họ có điều kiện kinh tế để xây dựng những ngôi nhà này. Có người thậm chí sở hữu 2 đến 3 ngôi nhà hoặc nhiều hơn. Ngoài nhà chính để ở, những ngôi nhà khác họ cho thuê và người thuê cũng chủ yếu là tầng lớp công chức làm việc trong chính quyền cai trị lúc bấy giờ. Tài liệu điền dã của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tại nhà số 46 đường Phan Bội Châu cho biết ngôi nhà này được xây dựng vào những năm đầu thế kỷ XX. Sơ lược quá trình hình thành, sở hữu của ngôi nhà này qua tài liệu như sau: Năm 1929, ông Phan Liên ở làng Hội An đệ nhất phường, ngụ tại Cẩm Phô mượn tiền của ông Vu Hữ Đức ở làng Minh Hương đệ nhị phường để mua thửa đất có diện tích 493m² trên đường Rue Courbet và làm được 02 căn nhà. Đến năm 1936, do không đủ tiền để trả nợ nên ông Phan Liên viết giấy chuyển ngôi nhà ở phía đông và đất có kích thước ngang 3,5m, dài 53,5m cho ông Vu Hữ Đức để trả nợ. Năm 1949, ông Vu Hữ Đức bán nhà lại cho ông Cao Xuân Chử quê ở Quảng Trị, làm trong Công chánh giao thông tỉnh Quảng Nam (số nhà lúc bấy giờ là 14). Năm 1951, ông Cao Xuân Chử có lập hồ sơ để tu sửa ngôi nhà. Năm 1956, ông Cao Xuân Chử lúc này là nhân viên Ty kiến trúc Huế tiếp tục bán lại nhà này cho ông Nguyễn Phiến là

nhân viên Ty thủy lâm tỉnh Quảng Nam. Năm 1959, ngôi nhà được lập hồ sơ xin phép tu sửa tầng lầu. Từ đó, ngôi nhà này được ông Phiến, tiếp đó là con của ông quản lý, sử dụng cho đến nay. Ngoài ra trên đường này có một số công chức khác như: Ông Hược làm Ty Cảnh sát thời kỳ Pháp thuộc, ông Diễm làm trong Tòa hành chánh Quảng Nam sau năm 1954, Ông Nguyễn Châu Toàn làm trong Ty Công chánh từ năm 1956-1975, ông Trần Được làm Chánh văn phòng ở tỉnh đường Quảng Nam (*ông này sở hữu nhà số 42 và 44 đường Phan Bội Châu*). Trong thời gian từ năm 1955 - 1957, ngụ quyền còn thuê nhà của tư nhân để đặt Ty công chánh và Ty cảnh sát ở đây, trước khi xây dựng công sở mới tại vị trí khác (*Ty Cảnh sát tại trụ sở UBND thành phố Hội An hiện nay, Ty Công chánh trên đường Thái Phiên hiện nay*). Đặc biệt tại số nhà 27 - 29 là trụ sở của Ty cảnh sát. Nơi đây, địch đã bắt giam, tra tấn nhiều chiến sĩ cách mạng là đảng viên trung kiên bám trụ trong phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ ở Hội An. Nhiều đồng chí đã hy sinh anh dũng để bảo vệ tổ chức, tiêu biểu tấm gương là đồng chí Nguyễn Nhạc. Sau thời gian tra tấn dã man nhưng không khai thác được gì, địch đã dùng thủ đoạn thủ tiêu đồng chí, sau đó mang thi hài cho vào bao tời rồi thả xuống sông, đồng thời bố trí mật vụ để theo dõi. Sự thâm độc của địch càng làm cho tinh thần yêu nước của cán bộ đảng viên nói riêng, nhân dân ta nói chung càng thêm mạnh mẽ để tiến lên giành lấy nhiều thắng lợi về sau. Riêng phần đất phía đông đoạn từ ngã tư đường Trương Minh Lượng đến đường Phạm Hồng Thái

trước năm 1954 quang cảnh vẫn còn hoang sơ, chỉ có một vài ngôi nhà tạm. Từ sau năm 1975, các ngôi nhà trên tuyến đường chính mới được hình thành quy củ như hiện nay. Trong ký ức của nhiều người cao tuổi thì khu phố này đến trước năm 1975 từng là khu phố kiểu mẫu; lối sống, cách ứng xử, giao thiệp của mỗi con người đều toát lên sự văn minh, lịch sự; cảnh quan phố phường ngăn nắp; trật tự công cộng rất nề nếp, quy củ.

Qua thống kê cho thấy trên đường Phan Bội Châu đoạn từ giáp đường Hoàng Diệu đến đường Trương Minh Lượng có 40 công trình có hình



thức kiến trúc ảnh hưởng kiến trúc Pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Nhìn chung, dấu ấn mang phong cách kiến trúc ở các công trình được thể hiện chủ yếu tại mặt tiền thông qua chi tiết trang trí, hệ cửa pa-nô lá sách gỗ đặc trưng, những nhà có tường biên thoáng (không áp sát tường nhà lân cận) còn được thể hiện ở gờ chỉ trang trí ở ô văng đầu cửa, ô thông gió dưới đỉnh nóc. Đặc biệt là các công trình này không chỉ bố trí sát nhau để tạo thành một khu phố mà còn có hình thức mặt tiền giống hoặc tương tự nhau được xây nối tiếp thành từng dãy tạo nên vẻ đẹp, sự sinh động cho cảnh quan toàn tuyến phố nhưng cũng thể hiện được sự trật tự và thống nhất trên từng

đoạn. Bên cạnh dấu ấn kiến trúc này, yếu tố kiến trúc Việt mang tính địa phương là khá rõ nét cho thấy sự hòa nhập, đan xen tài tình về kiến trúc, văn hóa ở đây. Đó là việc bố trí mặt bằng, mặt cắt, hệ khung gỗ chịu lực của các công trình có sự tương quan với các ngôi nhà gỗ trong khu phố cổ, đều có dạng hình ống, phổ biến là kết cấu 3 gian; một số công trình bố trí gian thờ tại gian giữa, cũng trang trí hoành phi, liễn đối chữ Hán; các kiểu vì kèo kẻ chuyền, cột trốn kẻ chuyền,

kèo suốt được sử dụng phổ biến nhưng điểm khác biệt là các cấu kiện gỗ có hình thức đơn giản, ít chi tiết chạm trổ trang trí; tường xây dày, vừa để chống nóng vào mùa hè, vừa để giữ ấm

vào mùa đông; bề mặt tường được tô trát bằng vữa vôi để tránh ẩm mốc do nắng nóng, mưa nhiều, độ ẩm cao; các vật liệu địa phương được sử dụng như gỗ, gạch, vữa vôi, vôi quét tường với các màu đặc trưng của khu phố cổ như màu vàng, trắng, đỏ, bông gió trắng men đục sẵn, đặc biệt là mái lợp ngói âm dương đất nung của làng gốm Thanh Hà; một số đồ án trang trí dân gian mang ý nghĩa cát tường được sử dụng để trang trí mặt tiền; các chi tiết trang trí, phào chỉ đã được giản lược đi rất nhiều, không quá cầu kỳ như kiến trúc Pháp nguyên mẫu. Chức năng ban đầu của các công trình chỉ để phục vụ mục đích ở. Những năm qua cho

đến hiện nay, khi du lịch phát triển cùng với sự lan tỏa của thương hiệu Hội An, rất nhiều công trình còn sử dụng vào một đích khác là kinh doanh với những shop hàng lưu niệm, gallery, nhà hàng, quán café... Mặt bằng không gian bên trong được cải tạo cho mục đích mới nhưng vẫn rất phù hợp và đặc biệt là mặt tiền công trình vẫn được gìn giữ nguyên vẹn như lúc ban đầu.

3. Nhận diện về giá trị của di tích, chúng tôi thấy rằng:

Về lịch sử: Di tích là minh chứng về một thời kỳ lịch sử đầy biến động với sự hiện diện của người Pháp trên mảnh đất Hội An vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Từ đó, người Pháp đã đặt nhiều dấu ấn trong lịch sử không chỉ về chính trị mà còn về kinh tế, văn hóa, xã hội ở Hội An cũng như của cả Quảng Nam. Di tích còn là bằng chứng lịch sử của quá trình tiếp xúc với văn hóa phương Tây thời thực dân ở Hội An nói riêng, Quảng Nam và cả nước nói chung.

Về văn hóa: Sự hiện diện của khu phố mang mang dấu ấn kiến trúc Pháp góp phần tạo nên giá trị nổi bật toàn cầu của di sản văn hóa thế giới khu phố cổ Hội An. Nó minh chứng cho một đô thị cổ có sự hòa quyện, tiếp biến đặc sắc giữa các nền văn hóa trên thế giới qua các thời kỳ lịch sử trên mảnh đất này. Bên cạnh đó, di tích còn góp phần minh chứng cho một thời văn hóa Pháp ảnh hưởng mạnh mẽ trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân địa phương, và đến nay ít nhiều vẫn còn hiện hiện qua nghệ thuật trang trí, nghệ thuật dân dụng, các hình thức ẩm thực, văn hóa giao tiếp, y phục, y học, đồ dùng dụng cụ sinh

hoạt, ngôn ngữ...trong đời sống thường nhật của người dân.

Về nghệ thuật kiến trúc: Di tích bao gồm quần thể các di tích kiến trúc đang được bảo tồn gần như nguyên vẹn tính nguyên gốc, cả vật liệu xây dựng, kiểu dáng kiến trúc, chi tiết trang trí. Đây là dữ liệu khoa học quý để nghiên cứu kiến trúc thuộc địa và sự giao lưu, tiếp biến về nghệ thuật kiến trúc ở Hội An trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX; đồng thời qua đó góp phần cung cấp tư liệu thực địa về ảnh hưởng của kiến trúc thuộc địa trên phạm vi cả nước. Ngoài ra, các góc phố đẹp, các chi tiết kiến trúc giàu giá trị thẩm mỹ, nghệ thuật ở di tích là đề tài sáng tác nghệ thuật hấp dẫn cho các nhà mỹ thuật, văn học, nhiếp ảnh, ...

Về kinh tế: Di tích là một phần của quần thể kiến trúc khu phố cổ Hội An, một địa điểm du lịch đã và đang nổi tiếng thu hút hàng triệu lượt khách trong và ngoài nước đến tham quan mỗi năm, tạo nên nguồn thu ngân sách lớn cho nhà nước. Ngoài ra, hầu hết các ngôi nhà đơn lẻ trong di tích bên cạnh không gian để ở còn là nơi các gia đình mở hiệu kinh doanh buôn bán hoặc cho thuê mặt bằng với nhiều loại hình, mặt hàng khá phong phú đã tạo nên nguồn thu nhập ổn định, đảm bảo kinh tế hộ gia đình.

Với những giá trị tiêu biểu, di tích đã được UBND tỉnh Quảng Nam xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 1693/QĐ-UBND, ngày 10/6/2019. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để di tích được quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị tốt trong tương lai ♦

ĐỀ TÀI THỰC VẬT TRANG TRÍ TRÊN BÌNH PHONG ĐÌNH LÀNG/ẤP Ở HỘI AN

CN. Trần Phương

Hạng mục bình phong tại các di tích kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng ở Hội An hiện nay còn khá nhiều. Các bình phong này không chỉ đa dạng về kiểu dáng mà các chi tiết trang trí cũng khá đa dạng với các hệ đề tài về vũ trụ - thiên nhiên - sự vật, hệ đề tài đồ vật, hoa văn - minh văn, động vật, thực vật. Nội dung bài viết này, chúng tôi tập trung thông tin về các đồ án trang trí thuộc hệ đề tài thực vật trên bình phong các di tích đình làng/ấp ở Hội An hiện nay.

Thực vật trong đời sống văn hóa tín ngưỡng của người Việt Nam nói chung, người Hội An nói riêng đóng một vai trò quan trọng nhất định. Có thể kể đến tín ngưỡng thờ cây trong đời sống con người Hội An đã khá phổ biến từ bao đời nay. Dưới các cây lớn, đặc biệt là những cây gần đình, miếu hay cơ sở tín ngưỡng ta thường bắt gặp những khám thờ nghi ngút khói hương thường xuyên. Người dân nơi đây cũng rất ngần ngại khi dùng dao kéo đụng đến các cây này. Dường như giữa con người và cây cối có một mối liên hệ, cảm thông vô hình. Hiện nay, tại Hội An, phong tục mang khăn tang cho cây khi chủ nhân chăm sóc nó qua đời là một trong những minh chứng cho vai trò của thực vật trong đời sống

người dân nơi đây.

Trong hệ đề tài thực vật, mỗi loài hàm chứa một ý nghĩa, giá trị riêng. Việc chọn lựa đối tượng để thể hiện trong việc trang trí một chủ thể không chỉ đảm bảo về phương diện bố cục mà còn thể hiện được ý đồ chuyên tải một thông điệp nào đó trong cuộc sống của nghệ nhân.

Qua khảo sát, thống kê, hiện nay trên địa bàn thành phố Hội An có 24 ngôi đình (16 ngôi đình làng và 8 ngôi đình ấp), trong đó có 19 ngôi đình có hạng mục bình phong (12 ngôi đình làng, 7 ngôi đình ấp).

Các đồ án, mô típ trang trí đề tài thực vật trên bình phong đình ở Hội An khá đa dạng, trong đó trường hợp trang trí đơn lập thường tập trung ở các chủ thể như: Hoa đào, hoa cúc, hoa sen, dây lá. Việc kết hợp giữa các loài cây, loài hoa tạo thành mô típ trang trí như: Đồ án “tứ quý” (mai, lan, cúc, trúc), đồ án “đông đào tây lựu” (quả đào, quả lựu); đồ án “đông bình tây quả” (bình hoa, mâm quả); đồ án mâm quả (mâm đựng các loại trái cây).

Đồ án trang trí đơn lập

Theo tác giả Nguyễn Du Chi: “Trong thế giới tự nhiên, hoa là sự kết tinh cái đẹp của các loài thực vật và có sức hấp dẫn con người. Bởi vậy nên đề

*tài hoa đã được chú ý thể hiện rất nhiều trong nghệ thuật trang trí cổ truyền của các dân tộc trên thế giới”.*¹

Hoa đào nở vào mùa xuân, do đó biểu thị cho mùa xuân (*so sánh với hoa mai trong bộ tứ quý mai - lan - cúc - trúc*) và tượng trưng cho sắc đẹp của nữ nhân². Hình tượng hoa đào thường được cách điệu thành 4 cánh, cấu tạo đầu cánh hoa có dạng tròn như cánh hoa mai. Trong lĩnh vực trang trí trên bình phong đình ở Hội An, đề tài hoa đào không phổ biến, chỉ có hai trường hợp hoa đào được sử dụng trang trí đơn lập: Viên mặt trước bình phong đình làng An Mỹ, đình làng Sơn Phong theo hình thức khảm sành sứ.

Hoa cúc là một trong những loài hoa được nhiều nơi trên thế giới ưa chuộng, đặc biệt là ở các nước phương Đông. Tại đất nước Nhật Bản, hoa cúc là biểu tượng cho hoàng gia, tháng 9 được xem là tháng của hoa cúc tại đất nước này. Tại Trung Quốc, hoa cúc được xem là một trong “*tứ quân tử*” bởi phẩm chất trong sạch, thanh cao của nó. Tại Việt Nam, từ thời phong kiến, các quý tộc cho đến hoàng gia đều ưa chuộng hoa cúc thông qua việc vừa thưởng trà, ngắm cúc, ngâm thơ. Từ vẻ đẹp về màu sắc, cho đến đặc tính cao quý mà hoa cúc được dùng làm hoa văn trang trí phổ biến trên các công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng, dân dụng... Theo tác giả Nguyễn Hữu Thông: “*Hoa cúc là biểu tượng của mùa thu, người xưa gọi tháng chín là cúc nguyệt. Các nhà thưởng lưu, quý tộc thường nhân dịp này bày yến tiệc*

*để thưởng thức hoa cúc nở. Cúc và chữ lưu (留: giữ lại) đều có cách phát âm giống nhau là Ju và tháng chín là cửu (九) (Jiu) cũng đồng âm với từ cửu (久) trong nghĩa vĩnh cửu, do đó, cúc nguyệt (cúc tháng chín) được biểu tượng bằng lời chúc giữ lại sự trường thọ, bền bỉ. Cúc còn biểu tượng cho niềm vui, sự an lạc, viên mãn và là “bạn đời” của những người từ quan hay nghỉ ngơi sau một đời bận rộn. Người Trung Quốc đã từng nhắc đến thi sĩ Đào Tiềm (365 – 427) đã từ quan và cống hiến cuộc đời cho thi ca, nhạc, rượu và trồng hoa cúc”.*³ Việc trang trí đơn lập hình tượng hoa cúc trên bình phong các ngôi đình ở Hội An chỉ có 01 trường hợp: Tại vị trí đầu trụ mặt ngoài bình phong đình làng Thanh Hà, được tạo hình theo phương thức đắp nổi bằng chất liệu vữa; hình tượng hoa cúc được tạo hình cách điệu theo dạng nhụy lớn có những chám tròn, hai tầng cánh hoa xếp chồng lên nhau, đầu cánh cong tròn, mỗi tầng có 8 cánh, hoa được trang trí đi liền với cành và lá.

Hoa sen là loài hoa được nhiều nước trên thế giới tôn thờ từ rất sớm, như người Ấn Độ xem hoa sen là biểu tượng quyền năng sáng tạo của thiên nhiên (*lửa và nước*), đối với người Ai Cập họ xem hoa sen là biểu tượng của các vị thần Osiris và Horus⁴. Tại Việt Nam, hoa sen là một loài hoa rất phổ biến, đặc biệt có sức ảnh hưởng lớn trong đạo Phật. Hoa sen được ví như một loài hoa thanh cao, thoát khỏi mọi ham muốn dục vọng để đạt được chánh giác. Do đó, họa tiết hoa sen được trang trí khắp các chùa, miếu, mộ, đồ tế tự để nhắc nhở con người về lối sống trong sạch, thanh bạch. Ta thường bắt gặp hình ảnh đức Phật đứng

¹ Nguyễn Du Chi, (2003), *Hoa văn Việt Nam từ thời tiền sử đến nửa đầu thời kỳ phong kiến*, Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội – Viện Mỹ thuật, tr 211.

² Nguyễn Hữu Thông, (2001), *Mỹ thuật Huế - nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng trang trí*, Phân viện nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật tại thành phố Huế, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr 70-71.

³ Nguyễn Hữu Thông. Sđd. Tr.69-70.

⁴ Nguyễn Du Chi. Sđd. Tr 212.

thuyết giảng hoặc ngòi kiết già trên đóa hoa sen nở. Trong nghệ thuật tạo hình, hoa sen được xem là biểu tượng của đức hạnh mặc dù sinh trưởng trong bùn nhơ nhưng không hề bị vấy bẩn¹. Về mặt tạo hình trong nghệ thuật trang trí đề tài hoa sen khá đa dạng, tuy nhiên, tại bình phong các ngôi đình ở Hội An, đề tài hoa sen chủ yếu được trang trí trên đỉnh trụ bình phong theo dạng khối, đúc bằng chất liệu vữa, quét vôi màu đỏ, như: Đình làng Thanh Nhút, đình làng An Mỹ, đình làng Thanh Hà, đình ấp Xuân Lâm.



Có một dạng đồ án trang trí thuộc hệ đề tài thực vật nhưng không thuộc một loài nào cụ thể, đó là đồ án dây lá. Đồ án này mang dáng ước lệ dạng tua cuốn. Hình ảnh dây lá thường được nghệ nhân tạo tác khá bay bổng, biểu thị cho sự kế tiếp, trường tồn. Dây lá thường được sử dụng đơn lập hoặc kết hợp với các đồ án khác chuyển thể thành: Dây lá hóa long, dây lá hóa phụng, dây lá hóa phúc². Đề tài dây lá ít được sử dụng trang trí trên bình phong đình ở Hội An, chỉ có hai trường hợp trang trí đồ án này theo dạng đơn lập: Tại vị trí hai nếp mặt ngoài đặng đối với đồ án chủ đạo trên bình phong theo hình thức đắp nổi kết hợp khảm các mảnh sành sứ: Đình làng Thanh Tây, đình làng Thanh Nhút; ngoài ra còn được bố trí ở 4 góc quần bàn bệ thờ mặt sau bình phong: Đình làng Thanh Nhút.

Đồ án trang trí kết hợp

Ngoài các đồ án trang trí đơn lập còn có đồ án dạng kết hợp tạo thành mô típ trang trí độc đáo, như: Đồ án “tứ quý”, “đông đào tây lưu”, đồ án mâm quả, đồ án “đông bình tây quả”.

Đồ án “tứ quý” (mai, lan, cúc, trúc) mang hình tượng cây cối, là biểu tượng của bốn mùa: Mùa xuân (mai, đào), mùa hạ (lan, sen), mùa thu (cúc, liễu), mùa đông (tùng, trúc). Có khi chỉ bốn loài cây nhưng đôi lúc được kết hợp thêm những vật, loài vật hoặc cây cỏ khác tạo thành mô típ trang trí có tên gọi khác nhau. Trong đó, hoa mai trong bộ tứ quý tượng trưng cho mùa xuân. Hoa mai có 5 cánh tượng trưng cho ngũ phúc (5 vị thần may mắn)³. Hoa lan trong bộ “tứ quý” tượng trưng cho mùa hạ; hoa lan biểu tượng cho hình ảnh dịu dàng, trang nhã; đồng thời do hoa lan thường kết thành chuỗi nên còn mang ý nghĩa con cháu đông đúc, xum vầy⁴. Hoa cúc trong bộ tứ quý tượng trưng cho mùa thu (xem ý nghĩa hoa cúc đã nêu). Cây trúc biểu tượng cho mùa đông trong bộ tứ

¹ Nguyễn Hữu Thông. Sdd. Tr.78-79.

² Kim Lê, (2012), *Những đề tài hoa văn thường được trang trí trên gốm Lái Thiêu và ý nghĩa của chúng*, Hội Khoa học Lịch sử Bình Dương, website: <http://www.sugia.vn/home/index>.

³ Nguyễn Hữu Thông. Sdd. Tr.75.

⁴ Nguyễn Hữu Thông. Sdd. Tr.72.

quý (*mai, lan, cúc, trúc*), trong lĩnh vực tạo hình, hình ảnh cây trúc tượng trưng cho người quân tử, ngay thẳng¹. Trong các bình phong đình ở Hội An, chỉ có bình phong đình làng An Mỹ sử dụng đồ án “*tứ quý*” (*mai, lan, cúc, trúc*) trang trí ở mặt trước theo hình thức đắp nổi (*tại bình phong đình làng Sơn Phong cũng sử dụng mô típ trang trí này tuy nhiên có kết hợp với đề tài động vật (điều, điệp) ở cả hai mảng trang trí tạo thành mô típ trang trí: “lan mai điều”, “cúc trúc điệp”*).

Đồ án “*đông đào tây lựu*” thường được bố trí ở hai bên đồ án chính bình phong cả mặt trước và mặt sau theo hình thức đắp nổi hoặc đắp nổi kết hợp khảm sành sứ: Đình áp Xuân Lâm theo hình thức nề vữa khảm sành sứ; đình làng Thanh Hà theo hình thức nề vữa. Hình tượng quả đào được sử dụng trong lĩnh vực trang trí tại Hội An rất phổ biến. Cây đào, đặc biệt là trái đào thường được nhắc nhiều đến trong các truyền thuyết, là một loại trái quý ở chốn thần tiên mà người xưa gọi là đào tiên. Đặc điểm nổi bật nhất về mặt biểu tượng của quả đào là biểu thị sự trường thọ, bất tử; hình tượng quả đào thường đứng đơn lập, hoặc trang trí trong mâm quả, hay trang trí đăng đối với quả lựu. Cây lựu còn có tên gọi là thạch lựu, có nguồn gốc từ Cabul, được mang đến trồng tại vùng Đông Á năm 126 trước Công nguyên. Trong nghệ thuật tạo hình ở Hội An, hình tượng quả lựu khá phổ biến, sử dụng trang trí ở nhiều hạng mục của công trình, trong đó có hạng mục bình phong đình. Quả lựu có đặc điểm nổi bật về màu sắc hoa rực rỡ, đặc biệt hình dạng quả lựu với miệng loe có cánh ở đầu trái, khi chín đầu trái mở ra trông

như nụ cười vui tươi để lộ chi chít hạt. Quả lựu nằm trong nhóm trái cây có nhiều hạt như: cam, bưởi, bầu, bí, dưa hấu... có ý nghĩa phồn thực nhằm chỉ ước vọng con cháu đầy đàn, đông đúc (*lựu khai bách tử*) nhưng vẫn theo hàng lối trật tự, theo một quy chuẩn nhất định². Ngoài mô típ trang trí đăng đối giữa hình tượng đào và lựu còn hình thức thể hiện đơn lẻ, như tại bình phong đình làng Sơn Phong: Đồ án lựu với hình tượng hai quả bố trí bên dưới đồ án chủ đạo mặt trước bình phong (*Long Mã phụ hà đồ*) theo phương thức đắp nổi, phân cuống và cành lựu đắp nổi, phần lá khảm mảnh sành sứ; đình làng An Mỹ: Đồ án lựu với hình tượng hai quả bố trí bên dưới đồ án chủ đạo mặt trước bình phong (*Long Mã phụ hà đồ*) theo hình thức đắp nổi khảm sành sứ, phân cuống, cành, lá lựu đắp nổi. Đình làng Thanh Nhứt: Đồ án “*đông đào tây lựu*” được bố trí ở vị trí hai bên nếp thứ 3 trên mặt trước bình phong đăng đối qua đồ án chủ đạo (*Long Mã phụ hà đồ*), hình thức: Gồm có hai quả (*lựu/đào*) trên một cành cây, tạo hình bằng phương thức đắp nổi kết hợp khảm sành sứ. Đình áp Xuân Lâm: Đồ án “*đông đào tây lựu*” được bố trí ở vị trí hai bên nếp thứ ba trên mặt sau bình phong đăng đối qua đồ án chủ đạo (*Tùng lộc*), hình thức: Một quả đào/lựu trên cành, tạo hình bằng phương thức đắp nổi kết hợp khảm sành sứ.

Đồ án mâm quả được bố trí ở vị trí quần bàn bệ thờ bình phong theo hình thức đắp nổi: Đình áp Xuân Lâm, đình làng Thanh Nhứt. Đình áp Xuân Lâm: Đồ án bát quả được bố trí chính giữa quần bàn bàn thờ mặt sau bình phong theo kiểu thức đắp nổi, hình thức: Đỉnh hương bên trên mâm quả. Đình làng

¹ Nguyễn Hữu Thông. Sdd. Tr.80-81.

² Nguyễn Hữu Thông. Sdd. Tr.74-75.

Thanh Nhứt: Đồ án bát quả được bố trí chính giữa quần bàn thờ mặt sau bình phong theo kiểu thức đắp nổi, hình thức thể hiện giống đình áp Xuân Lâm. Đồ án mâm quả thường được tạo hình theo hai dạng. Dạng thứ nhất là đồ án mâm bát quả, bao gồm 8 loại trái cây như: Đào, lựu, mận, lê, phật thủ, nho, bầu, bí. Hình tượng bát quả phản ánh xu hướng thâm mỹ tam giáo (*Nho, Phật, Lão*) trong nghệ thuật trang trí tạo hình; kiểu thức trang trí phổ biến trong bát quả gắn liền với những ý



nghĩa tượng trưng nhất định: Quả đào tượng trưng cho sự trường thọ, sự kính trọng; quả lựu với đặc tính tự nhiên là nhiều hạt và quả măng cầu (*na*) là loại quả có nhiều hạt tượng trưng cho sự đông đúc, no đủ, con cái đầy đàn; mặc dù đã được quy vào bộ bát quả, nhưng trong thực tế có thể đếm được hơn tám quả trong các bộ trang trí cụ thể khác nhau, mỗi bộ đề tài có tám quả và nhiều bộ thì lại có khá nhiều quả không trùng nhau. Dạng thứ hai là đồ án mâm ngũ quả. Mâm ngũ quả gồm có 5 loại quả và có màu sắc khác nhau, trong đó có màu xanh của nải chuối chưa chín (*tượng trưng cho phương đông*), màu đỏ của hồng – tượng trưng cho phương nam, màu vàng của bưởi (*tượng trưng cho trung phương*), quả màu nhạt (*tượng trưng cho phương tây*), quả màu sẫm (*tượng trưng cho phương bắc*)¹.

Theo nguyên tắc cổ xưa về bố trí thờ tự trên trục chính của bàn thờ được sắp xếp theo “*đông bình tây quả*”, tức là phía bên trái bàn thờ (*từ trong nhìn ra*) đặt một lọ độc bình, phía bên phải đặt một chiếc mâm đựng quả (*ngũ quả hoặc bát quả*)². Đồ án “*đông bình tây quả*”

không phổ biến trong việc trang trí trên bình phong đình ở Hội An, chỉ có 2 trường hợp trang trí đồ án này là: Đình Tiên hiền Kim Bồng, bố trí ở hai bên nếp thứ 2 ở mặt trong bình phong, đối xứng nhau qua đồ án chủ đạo (*đình hương – bút – sách*), phương thức tạo hình kiểu đắp nổi; đình áp Xuân Mỹ: Bố trí ở hai bên nếp thứ 2 ở mặt trong bình phong, đối xứng nhau qua đồ án chủ đạo (*đình hương – bút – sách*), phương thức tạo hình kiểu đắp nổi.

Bình phong không chỉ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về mặt phong thủy mà còn mang ý nghĩa về nghệ thuật trang trí, thông qua đó thể hiện được tài nghệ của nghệ nhân ở Hội An, đồng thời chuyển tải những thông điệp, ý nghĩa về các vấn đề liên quan đến cuộc sống con người trong thế giới nhân sinh. Có thể nhận định rằng bình phong là một trong những hạng mục quan trọng trong một công trình kiến trúc, các đồ án trang trí trên bình phong như một bức tranh hài hòa, tạo nên điểm nhấn độc đáo trong kiến trúc đình làng/áp ở Hội An ♦

¹ Trần Lâm Biền, (2003), *Đồ thờ trong di tích của người Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin Hà Nội, tr 100.

² Trần Lâm Biền. Sdd. Tr 98-99.

Tổng số di tích (đình)	Không có bình phong	Có bình phong	Trong đó	
			Có đồ án (cả hai mặt hoặc 1 trong hai mặt)	Không có đồ án
24	05	19	16	03
100%	20,8%	79,2%	84,2%	15,8%

Stt	Tên đồ án	Vị trí					Di tích
		Mặt trước	Mặt sau	Bệ thờ	Trụ		
					Mặt trước	Đình	
1	Tứ quý (Mai, lan, cúc, trúc)	x					Đình làng An Mỹ
2	Đông đào tây lựu	x					Đình làng Thanh Nhút
		x					Đình ấp Xuân Lâm
			x				Đình làng Thanh Hà, đình ấp Xuân Lâm
3	Hoa đào	x					Đình làng An Mỹ, đình làng Sơn Phong
4	Dây lá	x					Đình làng Thanh Tây
				x			Đình làng Thanh Nhút
5	Đông bình tây quả		x				Đình Tiền hiền Kim Bồng, đình ấp Xuân Mỹ
6	Mâm quả			x			Đình ấp Xuân Lâm, đình làng Thanh Nhút
7	Hoa sen					x	Đình làng Thanh Nhút, đình làng An Mỹ, đình làng Thanh Hà, đình ấp Xuân Lâm
8	Hoa cúc				x		Đình làng Thanh Hà

TỔNG QUAN VỀ TƯ LIỆU HÁN NÔM Ở HỘI AN

CN. Lê Thị Lưu

Hội An là nơi lưu giữ một hệ thống tài liệu Hán Nôm khá phong phú, chúng bao gồm các văn khắc trên đá, gỗ, đồng, các tư liệu viết trên giấy, vải,... đa dạng về hình thức và thể loại tài liệu. Là vùng đất trải qua các cuộc chiến tranh trong thời gian dài, lại thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai về mưa bão, lũ lụt, nên các tài liệu này bị ẩm mốc, hư hại, hay bị thất thoát, thiêu cháy bởi chiến tranh. Những tư liệu này còn lại không nhiều, thế nhưng làm thế nào để phát huy được những giá trị đó, mà vẫn bảo tồn được, không làm phương hại đến nguồn tư liệu di sản của dân tộc là một điều thật không dễ dàng. Từ việc nhận thấy tầm quan trọng của hệ thống tư liệu Hán - Nôm, vào những năm 80 thế kỷ XX, Ban Quản lý Di tích – nay là Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An đã có những đợt điền dã, khảo sát nhằm thu thập lập kho tư liệu Hán - Nôm của Hội An, đánh dấu cho sự khởi đầu mang tính quy mô của công tác này là chương trình hợp tác sưu tầm, sao chụp tư liệu Hán Nôm tại các gia đình trong khu phố cổ Hội An giữa bộ phận Quản lý Di tích Hội An với trường Đại học Nữ Chiêu Hoà, Nhật Bản tiến hành năm 1995. Trong đợt này đã sao chụp được nhiều ngàn trang tư liệu Hán Nôm đang được lưu giữ tại nhiều gia đình trong khu phố cổ để đưa vào lưu trữ theo từng địa chỉ nhà. Tiếp theo, một đợt sưu tầm có quy mô khá lớn nhằm thu thập tư liệu để phục vụ đề tài nghiên cứu về xã Minh Hương ở Hội An được tiến hành vào

những năm 1998, 1999. Từ đó đến nay, công tác này vẫn thường xuyên được triển khai thực hiện, không chỉ trên địa bàn thành phố, mà mở rộng ra tại các địa phương, các Trung tâm lưu trữ trong cả nước để thu thập, tìm kiếm những tài liệu liên quan đến Hội An.

Tính đến nay, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An đã thu thập được khoảng 2416 trang tư liệu gốc, hơn 4500 trang tư liệu copy, gần 300 bản dập văn bia (*thác bản*), 800 bản in dập từ mộc bản (*thác bản*) và hơn 60 đạo sắc phong. Những năm gần đây, Trung tâm cũng đã liên hệ với các Trung tâm lưu trữ, các địa phương khác trên cả nước thu thập được hơn 2700 trang địa bạ, 156 trang Châu bản triều Nguyễn, đều là những tư liệu vô cùng quý giá đối với Hội An.

Hiện nay hệ thống tư liệu Hán - Nôm ở Hội An bao gồm các loại chủ yếu như sau:

1. Sắc phong: Sắc phong là văn bản truyền mệnh lệnh của vua phong chức tước cho quý tộc, quan chức, khen thưởng những người có công hoặc phong thần và xếp hạng cho các vị thần có công được thờ trong các đình làng, miếu, ... Hiện sắc có niên đại sớm nhất là năm Gia Long thứ 2 (1803), sắc cho Thành Đức Hầu Lý Đại Thành, người xã Minh Hương, Quảng Nam. Những sắc phong này đa số được viết trên giấy long chỉ (*loại giấy khổ lớn, sản xuất riêng cho*



triều đình, nên trang trí các đồ án rồng, phượng... bằng kim nhũ, với những trang trí đặc trưng của mỗi thời kỳ lịch sử), viết mực tàu, ấn “**Phong tặng chi bửu**”. Ở các dòng ghi niên đại có dấu ấn vuông lớn của các triều vua từ Minh Mạng đến Bảo Đại. Sắc phong ở Hội An thường gồm hai loại, một loại sắc phong cho những người có công trạng với nước nhà, phong tặng, thăng thụ phẩm hàm. Loại sắc này tương đối ít. Loại sắc phổ biến hơn là sắc phong cho chư thần ở đình làng, công trình tín ngưỡng, biểu thị sự tôn vinh của vương triều và cộng đồng cư dân với vị thần đó, nó chứa đựng một số thông tin có thể bổ sung thêm lịch sử và là một nguồn tư liệu quan trọng để nghiên cứu tín ngưỡng dân gian của cư dân Hội An.

2. Bằng cấp: Là loại văn bản dùng để ban thưởng, biểu dương những người có công lao đối với triều đình, một số bằng cấp cho những người được đề bạt giữ các chức vụ nhà nước, hoặc ban thưởng cho thân nhân của những người có công hoặc giáng chức, giáng phẩm hàm của những người vi phạm luật pháp của triều đình hay của chính quyền sở tại. Loại bằng cấp phổ biến ở Hội An thường được viết trên giấy dó, khổ lớn,

rất ít gặp trường hợp viết trên giấy sắc phong màu vàng. Ở Hội An hiện nay các gia đình còn giữ các văn bản cấp bằng cho các Tượng mục của tộc Phan Xuân, bằng cấp cho các Yên hộ của tộc Hồ,... Niên đại của số tư liệu này chủ yếu là dưới thời nhà Nguyễn, từ đầu thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX.

3. Trát văn - Tờ truyền: Trát văn, tờ truyền là những văn bản của quan trên ban xuống, truyền lệnh cho các dân, quan cấp dưới thực hiện những công việc, nhiệm vụ của nhà nước. Ở Hội An số lượng các văn bản này còn lại khá nhiều, chủ yếu tập trung ở các tài liệu của xã Minh Hương, như trát đến các huyện nha, phái viên phải kê khai đủ ngạch tịch, châu sắc, chiếu sắc, châu đơn mang nạp để cứu khảo lại; yêu cầu các thuyền hộ phải nộp thuế lệ, tuyển chọn người đóng thuyền công vụ, truyền cho dân trong xã dụng công đắp bồi thông cống rãnh, mua vật tư đón vua ngự giá, lệnh truyền lập bộ kê khai dân cư và đất đai,... Niên đại của loại tư liệu này chủ yếu là thời hậu Lê và Tây Sơn, sớm nhất là 1749, muộn nhất là 1939. Lượng thông tin của loại văn bản này hết sức phong phú, quan trọng, liên quan đến nhiều địa phương; nhiều cá nhân; nhiều

lĩnh vực hoạt động của cộng đồng Minh Hương ở Hội An nói riêng; Đàng Trong nói chung. Các số lượng lớn các văn bản nhà nước liên quan đến hoạt động kinh tế, văn hóa - xã hội như thế này chứng tỏ có sự quan tâm của các vương triều phong kiến trong giai đoạn bấy giờ đối với xã Minh Hương cũng như thương cảng Hội An.

4. Trình - Bẩm: Là những công văn của cá nhân, làng xã, quan cấp dưới trình lên huyện, phủ, triều đình để xin khai hoang khẩn hóa, xây dựng đình chùa, ban sắc phong thần, xin được chuẩn miễn sưu dịch, miễn thuế cho dân, ... Niên đại sớm nhất cho loại văn bản này là vào năm Cảnh Hưng thứ 12 (1751). Loại trình bẩm này khá phổ biến ở Hội An.

5. Đình bạ (sổ đình): Là sổ ghi chép dân đình trong làng xã dùng để quản lý nhân lực, được viết trên giấy dó, đóng thành tập, có đóng ấn triện của quan phủ và nhiều kiểm ấn của quan sở tại. Các sổ đình và bản kê khai dân đình này còn cung cấp những thông tin liên quan đến việc nhập cư như họ tên, quê gốc của người mới nhập bộ (*vào sổ đình*), điều kiện để nhập bộ (*phải có người bảo lãnh, đề nghị*), độ tuổi của dân đình thường từ 18 - 59 tuổi; nghề nghiệp của dân đình; số tiền hoặc vật phẩm mỗi suất đình phải nộp... Niên đại sớm của loại văn bản này là 1744, muộn nhất là 1939. Ở Hội An chúng tôi mới chỉ thu thập được bộ đình của các xã Minh Hương, xã Hội An và một số sổ đình của người Hoa.

6. Điền bạ (sổ điền, địa bạ): Là sổ ruộng đất, hay sổ ghi chép về ruộng đất của các đơn vị hành chính cộng đồng cơ sở, ghi chép tổng số đất đai, ruộng đất, kê khai điền thổ công tư, điền, đất hiện

canh tác, đất hoang phế,... của các làng xã Hội An, Minh Hương, Cẩm Phô, Thanh Hà, Tân An,... Một số sổ điền còn cung cấp những thông tin về nguyên nhân gia tăng diện tích đất; tình hình sử dụng ruộng đất, thổ phố công và tư; mức thuế ruộng đất, thổ phố qua một số năm. Điền bạ thường được ghi chép trên giấy dó, đóng thành tập, có ấn của quan phủ và kiểm ký, tín ký của các quan sở tại. Niên đại sớm nhất của điền bạ cũng vào thời Cảnh Hưng nhà hậu Lê, số còn lại chủ yếu tập trung từ thời Minh Mạng đến Thành Thái, một số bộ ghi niên đại Thái Đức, Quang Trung. Hiện nay số tài liệu này đã được thu thập từ các địa phương với số lượng lớn.

7. Gia phả: Hiện nay, Trung tâm đã sưu tầm, thu thập được 27 bộ gia phả của các dòng họ tiêu biểu như gia phả tộc Trương, tộc Châu, tộc La (*được mang từ Trung Quốc sang*), tộc Diệp, tộc Nguyễn Việt, tộc Võ, tộc Hồ..., gia phả có niên đại sớm nhất là vào đầu thế kỷ 19. Loại tài liệu này có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc tìm hiểu nguồn gốc, thân thế, quá trình di nhập cư, qui định gia ước của các gia đình, dòng tộc. Các bản gia phả, hương phả này cho thấy thực tế về quá trình nhập cư của Hoa Kiều ở Hội An; đặc biệt là quan hệ hôn nhân - gia đình trong cộng đồng cư dân Minh Hương; giữa người Minh Hương với cư dân địa phương.

8. Khế ước - Đơn khai: Nhóm tư liệu này hiện chiếm số lượng nhiều nhất. Chúng phản ánh thực tế về tình hình mua bán, chuyển nhượng các loại ruộng đất, việc thuê mướn, nhượng bán thổ phố, nhà cửa, ruộng nương, kê khai các loại điền thổ của mỗi gia chủ cai quản,... các văn bản khế ước càng nhiều càng chứng tỏ được mối quan hệ hàng hóa - tiền tệ

tác động mạnh mẽ đến đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội và tình hình ruộng đất của cư dân tại đây. Khung niên đại tư liệu văn khế từ đầu thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX.

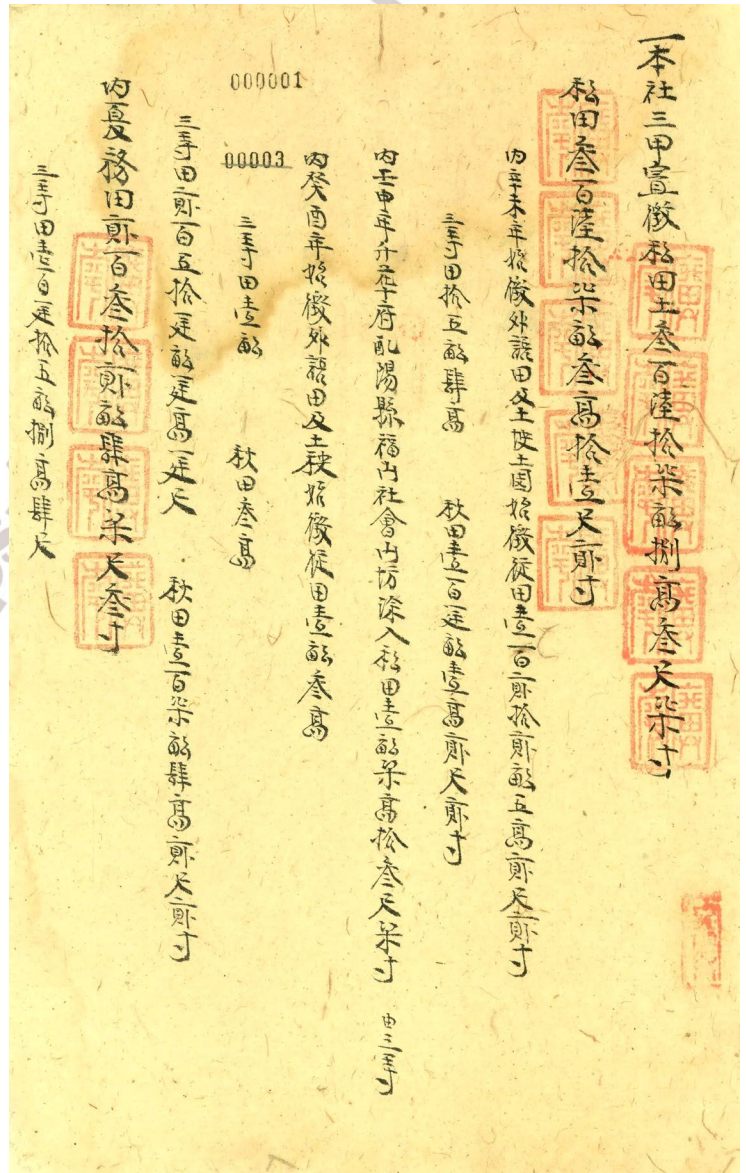
9. Lễ, qui ước: Là các sổ, văn bản ghi chép về các ngày lễ lễ, các loại lễ vật dùng trong các lễ lễ, các địa điểm thờ tự; số ruộng đất, thổ phố cho thuê để thu tô dùng vào việc hương khói; các bài văn tế... Niên đại sớm của loại văn tự này là 1765. Đây là nhóm tư liệu cung cấp những thông tin cần thiết về phong tục tập quán, sinh hoạt văn hóa, tôn giáo - tín ngưỡng của cộng đồng cư dân Minh Hương tại Hội An.

Bên cạnh những loại tiêu biểu kể trên, Hội An còn khá nhiều các tư liệu Hán - Nôm có giá trị khác như văn tế, văn cúng; sách thuốc; di chúc; tờ phân gia sản; các hóa đơn mua hàng; nhật ký; sáng tác thơ văn,... Thực tế, các tư liệu này đã góp phần rất nhiều trong việc nghiên cứu các dòng họ, sưu tra phục hồi các lễ hội dân gian đã bị thất truyền. Ngoài những tư liệu chép tay đã kể, trong các đình làng, miếu xóm, chùa chiền, hội quán,... còn có nhiều tư liệu Hán - Nôm rất có giá trị khác đó là các văn bia, bản gỗ (*mộc bản*) và hệ thống câu đối, hoành phi đủ loại... Về thể loại này, chúng tôi cũng đã, và đang xúc tiến đẩy mạnh việc in dập, sao chép để tránh trường hợp mai một, hư hỏng.

Trong những năm gần đây, ngoài việc sưu tầm, thu thập, lưu giữ bảo quản một số lượng lớn tài liệu Hán Nôm, Trung

tâm cũng đã thực hiện khá tốt công tác phát huy giá trị những tài liệu này, Trung tâm đã xử lý, tuyển chọn và liên tiếp xuất bản các cuốn sách Di sản Hán Nôm tập 1, 2, 3, 4, 5. Mỗi một tập là những thể loại khác nhau, thể hiện được sự phong phú, đa dạng trong nguồn tư liệu Hán Nôm tại Hội An.

Di sản Hán Nôm tập 1 - *Văn bia*, do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An biên soạn, được Trung tâm Quản lý Di tích và Danh thắng Quảng Nam ấn hành nhân kỷ niệm 15 năm ngày Đô thị cổ Hội An được công



nhận là Di sản Văn hoá Thế giới (04/12/1999-2014). Văn bia Hán Nôm ở Hội An hiện tồn với số lượng khá lớn, nằm rải rác ở nhiều địa phương, nhiều di tích. Trong đó địa phương có số lượng văn bia hiện tồn nhiều nhất là phường Minh An, phường trung tâm của Khu phố Cổ Hội An, nơi có nhiều di tích lịch sử - văn hóa. Về số lượng, tuy chưa có con số thống kê đầy đủ, chính xác nhưng qua khảo sát thực địa, đối chiếu với các nguồn tư liệu liên quan như Tổng tập Văn bia Việt Nam, Văn khắc Hán Nôm Việt Nam, Tổng tập thạc bản văn bia Hán Nôm Việt Nam... có thể xác định có khoảng trên 100 văn bia ở Hội An, trong đó đa số đang hiện tồn tại các địa phương, di tích và một số đã mất chỉ còn lại thạc bản.

Về nội dung, các văn bia này chứa đựng nhiều thông tin liên quan đến lịch sử - văn hóa Hội An, đến quá trình hình thành các làng xã, tộc họ, đến các nhân vật, sự kiện gắn với địa phương, đến quá trình tạo dựng, tu bổ các di tích,... Cũng giống như các địa phương khác, các văn bia Hán Nôm ở Hội An mang nhiều nội dung phong phú và đa dạng liên quan đến các khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội trong lịch sử.

Năm 2016, Trung tâm phối hợp với dòng họ tộc Nguyễn Tường - dòng họ Khoa bảng nổi tiếng nhất Hội An, cùng xuất bản sách Di sản Hán Nôm tập 2 - *Tư liệu lưu trữ của dòng họ Nguyễn Tường*. Theo thống kê bước đầu từ chương trình điều tra phục vụ đề tài “*Nghiên cứu, biên soạn địa chí Hội An*”, tại đây cho biết có 195 đơn vị tư liệu, với tổng số 449 trang và rất đa dạng về thể loại gồm: gia phả, hành thuật, văn bằng (sắc, chiếu, bằng, tấu, truyền, tấu, đơn, bẩm khế ước,...); và các sáng tác (thơ,

văn, đối - liễn...). Khung niên đại của nguồn tư liệu này từ cuối thế kỷ 18 đến đầu thế kỷ 20. Ở trên đất Hội An, tính đến nay hơn 200 năm, tộc Nguyễn Tường đã để lại nhiều dấu ấn lịch sử văn hoá, đặc biệt có nhiều người, nhiều thế hệ nổi tiếng trên các lĩnh vực thi cử, khoa bảng, làm quan và văn chương, nghệ thuật đáng ghi nhận, góp phần tô điểm làm rạng rỡ thêm truyền thống văn hoá của vùng đất Hội An. Trong tổng tư liệu lưu trữ của dòng họ Nguyễn Tường, có gia phả ghi chép về gốc tích tổ tiên, quê quán họ Nguyễn Tường, các hành thuật về các vị khoa bảng như: Nguyễn Tường Vân, là người đỗ đạt đầu tiên ở đất Gia Định, lúc làm quan giữ đến chức Binh bộ Thượng thư, chánh nhị phẩm bậc Tư chính đại phu; Nguyễn Tường Vĩnh, đỗ cử nhân thứ 2 khoa Đinh Dậu, kỳ thi Hội khoa Mậu Tuất đỗ Phó bảng thứ nhất, làm quan triều Nguyễn được thăng làm Triều liệt đại phu, Hàn lâm viện Thị giảng Học sĩ, Tuần phủ tỉnh Định Tường; Nguyễn Tường Phổ; bút tích của nhóm Tự lực văn đoàn cũng là dòng dõi tộc Nguyễn Tường. Trong số tài liệu ở đây còn có di bút của cụ Phạm Phú Thứ bình thơ cho cụ Nguyễn Tường Phổ, hay thơ gửi Nguyễn Tường Phổ về việc làm Văn chỉ, thủ bút của vua Tự Đức,...

Di sản Hán Nôm tập 3 - *Tư liệu Minh Hương xã*. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, người dân xã Minh Hương đã để lại một khối lượng tư liệu Hán Nôm khá đồ sộ, bao gồm các loại sắc phong, tờ truyền, trát văn, trình bẩm, khế ước, bản khai điền thổ, sổ đình, sổ kê ngày lễ cúng, gia phả, và các loại văn bản khác. Trong tập sách này, Trung tâm tập trung giới thiệu các văn bản hành chính liên quan đến các hoạt động của xã Minh Hương gồm tờ truyền, trát văn của

quan nha gửi cho các chức dịch xã Minh Hương, các tờ trình, bảm cáo của chức dịch xã gửi đến các dinh trấn, ty Tàu vụ, các bộ và các vị quan ở Quảng Nam, Thuận Hóa. Lượng thông tin của loại văn bản này hết sức phong phú, quan trọng, liên quan đến nhiều địa phương; nhiều cá nhân; nhiều lĩnh vực hoạt động của cộng đồng Minh Hương ở Hội An nói riêng; Đàng Trong nói chung.

Di sản Hán Nôm tập 4 - *Hoành phi - Liễn đối ở một số di tích tôn giáo, tín ngưỡng*; các di tích ở Hội An hầu hết đều có nhiều liễn đối, hoành phi, câu chữ,... Những câu chữ này không chỉ để tôn vinh về tôn nghiêm, về đẹp của từng di tích mà đây còn là một loại tài liệu quan trọng để nghiên cứu về di tích nói riêng, và lịch sử - văn hoá nói chung, các câu chữ còn bao hàm nhiều giá trị khác nhau như nghệ thuật, triết học, văn học, giáo dục,... Về nội dung, nhìn chung nội dung câu chữ ở di tích là ca tụng các vị thần, thánh và những người có công lao đối với làng xã, cộng đồng người đồng thời gửi gắm những lời cầu mong, ước nguyện của các cá nhân, cộng đồng trên các di tích tín ngưỡng nói trên, ca ngợi cảnh đẹp, ghi ơn, tạ ơn về công đức của tổ tiên,... Về mặt thể hiện chữ viết, hoành phi - liễn đối ở Hội An được các nhà thư pháp thể hiện rất phong phú, từ chân, hành, thảo, lệ, triện.

Di sản Hán Nôm tập 5 - *Tư liệu về các gia đình, dòng họ*. Tại Hội An hiện nay có nhiều gia đình, dòng họ đang bảo quản hoặc ít hoặc nhiều các tư liệu Hán Nôm, chúng bao gồm các văn bản hành chính, văn bản cúng, giấy tờ đất đai, các kế ước, các tờ đoạn mãi, chấp thực nhà cửa, tài sản, các phân thư chia gia sản, các thư từ,... và các loại văn bia, bia mộ, văn chuông, hoành phi, liễn đối, bài vị,...

Có nhiều gia đình lại đang lưu giữ các giấy tờ của làng như gia đình ông Võ Công Khanh giữ các giấy tờ sổ bộ của làng Xuân Mỹ, gia đình ông Nguyễn Xế giữ sổ thủy điền và các sắc phong của làng Đê Võng, tộc Nguyễn Đức ở Cẩm Châu giữ nhiều sắc phong của triều Nguyễn liên quan đến các nhân vật của gia đình, tộc họ, đặc biệt là các gia phả của tộc họ, các văn bản liên quan đến cúng tế, giỗ kỵ. Những tài liệu này thể hiện rõ nét về lịch sử gia đình, quá trình nhập cư, di dân, sinh sống, cũng như sinh hoạt tín ngưỡng được ghi chép đầy đủ, rõ ràng của tổ tiên dòng họ.

Trong nhiều năm qua, tư liệu Hán - Nôm đã góp phần không nhỏ trong việc nghiên cứu lịch sử - văn hóa Hội An; lịch sử các làng xã; lịch sử di nhập cư; lịch sử quy dân lập ấp, nghiên cứu về đời sống, phong tục tập quán của cộng đồng cư dân Hội An, nghiên cứu về quá trình thương mại, giao thương của Hội An với các nước trên thế giới và khu vực... Ngoài ra, tư liệu Hán - Nôm cũng góp phần quan trọng trong nghiên cứu về di tích, việc xây dựng, kiến thiết và tu bổ di tích.

Tuy nhiên, nguồn tài liệu xưa cổ, quý hiếm này hiện tại đang dần bị hao hụt, thất thoát, hay hư hỏng một phần cũng do thời gian, biến đổi thời tiết, một phần cũng do cách bảo vệ, lưu giữ không được chú trọng. Trong những đợt khảo sát, sưu tầm, cho thấy một số tài liệu bị hư hỏng, mỗi một, có nhiều tài liệu trải qua những đợt lũ lụt, ẩm mốc nên chất liệu giấy, chữ viết không còn nguyên vẹn. Việc tiếp tục sưu tầm, sao chụp, nâng cao ý thức bảo vệ, bảo quản nguồn tư liệu này là việc làm cần thiết, khẩn trương nhằm kịp thời bảo tồn, phát huy nguồn tài liệu quý giá này ♦

MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ HÁT TUỒNG/HÁT BỘ Ở LÀNG THANH HÀ

ThS. Phạm Phước Tịnh

Đặt vấn đề

Tuồng còn gọi là hát bội, hát bộ, bộ môn nghệ thuật cổ điển và bác học bậc nhất Việt Nam. Là một loại văn nghệ trình diễn cổ truyền, được hình thành trên cơ sở ca, vũ, nhạc và các trò diễn xướng dân gian vốn có từ lâu đời và rất phong phú của dân tộc Việt Nam. Đến cuối thế kỷ 18, tuồng đã phát triển một cách hoàn chỉnh về mọi mặt từ kịch bản văn học đến nghệ thuật biểu diễn.

Hát bộ ở Quảng Nam và miền Trung, trong truyền công lớn thuộc về đệ nhất tổ Đào Duy Từ, từ Thanh Hóa truyền vào, về sau có Nguyễn Diêu, Đào Tấn, Nguyễn Hiền Dĩnh... Cho đến đầu thế kỷ 20, hát bộ ở Quảng Nam phát triển rất mạnh với nhiều gánh hát nổi tiếng, nhiều diễn viên tài hoa mà trước đó - “xuất phát từ trò Bội Ả đào của cư dân Thanh Nghệ mang vào Đàng Trong trong cuộc Nam tiến” (dẫn theo Phùng Tấn Đông).

Trên cơ sở khảo sát thực địa, phỏng vấn nhân chứng và tiếp cận tư liệu, trong phạm vi bài viết này chúng tôi khái lược một số vấn đề liên quan đến hát bộ ở làng Thanh Hà, Hội An.

1. Sự thành lập đoàn hát bộ ở làng Thanh Hà

Thanh Hà – làng xã hình thành khá sớm ở Hội An, vào cuối thế kỷ 16, nơi đây lưu giữ nhiều giá trị di sản văn hóa đặc sắc, trong đó một loại hình nghệ thuật hoạt động khá sôi nổi trên mảnh đất này trước đây, đó là hát bộ.

Theo thông tin các bậc cao niên trong làng cho biết, trước khi đoàn hát bộ Cẩm Hà thành lập, ở làng Thanh Hà đã có một số đoàn hát bộ đến biểu diễn (*người được phỏng vấn – không nhớ*). Tuy chưa thành lập đoàn hát bộ nhưng thời kỳ này làng Thanh Hà có một số người am hiểu hát bộ đã sử dụng lối “*nói tuồng*” (*thông tin người được phỏng vấn cung cấp*) trình bày theo lối kể chuyện cho con cháu, nhân dân trong làng nghe. Loại hình này được tổ chức vào các dịp lễ, tết, cúng tế tại di tích do một số người lớn tuổi trong làng Thanh Hà am hiểu hát bộ tụ tập lại để nói tuồng.

Hát bộ ở làng Thanh Hà manh nha và hình thành vào khoảng năm 1958-1959 (*theo hồi cố của các bậc cao niên – người trực tiếp tham gia hát bộ*) tại Nam Diêu, với tên gọi là Đoàn hát bộ Cẩm Hà, do ông Đăng làm chức Xã trưởng thành lập. Đoàn hát bộ Cẩm Hà do ông Nguyễn Thiệt làm Trưởng đoàn, ông

Nguyễn Lành làm phó đoàn. Các thành viên đoàn hát bộ gồm ông Phùng Tấn Nhất, Nguyễn Kén, Nguyễn Huynh, Nguyễn Bè, Nguyễn Ưa, Võ Quỳnh, Nguyễn Vón, Nguyễn Kỳ, Nguyễn Sang, Nguyễn Hý, ông Hý (?), ông Viêt, Dương Thanh Long, Nguyễn Đính, Lê Trọng, Nguyễn Viêt Đồi, bà Ca, bà Cần, bà Xê... Đây được xem là những diễn viên thuộc thế hệ thứ nhất của đoàn bộ Cẩm Hà.

Thế hệ thứ 2 tham gia hát bộ, từ sau năm 1975, ngoài các diễn viên kỳ cựu tham gia từ lúc đoàn mới thành lập, giai đoạn này có thêm một số diễn viên mới tham gia đoàn, gồm các diễn viên ông Huynh, ông Kén, ông Dụng, ông Dón, ông Hý, bà Xê...

Thế hệ thứ 3 tham gia hát bộ, khoảng năm 2004 – 2005, đây là giai đoạn thế hệ trẻ tham gia và kế thừa truyền thống hát bộ của đoàn hát bộ Cẩm Hà trước đây. Đặc biệt là sự ra đời Câu lạc bộ tuồng Thanh Hà, do ông Nguyễn Sanh làm Trưởng đoàn, sau này ông Võ Huỳnh (?) thay thế, gồm các diễn viên: Nguyễn Hý, Lê Phú Hải, Nguyễn Thị Xê, Nguyễn Thị Lựu, ông Du...

Có thể nói hát bộ ở làng Thanh Hà hình thành và phát triển trong giai đoạn chiến tranh khá ác liệt nhất là từ năm 1969 - 1971, nhiều lúc tưởng chừng phải dừng hoạt động do chiến tranh tàn phá, một số thành viên trong đoàn phải tản cư, tuy nhiên số còn lại vẫn tiếp tục duy trì hoạt động. Vượt qua hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt là chiến tranh, đoàn hát bộ Cẩm Hà vẫn duy trì hoạt động với nhiều thế hệ kế tiếp bảo tồn và phát huy.

2. Nội dung hát bộ và các vở hát bộ làng Thanh Hà

Nội dung các vở hát bộ ở Thanh Hà có thể chia làm 4 loại: Tuồng cổ, Tuồng cung đình, Tuồng dân gian và Tuồng hải. Một vở hát bộ có nhiều hồi¹, mỗi hồi có nhiều lớp. Một vở tuồng có thể hát một đêm hoặc nhiều đêm. Nếu một đêm thì hát trích đoạn, còn diễn nhiều đêm thì hát hết một vở tuồng. Thường một vở tuồng hát nhiều nhất là 3 đêm. Theo chúng tôi khảo sát được, tại làng Thanh Hà thường tổ chức hát bộ 3 đêm/ 1 tháng. Nếu được mời đi diễn tại các địa phương khác thì tùy thuộc vào hợp đồng ký kết giữa đại diện hai bên.

Để chuẩn bị cho một đêm diễn, Trưởng đoàn phải thông báo trước cho các thành viên trong đoàn về nội dung buổi diễn, địa điểm, vai diễn. Thường các diễn viên tập trung từ lúc 6 giờ tối để chuẩn bị, trang điểm. Một đêm diễn bắt đầu từ 8 giờ tối đến 11 giờ tối. Địa điểm hát bộ thường tổ chức tại UBHC xã, đình, miếu tổ Nam Diêu... Giai đoạn này đoàn hát bộ Cẩm Hà thường được mời đi diễn tại một số thôn/xã của Hội An, Quảng Nam như Cẩm An, Cẩm Hà, Tam Kỳ, Duy Xuyên... và một số huyện thị của Đà Nẵng.

Nhân vật trong hát bộ thường gồm các vai: đào, kép, lão, nịnh, tướng, yêu tinh; thuộc hai phe phản diện và chính

¹ Thông thường, kịch bản hát bộ có 3 hồi: hồi 1 - giới thiệu hoàn cảnh, các tuyến nhân vật chủ yếu và những mâu thuẫn cơ bản của kịch; hồi 2 - xung đột nổ ra quyết liệt; hồi 3 - xung đột được đẩy lên cao trào, rồi giải quyết và kết thúc. Tuy nhiên, cũng có vở gồm 4 hồi, hồi 3 - phát triển xung đột, gây nhiều tình huống khó khăn; hồi 4 - xung đột lên cao và kết thúc (dẫn theo Dương Anh, *Nghệ thuật tuồng xứ Quảng*).

nghĩa¹. Trong một số vở tuồng để tăng thêm sự hấp dẫn, đoàn hát bộ Cẩm Hà còn mời thêm một số diễn viên tham gia đóng vai kép và đào. Những diễn viên này sinh sống tại Đà Nẵng, tên tuổi của họ gắn liền với những vai diễn không ai thay thế được.

Một điểm khá đặc biệt ở đoàn hát bộ Cẩm Hà, đa số các vở hát bộ đều có vai hề. Người chuyên đóng vai hề là ông Dương Thanh Long. Trong một vở hát bộ, vai hề thường xuất hiện 2 lần vào khoảng thời gian 9 giờ và 10 giờ, mỗi lần xuất hiện là 15 phút nhằm tạo không khí vui vẻ, sôi động tăng thêm sự hứng khởi của khán giả, nhân dân.

Ngoài năng khiếu bẩm sinh hát bộ, các diễn viên đoàn hát bộ Cẩm Hà còn có sự chỉ bảo, truyền dạy của một số thầy dạy hát, múa được mời từ Đà Nẵng, Tam Kỳ như ông Phạm, ông Thủ.

*** Các vở hát bộ thường diễn:** Sơn Hậu, Tống Thái tổ trăm Trịnh Ân, Tống Thái tổ hạ Nam Đàn, Quan Công phò nhị tẩu, Nguyệt cô hóa cáo, Phạm Công Cúc Hoa, Lưu Bình Dương Lễ, Tam hội đào viên, Hận Nam quan, Trần Bình Trọng, Lâm Sanh Xuân Nương, Thoại Khanh Châu Tuấn, Túp lều bên mộ, Ai làm kẻ trộm, Lê Lai Lê Lợi, Đem lạnh trong tù, 17 năm ly hận, Nước mắt thằng gù...

¹ Trong đoàn hát bộ làng Thanh Hà: ông Nguyễn Viết đóng vai lão, kép phụ; ông Dụng đóng vai nịnh; ông Kén đóng vai vua; ông Huynh đóng vai lão giàu sang; ông Sang đóng vai lão nghèo; ông Võ Quỳnh, ông Kỳ, ông Hý đóng vai quân lính, ông Vôn đóng vai lão, ông Nguyễn Hý đóng vai kép, ông Đính đóng vai phụ; ông Nguyễn Viết Đồi, Dương Thanh Long đóng vai hề, ông Lê Trọng đóng vai kép, đào (già nữ), lão; ông Lê Phú Hải đóng vai kép. Đóng vai đào gồm có bà Ca, Bà Xê, bà Càn (đào chính).

Các vở hát bộ này do những người am hiểu chữ nghĩa, thông thạo chữ Hán trong đoàn ghi chép lại, hay soạn ra những trích đoạn cho các diễn viên trình bày. Những người hay chữ chuyên ghi lại hay tách các trích đoạn tuồng là ông Kén, ông Huynh, ông Nguyễn Kiên, ông Thiệt...

Về kỹ thuật hát, diễn viên hát bộ ngoài chất giọng bẩm sinh, cần phải học tập, rèn luyện lâu dài. Sân khấu hát bộ ngày trước thường hát ngoài trời nên cần có chất giọng vang to, ngân dài và khi tập cần phải sử dụng sức rất nhiều. Thường các vai trong hát bộ được phân định khá rõ ràng, tùy vào đặc điểm hình dáng, thanh giọng... để phân chia các vai, cụ thể vai kép đòi hỏi phải có sắc đẹp, trẻ, giọng thanh và cao; vai lão thì người lớn tuổi; vai người ở, người hầu thì ngoại hình ốm, gầy, chất giọng bình thường; vai hề chọn những người có khả năng tự diễn 1 mình và có tính hài hước; vai tướng thì phải hát tâu và múa điệu bộ giỏi; vai đào thì có tính yếu điệu, thực nữ...

Diễn viên hát bộ không những có kỹ thuật hát, mà đi kèm có các động tác múa. Đặc biệt, trong một đêm diễn hát bộ thường có người “nhắc tuồng”, người nhắc tuồng có thể là trưởng đoàn hoặc người am hiểu tuồng, có uy tín. Họ đứng hai bên cánh gà sân khấu để nhắc tuồng khi diễn viên quên lời. Điều đặc biệt khi quên lời các diễn viên thường diễn các động tác múa và đi lại gần cánh gà sân khấu để được nhắc tuồng, những người thường xuyên nhắc tuồng của đoàn là ông Huỳnh Thiệt, ông Nguyễn Lành...

3. Nhạc cụ và trang phục

Nhạc cụ sử dụng trong hát bộ chủ yếu làm nhiệm vụ hỗ trợ cho biểu diễn của diễn viên. Nhạc cụ hát bộ chia làm 3 loại chính: bộ gõ, bộ hơi, bộ dây. Dưới đây là một số nhạc cụ chính: Trống châu, Trống chiến, Trống lệnh, Thanh la, Mõ, Đàn Nhị. Nhạc cụ trong dàn nhạc hát bộ không cố định về số lượng. Một dàn nhạc cổ thường gồm có: trống châu, trống chiến, kèn, thanh la. Về sau có thêm trống trận, trống com, trống bông, trống lệnh, trống bản, đàn nhị, sáo, chập choã, nã bạt...

Tại làng Thanh Hà, khi biểu diễn hát bộ, số lượng nhạc cụ cũng không đầy đủ như theo thống kê ở trên. Thường chỉ sử dụng một số loại (*không thể thiếu*) trong hát bộ là trống châu, trống chiến, kèn, đàn nhị. Đoàn hát bộ Cẩm Hà không có đội nhạc riêng, mỗi lần biểu diễn Trưởng đoàn phải mời một số ban nhạc về tham gia, có thể kể đến như đoàn Kiều Cừ (*Bàu Súng*), đoàn ông Thiện (*Trà Quế*), đoàn ông Thập (Hòa Mỹ), đoàn nhạc ở Duy Xuyên... Sau này có một số nhạc công gắn liền với đoàn hát bộ như ông Nghị (*chơi đàn cò*), ông Giáp (*chơi kèn*), ông Huỳnh (*chơi trống*)... đều sinh sống ở Hội An.

Trong hát bộ, việc sử dụng trống châu rất quan trọng. Trong những dịp hát bộ bình thường, những người am hiểu trống châu thì có thể tham gia và được thưởng tiền "lều". Đặc biệt trong các dịp lễ tế, người đánh trống châu phải là người lớn tuổi, có uy tín, am hiểu hát bộ, và sử dụng trống linh hoạt, biết được tiết

tấu, nhịp điệu của các vở tuồng.

Đoàn hát bộ không có người phụ trách trang điểm chung cho cả đoàn, trước khi vào diễn, các diễn viên tự trang điểm cho mình theo vai được phân công. Thường có 3 màu chủ đạo là màu trắng, màu đỏ, màu đen. Màu đỏ dùng phấn son đỏ, màu trắng dùng phấn son trắng. Màu đen thì dùng dầu lửa thắp lên lấy khói đen để trang điểm. Các diễn viên tự trang điểm hoặc người này vẽ cho người kia và ngược lại. Giai đoạn này diễn viên hát bộ không đeo mặt nạ, mà tự người diễn trang điểm mặt mình theo tính cách nhân vật thiện hay ác, tướng hay lính... Một trong những người thường vẽ mặt cho các diễn viên là ông Lê Trọng.

Trang phục diễn hát bộ rất đa dạng và phong phú, trang phục được may sẵn, người diễn tùy vai mà mặc trang phục theo quy định, có thể kể một số trang phục như mũ, bào, giáp, cờ lệnh, mang, long chân, áo đào, áo nhật bình, áo song khai, áo sĩ, áo thụng, áo bồi tử, xiêm trường, quần giáp, râu ria, hia...

4. Sân khấu hát bộ

Sân khấu hát bộ có kích thước khoảng 6m x 7m. Khi diễn tại trụ sở UBHC xã, sân khấu được dựng đơn giản, dùng gỗ, tre làm giàn đỡ, phía trên lát ván, xung quanh không che kín, màn treo sân khấu có 2 cái treo trên hai cột bằng tre để kéo qua lại. Nếu được mời đi diễn tại các địa phương trong Hội An thì sân khấu do đơn vị mời dựng lên, cũng giống như sân khấu khi diễn tại Thanh Hà. Khi chưa có điện thì ánh sáng dùng

trong sân khấu chủ yếu dùng đèn măng xông. Khi diễn tại UBHC xã thường có lực lượng tự vệ xã bảo vệ xung quanh để đảm bảo trật tự, trong sân khấu có một số người bán hàng rong, chủ yếu là bán thuốc lá, nước, bánh, trái cây... Người đến xem hát bộ gồm nhiều thành phần, từ trẻ con đến người lớn, nam lẫn nữ.

Người đến xem hát bộ không phải mua vé và tự nguyện ủng hộ kinh phí cho đoàn hát. Một số trường hợp các đơn vị tổ chức hát bộ bán vé thì người xem phải mua vé, chi phí mỗi vé khoảng từ 1 đến 2 đồng. Đối với trẻ em thì được miễn phí hoàn toàn.

5. Một số tục lệ, kiêng cử

Đối với những đoàn hát bộ/tuồng thường có tục thờ cúng ông Tổ. Trong hậu trường sân khấu hát bộ đều có trang thờ Tổ. Người hát còn thờ các vị tổ, vị sư của nghề, các bậc tiền nhân, soạn giả, nghệ sĩ tài danh của sân khấu. Đối với làng Thanh Hà, đoàn hát bộ Cẩm Hà là một đoàn hát bộ nhỏ của địa phương, theo chúng tôi khảo sát được, trước khi diễn, Trưởng đoàn hoặc người cao tuổi có uy tín trong đoàn thấp 3 nén hương vái lạy tổ trước khi diễn. Trong tháng Tám có tổ chức lễ giỗ tổ nhưng với quy mô nhỏ.

Đối với những ngày lễ tết, cúng khai trương, mở hàng, Trưởng đoàn chọn những vở tuồng vui vẻ, tuồng hiền (*lời người được phỏng vấn*) tránh những vở tuồng có nhiều nhân vật hay cảnh tượng xui xẻo, hoặc những tuồng dữ, tuồng ly biệt... Những tuồng thường được chọn để

diễn đầu năm là Trương Cô Thành, Huê Dung Lộ, Sầm Bành, Đinh Lưu Tú, Ngũ Hồ, hát chúc Phước Lộc Thọ...

Một điều khá đặc biệt chúng tôi khảo sát được, có tục thưởng “sân” hay thưởng tiền “lều” khi hát bộ, có nghĩa là người xem thưởng tiền cho diễn viên hát nhằm khích lệ, động viên tinh thần. Khay tiền thưởng do ban tổ chức chuẩn bị sẵn, mỗi khay có 100 thẻ, mỗi thẻ khoảng 1 đồng, khay làm bằng gỗ, tre. Người xem sẽ mua khay thẻ này để thưởng cho các diễn viên bằng cách hát cả khay thẻ lên sân khấu, có thể thưởng 1 hoặc nhiều khay tùy vào sự yêu mến của người xem hát bộ. Tiền thưởng được chia đều cho các diễn viên trong đoàn theo kiểu “thưởng riêng hưởng chung” (*lời người được phỏng vấn*).

Trên đây là một số thông tin bước đầu về hát bộ/ tuồng ở làng Thanh Hà. Tuy không phản ánh được hết những khía cạnh liên quan đến lĩnh vực hát bộ, song chúng tôi hy vọng rằng những thông tin có được đóng góp một phần vào việc nhìn nhận, nhận diện, đánh giá một loại hình nghệ thuật tồn tại khá sớm ở làng Thanh Hà. Trong thời gian đến, chúng tôi sẽ tiếp tục phỏng vấn thêm một số cụ cao niên trong làng Thanh Hà am hiểu hát bộ để bổ sung, chỉnh sửa những thông tin còn thiếu sót trong bài viết ♦



TRI THỨC DÂN GIAN VỀ ỨNG PHÓ VỚI THỜI TIẾT XẤU VÀ MỘT SỐ KIỀNG CỬ TRONG NGHỀ BIỂN CỦA NGƯỜI DÂN HỘI AN

ThS. Thái Thị Liễu Chi

Nghề khai thác biển là một trong số nhiều ngành nghề truyền thống lâu đời của cư dân Hội An. Trước đây, trong điều kiện trang thiết bị thô sơ, chỉ với sức người chèo lái và cánh buồm lợi dụng sức gió, nhưng ngư dân Hội An đã vươn ra biển cả mênh mông để đánh bắt thủy hải sản và vận chuyển hàng hóa buôn bán, giao thương từ Bắc vào Nam. Theo thông tin hồi cố của các nhân chứng ở làng chài Tân Thịnh, phường Cẩm An, trước 1945, có những ghe lớn đã ra đến mực nước 70-80 hải lý để đánh bắt cá, lênh đên trên biển từ 1 đến 2 tuần mới vào tới bờ. Cá tôm đánh bắt được phải cho ngay vào các thùng muối giữa khoang ghe, xúc muối ngay mới giữ tươi được lâu. Những ghe bầu đi buôn dọc từ Bắc chí Nam có khi đi hơn một tháng mới đến nơi. Lưu lại nhiều ngày như vậy trên biển, lắm khi lọt giữa những cơn sóng chao gió nhồi mù mịt bủa vây, họ phải là những con người vô cùng gan dạ, dạn dày kinh nghiệm và mưu trí để có thể vững vàng tay lái tay chèo vượt qua nguy hiểm. Dần dần, qua quá trình đúc rút kinh nghiệm và truyền lại cho các thế hệ cháu con, người dân biển Hội An đã làm chủ một nguồn phong phú những tri thức dân gian về cách ứng phó với thời tiết xấu khi đi biển, kể cả những kiềng cử trong nghề nhằm cầu mong mọi sự an lành, tốt đẹp.

Một khi đã thấy những dấu hiệu

báo trước của bão tố, thường bà con không ra biển hoặc chỉ đi gần bờ, trong lộng và chủ động về sớm. Nếu như đang ở trên biển thì họ tùy vào tình hình để suy xét, quyết định. Ghe đang ở xa Lao không nên chèo ra mà phải kéo buồm và chèo nhanh vào bờ (bãi ngang). Lái mũi ghe chênh chếch con sóng chứ gối đầu sóng sẽ bị vỡ ghe hoặc nhận chìm. Vào tới bờ, các bạn ghe xúm lại gánh ngựa ghe lên đặt trên mặt cát cách mép nước một quãng xa, gánh đằng mũi đi trước. Đòn để gánh phải là tre đặc, dài 3m, ngâm 6 tháng dưới bùn cho săn chắc và không bị mối mọt. Đòn gánh mới chưa dùng đến phải được cất kỹ trong nhà, gác trên giàn bếp để bảo quản. Hai đầu đòn tre có xuyên cái then bằng gỗ kiên kiên (*dài khoảng 1 gang tay*) để xoắn dây thừng bện bằng xơ dừa vào, rồi luồn qua ghe để khiêng. Nếu đang ở gần Cù Lao Chàm, ngư dân chèo ghe tới neo đậu cách bãi khoảng 50-100m, phòng việc bị sóng đánh va vào đá; hoặc núp ở khoảng giữa của các hòn đảo là nơi kín gió (*như giữa hòn Nậy và hòn Tai*). Đợi khi êm gió trở lại, ngư dân mới tiếp tục đánh bắt. Ghe lướt trên những con sóng dữ rất dễ bị xô nghiêng lệch và nhận chìm. Những người đi bạn phải nhanh trí, gác mái chèo ngang bụng ghe, rồi ngồi lên mái chèo để chặn ganh bên phía mạn ghe đang bị sóng hất lên. Lúc sóng đánh mạnh phải ngồi đến hai người, một người thật lạnh ngồi chồm ra ngoài mạn

ghe để giữ thăng bằng cho cả chiếc ghe. Khi sóng dịu lại, người ngồi phía trong phải nhanh chóng thụt vào để người ngồi ngoài lùi vào theo. Cứ như vậy, cố giữ cho qua cơn nguy hiểm. Những lúc tình thế cấp bách, thậm chí bà con đang kéo lưới giữa chùng cũng phải chặt bỏ để bơi nhanh vào đảo tránh trú. Trong những trường hợp lưới đã bủa rồi, phải bỏ lại để tìm chỗ trú, các chủ ghe phải làm dấu lưới để đến khi quay lại sẽ biết đâu là lưới của mình, đâu là lưới ghe bạn. Mỗi chủ ghe sẽ làm một số cờ, thật ra chỉ là những mảnh vải được cắt thành hình dáng riêng theo quy ước giữa các chủ ghe, đem cột vào lưới để dễ phân biệt. Ngày chưa có phao xốp, can nhựa, bà con dùng ống tre để làm phao, 3 đến 4 ống tre được cột thành từng chùm. Ra đến nơi đánh bắt, bà con thả phao cho dầm thuyền, rồi mới thả lưới. Phao này cũng dùng cho mục đích cứu sinh mỗi khi có bất trắc. Mỗi ống phao là một đoạn tre dài chừng 0,5m, 2 đầu ống

ngang chỗ đốt tre để ngăn nước thấm vào trong. Lớp cật tre bên ngoài được gọt để phao nhẹ, gọt đến gần sát lớp trong cùng của ống tre là một màng mỏng rất khó thấm nước. Lúc này đoạn tre như một cái bong bóng rỗng ruột nhẹ tênh, nổi lênh bênh trên mặt nước. Thông thường, cứ 1 người thì bỏ theo 2 phao tre.

Trong những trường hợp phải neo lại trên biển chờ qua cơn giông tố, việc đầu tiên người ta phải làm là hạ các cánh buồm, sau đó thả dòm để dầm ghe, không bị sóng to gió lớn giằng giật, lật chìm. Rồi cứ thế, ghe và người trôi dạt theo chiều gió dữ, đến chùng nào mặt biển êm lại mới xác định hướng trở về. Có khi ghe dạt xuống tận Cù Lao Ré, Ninh Thuận, Bình Thuận. Trong trường hợp đó, người lái phải canh chừng để lèo lái, tránh va ghe vào bãi rạn quanh các cù lao. Ngày trước, bà con chỉ dùng đá cục cột vào dây thừng để làm cái dòm. Dùng đá lấy từ đảo Cù Lao Chàm mới có



những hòn to cỡ bằng quả dưa hấu trở lên. Dây thừng phải chuẩn bị thật dài, chừng 80 đến 100 sải tay. Thả dòm ở mũi ghe vì mũi thường cao hơn phía tay lái, sức nặng của đá sẽ giúp hạn chế việc mũi ghe bị gió mạnh thổi dạt đi. Sau này, ngư dân sử dụng tấm dù may bằng loại vải bền chắc để làm dòm. Ghe dài 15m dùng dù đường kính 8m, có khoảng 16 đến 18 múi dây thừng. Khi thả xuống nước, dù sẽ bọc nước, trở nên rất nặng, giúp cản bớt lực gió đang kéo phăng ghe trên mặt biển. Thả dòm cũng rất cần kinh nghiệm và sự am hiểu của người đi biển lành nghề, họ ước đoán lực gió để quyết định khi nào thả dòm, khi nào phải buộc thêm phao hoặc đá vào dòm cho tăng sức trì. Ngoài ra, bất kể là phao hay lưới, hễ là vật nổi đều được quăng xuống nước trước mũi ghe để sóng đánh lên đó, hạn chế chồm lên ghe thuyền.

Mặc dù đã nhận biết được dấu hiệu báo trước những kiểu thời tiết bất lợi, nhưng cũng có trường hợp ngoại lệ xảy đến bất ngờ khiến bà con không kịp trở tay, gây nhiều thiệt hại về tài sản và tính mạng. Chẳng hạn như tố lốc. Dân gian còn kể về những trận tố kinh hoàng nhấn chìm tàu thuyền trên biển và lấy tên của chủ ghe bị nạn đặt tên cho gió: Gió ông Cơ, Gió ông Phương (*mùng 4 tháng 4*), gió mùng 10 tháng 8 được gọi là gió thiêng (*bão*). Theo nhận xét của một số ngư dân vùng biển Cửa Đại, những năm gần đây không còn thấy hai kiểu gió này nữa và những quy luật thời tiết được ông bà đúc kết đến nay cũng có những đổi khác do ảnh hưởng của sự biến đổi khí hậu toàn cầu.

Do tính chất của nghề đi biển phụ thuộc nhiều vào thời tiết và luồng cá tôm, lắm khi bất trắc khôn lường như vậy nên ngày trước, người dân đặt ra

nhều điều kiêng cử cốt giữ sự lành, giảm bớt xui rủi. Ngày nay, nhiều người bỏ bớt các tục kiêng vì một phần họ tin vào các tri thức khoa học hơn, một phần để cho đơn giản.

Người dân bảo nhau không được nói bậy, ban đêm thấy gì lạ trên biển cũng không được nói hay chỉ chỗ, sẽ mang đến điều chẳng lành (*ví dụ thấy đèn nổi lên giữa biển*). Tới chỗ làm, không được nói chớ mè, nếu nói thì cá không ăn mồi, không mắc lưới.

Khi đi tiểu tiện, không đi bên lái (*bên trái của ghe*), phải đi bên đốc (*phải, tay mặt*) vì bên lái là nơi đặt lưới, thả lưới, giăng câu để làm nghề, phải giữ cho sạch sẽ, nếu bị ô uế là mất lộc.

Chủ ghe cũ người có tang xuống ghe đi bạn; cũ sơ sơ thì 1 tuần, sau đó có thể làm phép xả tang để đi biển. Người kỹ tính cũ tang tới ba tháng. Người vừa hốt mả mò xong hoặc mới đi đám tang về cũng bị cũ xuống ghe, nếu đã đi rồi thì phải tắm rửa sạch sẽ. Cũ người có vợ bị hư thai (*phong long*) đi bạn. Thường thì chỉ ông chủ tự kiêng như vậy, chứ bạn nghề đi đám tang hay không, nhiều khi chủ che cũng không biết được. Trường hợp chủ ghe nghi ghe mình bị xui, vướng phong long, họ làm phép cúng tẩy bằng những cách dân gian: Dầm rượu lá cây cừ hương rồi dội vào ghe thuyền trước khi bước xuống. Lá cừ hương còn dùng để đắp/giã lấy nước cho trẻ con uống, giúp hạ sốt. Ngày trước hầu như nhà nào làm nghề biển cũng đều có trồng cây này. Cây rất thiêng. Người ngoài bứt trộm dù chỉ một chiếc lá thôi là cây sẽ chết. Người dân cũng chọn cách xông giắc để tẩy ô uế, xông trước khi đi mở hàng. Họ tìm 9 loại lá có gai đun nước xông ghe, thuyền bị phong long. Đang bủa, kéo lưới, chủ ghe

rất kỳ chuyện có người rúc qua, cho như vậy là mất hên, phải xông ớt muối: Muối sống, ớt bột đem bỏ vô nồi đất, đặt trên lò than để ở giữa ghe, xông trước khi đi nghề. Cũng có người rước thầy về cúng giải hạn khi nghi mình bị gặp vận xui.

Trong việc ăn uống, người dân cũng cũ không ăn một số loại thức ăn, món ăn vì những quan niệm tâm linh và cả mê tín: Không đem theo mít, bí vì sợ không làm ăn ra, cũ ăn thịt mèo vì lý do tâm linh, gây hệ lụy, trở ngại, cũ ăn vịt vì sợ xuôi xẻo. Cũ ăn thịt chó, nếu ăn thịt chó thì khi gặp nạn Ông sẽ không cứu. Người dân nơi đây kể rằng Quan Thế Âm (*Nam Hải Bồ Tát*) trong lúc cứu chúng sinh gặp nạn trên biển, vì quá nhiều tàu thuyền bị đắm nên đã xé tấm pháp y của mình ra nhiều mảnh, hóa phép thành những cá Ông to lớn để diu họ vào bờ. Cũng vì dân gian tin rằng Đạo Phật khuyên không ăn thịt chó, nên để tỏ lòng thành kính với Quan Thế Âm, họ cũng không ăn. Trước đây, có những nhà làm nghề biển rất kín kỹ chuyện ăn uống, dọn mâm trong buồng vì sợ ăn trước hiên hay gian giữa nhà sẽ bị người ngoài trông thấy rồi quờ thì làm ăn không ra. Nghề đi câu thì không chiên cá, chỉ kho cá, sợ lỡ khi chiên cá bị cháy sẽ khê nghề (hur nghề). Nhiều nhà lại cũ kho cá và không ăn phần đuôi, không thò tay vô miệng cá.

Ngày trước nghề đi biển cực nhọc như vậy, vẫn có phụ nữ đi cùng để nấu nướng, phụ giúp, tuy nhiên, những ngày tới tháng thì họ cũ, không xuống tàu, ghe, sợ Bà qở.

Người dân rất quan trọng chuyện mở hàng, xung quanh việc ra ngõ mở hàng có một số tục kiêng như: cũ đi ra

gặp con chó đang uống nước, họ nghĩ thâm là sẽ bị hỏng việc “ròi, mức nước cho chó uống”, chuyển đi chắc không đạt được kết quả như mong muốn. Đi ra ngõ mà gặp người ngang qua, sợ gặp phải người nặng vía vất ngang hót ngọn, cản lộc thì quay trở vào, đợi lát sau mới đi. Đi ra ngõ để xuống bến mà gặp ai hỏi đi đâu đó thì không trả lời, phải làm thinh. Cũ gặp đàn bà đi ngang trước ngõ khi mới ra đường. Khi đi chuyển đó không có chuyện gì xấu, họ cho rằng người đó nhẹ vía; còn nếu gặp chuyện không hay thì họ tin chắc là đã gặp người nặng vía, để ý mà tránh. Ngày trước, để tránh trường hợp cản lộc như vậy, những người kỹ tính còn nhờ người dắt ra ngõ, xuống bến. Đang trên đường ra cửa biển mà gặp bầy vịt bơi ngang qua mũi ghe là xui, tránh được thì tránh. Họ cũ vì sợ sẽ gặp chuyện trục trặc ghe tàu, không bắt được cá. Chạy mở hàng ra biển, cũ ghe khác lướt ngang trước mũi: cản mũi, hót lộc. Trước mỗi chuyến ra biển đều có thấp hương ở trước mũi ghe, khăn vái- lệ này cũng tùy người theo, người không. Đang chuẩn bị đi biển mà nhảy mũi: phải đợi một lúc sau mới đi, vì họ nghĩ nhảy mũi là dấu hiệu “cô bác” báo cho biết chưa phải giờ tốt.

Đối với những vật dụng cần thiết của nghề đi biển, họ có quan niệm thận trọng giữ gìn. Cái gàu mức nước hoặc cái xoong nấu ăn trên ghe phải để cho cẩn thận, không được lật úp, để giữa mới hứng được lộc, (*úp xuống là không có nước, không có nước thì không có cá*). Cũ không cho ai bước ngang lên đồ nghề hoặc để dao, chén, bát bị rớt xuống nước. Khi gánh ghe lên bờ: mỗi người đứng một bên mạn ghe, dùng dây thừng và đòn để gánh, đến nơi rồi thì phân ai người đó rút đòn, cũ đi ngang trước mũi ghe (*mũi Bà*) là hót lộc.

Gặp người chết trôi trên biển họ tâm niệm phải vớt đem vào bờ chôn để linh hồn kia phù hộ làm ăn, nếu chạy luôn thì sau này làm biển không được.

Cá Ông lụy vào bờ chết, dân làng chài phải làm tang ma, đem chôn cất. 3 năm sau, làng tổ chức hốt xương đem vào xếp trong tấm để thờ. Khi gặp gió, không đi tới Lao được, người dân van khẩn để Ông (*cá Ông*) xuất hiện, Ông kèm sát ghe đưa giùm cho tới Lao rồi Ngài san (*lặn*).

Ngoài ra, mỗi nghề khai thác hải sản cũng có những cử kiêng riêng. Với nghề câu, chỉ ông lái chính (*chủ ghe*) làm mồi, những bạn nghề không làm. Vì ông lái sợ trường hợp trong khi làm mồi, nhiều bạn nghề không thành ý, hoặc có sơ suất gì thì cá không cắn câu. Khi xét mồi (*móc mồi vào lưới câu*) người làm mồi cử việc nhỏ nước miếng, người đứng bên cũng không được làm vậy, vì sợ cá sẽ chê mồi. Ông chủ ghe quăng câu ống đầu tiên, sau đó mới đến lượt các bạn câu. Làm như vậy để giữ “may sưa”, mở hàng được thuận lợi. Khi câu, bữa lưới thua ghe bạn, người chủ ghe lẳng lặng đi xin thuốc ở điện (*thầy*) về rưới lên đồ nghề của ghe mình để lần sau được mồi, khi làm việc này cũng không được tiết lộ với ai để giữ thiêng cho nước phép. Với nghề mảnh, người dân cử chuyện có người đi tiểu gần nơi mình đang cột ống đùng mảnh.

Cũng chính vì kiêng cử nên bà con thường dùng một số từ lóng để giữ hên, giữ thiêng... của nghề. Số từ lóng này đến nay cũng ít được dùng nên không còn mấy người nhớ và giảng giải được lý do cụ thể vì sao phải gọi chệch đi như vậy.

Từ lóng	Nghĩa
Hạ buồm	Xuống buồm
Chíp	Ăn
Cái mũ	Gàu tát nước
Chuẩn/chứng	Thôi, dừng
Cốc	Cái bát
Đốc lỏng	Nấu nước
Cát	Chôn cá Ông lụy
Cum	Chiên
Thất	Ngủ
Gáo dừa có cán cầm	Ca
Mồi da	Cá bò

Từ xa xưa, đối với người dân Hội An, biển đem lại nguồn thủy sản dồi dào, biển còn là con đường giao thương thuận tiện huyết mạch để buôn bán với các nơi, mở rộng giao lưu với thương thuyền bốn phương cập bến. Nhưng biển cả mệnh mông chằng giản đơn trao không sản vật và những vận may, mà con người phải chinh phục bằng cả khối óc, con tim và sức dẻo dai chịu đựng mới có được, có khi phải đánh đổi bằng cả mạng sống của chính mình. Những con người vùng biển Hội An đã dựa vào kinh nghiệm, sự hiểu biết qua bao phen trơ gan cùng sóng dập gió dồn để trở nên gắn bó với biển như một chốn đi về thân thuộc. Đây là cách họ khẳng định mình trong cuộc sinh tồn, là tình yêu họ gửi trao vào lòng xứ sở, quê hương. Cũng qua đó, con người được tôi luyện khả năng chịu đựng, sự can trường, quả cảm; bản lĩnh và trí tuệ cũng lớn dần lên trước thiên nhiên ngợp lớn ♦

HỘI AN... BÚN

Trương Nguyên Ngã

Có một điều cần phải nói ngay là bún Huế đi khắp nơi vẫn là bún Huế, nhưng dường như khi du nhập vào Hội An thì bún Huế không còn được gọi là bún Huế nữa, cho nên từ thời trước cho đến tận bây giờ hầu như không có một quán bún Huế nào ở xứ này. Thậm chí bà Mông vốn người gốc Huế nhưng vào Hội An mãi đến ba năm sau mới mở gánh bún, nhưng bà lại học cách nấu bún của Hội An.

Tìm mãi mới phát hiện ra rằng, bún ở Hội An nấu chỉ khác bún Huế ở chỗ không có...ruốc. Tuy cách nấu cũng y chang như nhau, nhưng những người nấu bún ở Hội An lại không biết cách làm mất đi mùi ruốc, nên người rất khó chịu. Khó quá bỏ, họ không dùng ruốc nên không thể gọi là bún Huế.

Giai thoại thời cũ xếp rằng: “Nhất Tỳ, nhì Mông, Tam Lương, tứ Bép”. Có thể ai đó ngẫu hứng xếp cho xuôi vắn mấy gánh bún bò giò heo nổi tiếng của Hội An một thời chứ ẩm thực ngon dở dựa theo khẩu vị, cảm xúc của người ăn, đâu thể xếp hạng dễ dàng như vậy được. Chắc chủ yếu cũng để có chuyện bàn cãi trong những lúc trà dư tửu hậu.

Bún bà Bép ngày xưa bán bên cạnh nhà cao lầu Trung Bắc trên đường Trần Phú. Ngôi nhà cổ này lâu năm không được trùng tu nên nghiêng hẳn về một bên. Mỗi lần vào ăn bún bà Bép là một

lần hồi hộp, không biết nó tọa xuống giò nào. Ấy vậy mà mỗi chiều gánh bún vẫn cứ đông khách. Dân phố vốn sành ăn, nấu không ngon kể như đẹp gánh. Vậy mà bà Bép được sắp trong tứ đại gánh bún thì chắc không phải là ngon thường thường rồi.

Thời đó đâu phải ai cũng đủ khả năng tài chính để ăn bún bà Bép. Chỉ có những nhà giàu có tiếng trong phố mới là khách hàng thường xuyên của bà. Gánh bún bán tới chừng bốn năm giờ chiều là hết. Thời gian xoay vần, du lịch phát triển, bây giờ cũng không nhớ bà Bép ngưng bán từ lúc nào, cũng không nghe thấy ai là người kế nghiệp.

Bún bà Lương nằm ở ngoài Công Chánh, khúc đường Thái Phiên ngày nay. Bún bà Lương thời đó có tiếng nhờ giò heo, khúc mô khúc nẩy tròn quay béo ngậy, nước bún ngọt lịm. Bàn ghế lại cao ráo đàng hoàng, giá cả vừa phải nên chiều nào cũng đông khách. Đến trễ phải chờ “cả buổi” mới được phục vụ, nhiều khi cái bàn vuông bốn người phải ngồi xúm xít bên nhau lên cả chục người, ăn xong tô bún mò hôi ướt đầm cả áo.

Khách khó tính chút, ít thích béo lại không thích chờ đợi, có thể từ quán bún bà Lương đi vào trong hẻm chừng vài chục mét là đến quán bún bà Tỳ. Tuy bây giờ mới nhắc đến bà nhưng thật ra bún bà Tỳ lại là gánh bún xưa hơn những gánh

bún vừa kể. Quán nằm trong khu vườn nhỏ của gia đình bà. Nhớ có hai chị là con cháu trong nhà kiêm luôn phục vụ. Bún bà Tỳ, nước có vị ngọt nhẹ, nạm bò nấu mềm, khoai giò heo chọn lọc nhỏ nhắn, vừa đủ với những người ít ăn. Thêm phần không gian lại ít xô bồ nên cũng là điểm chọn của nhiều người, nhất là những cặp đôi đang yêu nhau thường vào ăn để tránh bớt những cặp mắt hồ nghi của thiên hạ. Bằng đi một dạo cũng không còn nghe nói đến bún bà Tỳ nữa.

Sở dĩ bây giờ mới kể đến bà Mông bởi vì bà là người duy nhất từ thời ấy đến nay vẫn còn bán bún, đếm cũng đã hơn sáu chục năm. Bà Mông nguyên gốc Huế vào Hội An năm 1952. Ba năm sau bà mới mở gánh bún bò giò heo.

Lúc đầu bà gánh bán rong quanh phố. Do dân phố buôn bán tại cửa hiệu vừa là nhà ở nên có thói ăn xế, được phục vụ tại chỗ càng tốt hơn, nên gánh bún của bà Mông rất đắt khách. Đầu giờ chiều bà gánh một vòng từ nhà xuống phố, đến đầu chợ là hết chiều, trong nôi chỉ còn có vài bát để bán cho bà con trong chợ.

Sau 1975, buổi sáng bà Mông ngồi bán ở đầu ngã tư Trần Phú - Lê Lợi. Sau thuê lại nhà cao lâu bà Trọ, chếch lên ngã tư này chừng chục mét. Buổi sáng bà bán ở chỗ này, buổi chiều vẫn hành trình như cũ từ nhà xuống chợ, cho mãi đến cuối thập niên 90 của thế kỷ trước.

Bún bà Mông được dân phố thích bởi nó có vị ruốc, cái ngọt

của ruốc cứ dịu dịu ngấm xuống tận cổ mà không gây vị đắng chát. Dường như ở đây chỉ có bà Mông là nấu với ruốc không phát hiện được mùi.

Con cái bà chỉ nói thoáng qua là nấu bằng nước mắm ruốc, bà kể tai người viết nói nhỏ truyền nghề - Bí quyết cũng đơn giản thôi. Rồi mỉm cười thú vị. Tuy nhiên, cho đến giờ này quán bún bà Mông vẫn còn đang hoạt động nên giữ bí quyết cho gia đình bà là điều cần thiết.

Người dân phố hẳn còn nhớ một thói quen điếm tâm khá thú vị tại quán bún bà



Gánh bún bà Mông tại chợ Hội An - Ảnh từ gia đình cung cấp

Mông vào mỗi sáng, nên khúc này xin phép rẽ ngoặt một chút qua gánh xôi của bà Liên ngồi đối diện với quán bún.

Bà Liên có một kỹ thuật hông xôi độc nhất vô nhị tại Hội An, cho đến bây giờ khó có thể tìm được người thứ hai. Món xôi nếp mềm mềm, thơm ngát mùi đậu xanh, rải lên trên một chút đậu phụng rang giã nhuyễn trộn muối, thêm lưng muỗng café đường, gói trong lá chuối, đập mặt cũng bằng lá chuối rồi được khéo léo gấp lại như một chiếc bánh nhỏ theo chân lũ trẻ mỗi sáng đến trường, chắc cũng đã đi vào ký ức của nhiều người dân phố.

Chẳng biết từ lúc nào và ai đó đã phát minh ra cái vụ ăn xôi trộn với bún. Một sự kết hợp cực kỳ độc đáo. Món xôi thơm dịu nhúng nhẹ vào bát nước bún cho vào miệng rồi và thêm một ít bún, cắn tiếp miếng giò mềm nhũn, béo béo nhai nhẹ cho nó tan dần xuống cổ, rồi nhấp thêm một muỗng nước bún cho trôi hẳn thì quả thật là thế gian đệ nhất khoái khẩu.

Thời du lịch mặt bằng cao ngất tận trời, thuê ở phố không nổi nên bà Mông dời gánh bún về nhà. Khách hàng cũng theo bà đến nơi bán mới. Chỉ tiếc bà Liên không còn bán xôi nữa, người kế nghiệp bà cũng theo được một thời gian rồi nghỉ. Khách hàng từ đó không còn được thưởng thức sự kết hợp dễ thương của hai món này nữa.

Thỉnh thoảng cũng có người chạy mua gói xôi đậu rồi lên bún bà Mông tìm lại dư vị khi xưa. Nhưng tìm đâu ra được cái dư hương ngày cũ, có chăng cũng chỉ là để đỡ nhớ một thời.

Người dân phố ngày trước vẫn còn nhắc đến bún bò bà Năm giò cũng là gánh bún có tiếng trên phố. Tuy nhiên, không nhiều người biết chuyện bà Năm giò chỉ nổi tiếng về món bánh xèo, gánh bún lại là của vợ người con đầu của bà là ông Hai Vinh mở bán, do tiếng tăm bà Năm giò khá lớn nên mọi người quen gọi theo tên bà luôn.

Mãi đến cuối thập kỷ 70 thế kỷ 20 tên gọi mới được trả lại cho chính chủ, mọi người thường gọi là bún bà Hai Vinh (*do dân Hội An thường đọc chệch V thành D nên thường gọi là bà Hai Dinh*). Bún bà Hai Vinh bán từ đầu giờ chiều đến tối khuya tại ngã năm Quốc Tế (*giếng Mái*), giá cả bình dân lại ngon cho nên đa số khách hàng của bà là dân buôn bán trong chợ, và giới trẻ đi chơi khuya về ghé lại lót dạ trước khi về nhà.

Do sức khỏe nên đến đầu thập kỷ 80 thế kỷ 20 bà Hai Vinh không tiếp tục theo nghề nữa. Tuy vậy vài năm sau đó một trong những người con gái của bà là chị Hồng tiếp tục nối nghề tại ngã năm Quốc Tế. Sau đó một thời gian một người cháu của gia đình là chị Lan cũng theo nghiệp nhà cũng tại chỗ này. Chị Hồng dời về đầu hẻm Phi Anh bán một thời gian rồi nghỉ.

Ngoài ra, ở Hội An còn có bún lòng bò. Thời đó tại đây chỉ duy nhất có một người bán loại bún này là bà Dân. Lúc đầu bà ngồi bán trên vỉa hè đối diện nhà Diệp Đồng Nguyễn trên đường Nguyễn Thái Học. Với ý tưởng chỉ phục vụ cho giới bình dân, lao động nên bún bà Dân là một nơi để giới này chắc bụng mỗi chiều, trong lúc lao động mệt nhọc.

Tuy vậy, với kỹ thuật nấu lòng bò một cách điêu luyện, cộng với bí quyết gia truyền của bà, nên giới chủ hiệu buôn bán cũng thường xuyên chen vai thích cánh với giới lao động bên gánh bún lòng bò của bà mỗi chiều. Thiệt, ít thấy ở đâu có tính cộng đồng cao như ở Hội An lúc đó, một chủ hiệu buôn giàu nứt đổ vỡ vách cũng sẵn sàng chen vai với một ông đạp xích lô ngồi trên mấy chiếc ghế băng bằng gỗ, xúm xít quanh gánh bún của bà, tay bát tay đũa húp soàn soạt, bởi đặc điểm của gánh bún bà Dần là không có...bàn.

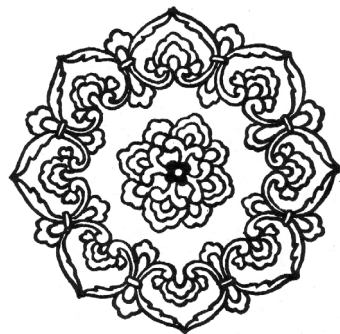
Bà Hiền là con gái nuôi và là người kế nghiệp của bà Dần tiếp tục bán bún lòng bò ở nơi này. Vào đầu giờ chiều hằng ngày, những người giúp việc cho bà Hiền bắt đầu sắp xếp bàn ghế trên vỉa hè, chuẩn bị cho buổi bán bún chiều. Học được bí quyết gia truyền từ mẹ, nên bún của bà Hiền có một hương vị đặc trưng không nơi nào có được. Khách ăn một lần sẽ nhớ mãi cái hương vị ngai ngái, nặng mùi bò ấy.

Người viết mới được bà Hiền thổ lộ bí quyết trong những ngày cuối đời của bà. Đó là cách rửa nồi, bà không dùng xà phòng rửa nồi như mọi người. Bà cho nước vào đầy nồi rồi đun sôi, sau đó nước ấy đi trước khi bắt đầu nấu một nồi nước bún khác. Bà cho rằng xà phòng sẽ tẩy đi mùi vị đặc trưng của lòng bò. Ngày này sang tháng khác chỉ nấu trong một cái nồi duy nhất, mùi vị lòng bò thấm vào nồi tạo nên hương vị đặc biệt cho thương hiệu của bà. Cái nồi nấu bún thần thoại này hiện đang được gia đình cháu nội bà Dần lưu giữ như một vật báu gia bảo tại tư gia.

Thường ngày khách hàng của bà Hiền cứ đúng giờ là đến ngồi chờ quanh điếm bán bún. Đúng hai giờ rưỡi chiều bà gánh nồi bún ra, theo thứ tự ai đến trước bán trước. Bà thường có câu nói đùa nổi tiếng “Ai đến trước bán trước, ai đến sau bán sau, ai đến trễ mai ăn, ai cũng rứa, không có chế độ ưu tiên kể cả...tổng thống”.

Giờ đây bún lòng bò ở Hội An cũng không còn là độc quyền riêng của gia đình bà Dần trên mảnh đất này nữa. Tuy nhiên để tìm lại được dư hương của những ngày xa cũ, có lẽ phải tìm đến đâu đó ở đầu hẻm xóm Phi Anh, tại chỗ này một người con dâu của bà Hiền cũng nổi nghiệp nhà.

Mãi về sau này còn có thêm các kiểu bún thịt nướng, bún chả cá, bún riêu, bún mắm...nhưng có lẽ xin được kể hầu bà con vào một dịp khác ♦



CON CHUỘT TRONG VĂN HỌC DÂN GIAN HỘI AN

CN. Trần Thị Lệ Xuân

Trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam, hình ảnh những con vật thân quen, gắn liền với cuộc sống của người dân như chó, mèo, trâu, bò, gà, chuột,... đã được tác giả đưa vào trong những sáng tác của mình, do đó những tác phẩm dân gian luôn gần gũi, dễ đi vào lòng người. Trong những con vật đó, từ bao đời nay, chuột đã trở thành con vật quen thuộc, gắn liền với đời sống người dân Á Đông, tồn tại cùng nền văn minh nông nghiệp lúa nước. Con chuột đã trở thành hình tượng sinh động trong văn học dân gian. Có thể thấy, trong văn học dân gian Việt Nam nói chung, văn học dân gian Hội An nói riêng, con chuột là hình ảnh độc đáo, tượng trưng cho những điều không mấy tốt đẹp và đáng ghét trên đời. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt không tốt, con chuột còn có những ưu điểm như thông minh, nhanh trí, đại diện cho sự sung túc và thịnh vượng. Chính vì thế dân gian mượn hình ảnh con chuột là nhiều nhất trong những tác phẩm của mình, để phản ánh hiện thực đời sống xã hội.

Tiêu biểu, tác phẩm văn học chữ Nôm cổ nhất trong văn học nước ta còn giữ được lại viết về chuột, đó là tác phẩm “*Trình thử*”¹ (真鼠 - Con chuột trình tiết). Trong tác phẩm này, tác giả mượn hình ảnh con chuột để phản ánh hiện thực đời sống xã hội lúc bấy giờ.

Bên cạnh đó, từ lâu hình ảnh con chuột đã đi vào những tác phẩm nghệ thuật dân gian thông qua việc các nghệ nhân làng tranh Đông Hồ đã mượn quan hệ tự nhiên giữa chuột và mèo để phản ánh quan hệ xã hội phong kiến xưa trong bức tranh “*Đám cưới chuột*” đầy ý nghĩa.

Ngữ văn dân gian sưu tầm được ở Hội An trong thời gian qua, hình ảnh con chuột xuất hiện tương đối nhiều qua những câu thành ngữ, tục ngữ, vè và ca dao.

Trước tiên, do môi trường sống của chuột luôn gần gũi với cuộc sống của người dân nên dân gian quá am hiểu về loài chuột, kể cả đặc tính giống nòi của nó. Chuột đa dạng về chủng loại và thường sinh trưởng nhanh, chúng rất dễ thích nghi với điều kiện môi trường, thời tiết khác nhau, vì thế chuột luôn tồn tại và liên tục phát triển theo cấp số nhân. Có đến hàng chục loài chuột, trong đó chuột chù đặc biệt hôi hám nên dân gian nêu lên đặc điểm của loài chuột này qua câu “*Hôi như chuột chù*”. Hay câu “*Mỏ nhọn như chuột vù*”, câu này vừa nêu lên đặc điểm của giống chuột vù, nhưng cũng nhằm mượn giống chuột này để nói lên những người có miệng lưỡi, ăn nói không mấy tốt đẹp.

Khi nói đến một sự bế tắc, dân gian lại mượn con chuột để nói lên điều đó, được thể hiện qua câu thành ngữ “*Chuột chạy cùng sào*”, nghĩa đen của câu này là chuột chạy đến đầu mút cây sào là hết đường, nhưng liên hệ với con người, đây là

¹ “*Trình thử*” (Truyện Nôm khuyết danh), tác giả Bùi Thức Phước, Nxb Hội Nhà văn.

bước đường cùng, là bế tắc, không có lối thoát. Người xưa còn mượn hình ảnh con chuột để nói những trường hợp vốn sống trong cảnh nghèo khó, túng thiếu, bỗng dưng gặp vận may, được cuộc sống đổi đời, sung sướng, ấm no và hạnh phúc, dân gian thường nói “*Chuột sa hũ nếp*”.

Với những kẻ tiểu nhân, sống cô tình che giấu những điều gian dối, đen tối, đến khi nguy hiểm mới lộ ra bộ mặt hèn hạ của mình, được người đời ví với hình ảnh “*Cháy nhà ra mặt chuột*”. Rồi để chỉ hạng người khi bắt đầu làm công việc gì thì phô trương nhưng kết cục chẳng được tích sự gì, tục ngữ có câu “*Đầu voi đuôi chuột*”. Hoặc để chỉ hạng người hay nói những chuyện đầu đầu, không ăn nhập vào vấn đề, người đời thường bảo: *Nói dơi nói chuột*. Cũng vì ghét loài chuột nên khi nói những điều gì không tốt đẹp, dân gian lại ví von “*Ướt như chuột lột*”, “*Nhà ổ chuột*”

Qua đó chúng ta có thể thấy, đa số những câu thành ngữ, tục ngữ trong văn học dân gian Hội An nói về chuột đều là những lời dèm pha, chế giễu, lên án loài chuột. Tuy nhiên, trong dân gian lại có câu ca dao lãng mạn, vớt vát phần nào cho thân phận của chuột trong tâm thức vốn ghét bỏ chuột từ lâu đời của nhân dân ta: “*Con mèo trèo lên cây cau. Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà. Chú chuột đi chợ đường xa. Mua mắm, mua muối giỗ cha chú mèo*”. Qua sưu tầm trong dân gian Hội An hầu như trẻ thơ nào cũng thuộc lâu lâu những câu ca này, bởi lẽ đây là những câu hát dân gian mà từ nhỏ các em bé đã được nghe từ người bà, người mẹ, người anh, người chị đi trước. Qua bài ca dao này thể hiện ý dù ghét họ hàng nhà chuột nhưng đôi khi người lao động dưới thời phong kiến luôn bị bọn cường hào ác bá áp bức, bóc lột lại kéo chuột về phía mình để đối chọi với mèo giả nhân, giả nghĩa đại diện bọn thống trị, vì thế mà dân gian lại gọi

“*Chú chuột*” nghe gần gũi, thân thương. Mèo và chuột rất kỵ nhau, mèo đã cất công leo lên tận ngọn cau hẳn không phải để thăm chú chuột, mà đây là một sự phê phán rất khéo léo, tài tình của dân gian.

Hình ảnh con chuột trong văn học dân gian Hội An ngoài được thể hiện qua những câu thành ngữ, tục ngữ, còn được thể hiện qua thể loại vè, tiêu biểu có bài “*Vè con chuột*”¹:

*“Chuột ơi là chuột
Mi chạy cái vụt
Mi tưởng mi lanh
Mi núp mái tranh
Mi cho là kín
Mi đừng có nín
Qua mặt bọn tau
Nông dân kỳ này
Ta đã biết hết
Mi la mi lét
Trả cá trả com
Mi chạy lom xom
Ăn cùng ia bậy
Đồ đạc ta đây
Mi cũng khoét ra
Cái lỗ tổ cha
Mi ăn cho được
Mi chạy rượt rượt
Bò lúa bò khoai
Mi móc mi moi
Mi ăn cho được
Ai ai cũng ghét
Cả lũ họ hàng
Bò càn lang bang
Mi là chuột cống*”

¹ Ông Lê Thùy, 88 tuổi, tổ 17 thôn Trung Châu, cung cấp ngày 20/8/2015. Người sưu tầm: Phạm Phước Tịnh.

*Ruộng của các ông
 Cực khổ biết bao
 Đào giếng đào ao
 Đêm ngày tát nước
 Cây lúa vừa được
 Tốt tốt tươi tươi
 Mi thật biếng lười
 Chực ăn của sẵn
 Mi ra mi cắn
 Phá hoại nông gia
 Rồi mi còn tha
 Dem về lót ổ
 Mi muốn ta khổ
 Như Mỹ trước đây
 Dem xe cả bầy
 Chạy trên đồng lúa
 Lại còn cướp của
 Đốt phá dân lành
 Bay trên trời xanh
 Thả bom nhà đạn
 Mi chỉ làm bạn
 Với lũ tay sai
 Chớ mi ở đây
 Ai ai cũng ghét
 Mi là lũ giặc
 Phá hoại dân lành
 Mi còn truyền sang
 Vi trùng dịch hạch
 Ta quyết diệt sạch
 Không để một tên
 Thiểu nhi, nông dân tiến lên
 Thi đua diệt chuột”.*

Qua bài về này, dân gian đã nói lên hầu như gần hết bản tính tinh ranh, nhanh nhẹn, đặc tính dơ bẩn, biểu tượng của những xấu xa như đục khoét phá hoại hoặc gây tai họa cho con người... Hơn nữa, chuột

tồn tại cùng với nông nghiệp lúa nước, vì thế ở đâu có lúa, ở đó có chuột. Do đó, để bảo vệ mùa màng, trong cộng đồng có phong trào đồng lòng diệt chuột bảo vệ lúa. Ngoài ra, hình tượng xấu xa của chuột còn được thể hiện qua bài “*Về nước lụt*”

Từ trong dân gian, hình ảnh con chuột đi vào văn hóa thành một hình tượng tiêu cực, đồng thời còn được vay mượn để ám chỉ những thành phần găm nhám trong xã hội.

Dường như dân gian mâu thuẫn trong chính quan niệm của mình khi nghĩ về loài chuột. Bởi lẽ, khi nói đến những điều xấu xa, dân gian luôn mượn con chuột để nói lên điều đó, tuy nhiên loài chuột vẫn cứ hiện diện cùng với loài người như đã tồn tại từ bao đời nay và dù con người có tìm tất cả mọi phương cách để tiêu diệt chúng nhưng ở phương diện nào đó con chuột vẫn được vị nể. Do đó, trong dân gian ở Hội An, đặc biệt đối với những cư dân làm nông nghiệp thường gọi con chuột bằng những từ “*Ông*”, *Ông Tý*... và có khi phải tránh gọi tên trực tiếp của loài vật này. Hơn nữa, theo quan niệm dân gian, nơi nào có chuột tìm đến thì nơi đó sẽ có của ăn của để dồi dào. Vì vậy, đâu đó trong dân gian có quan niệm đặt tượng chuột trong nhà nhằm cầu mong sự sung túc, thịnh vượng, tài lộc, tiền của dồi dào, làm ăn khá giả gặp nhiều may mắn, cầu mong gia đình sung túc, con đàn cháu đống, gia đình vui vẻ hạnh phúc.

Qua những câu tục ngữ, ca dao và thành ngữ trên đây cho thấy cha ông ta đã rất tài tình trong việc sử dụng ngôn ngữ, cũng như hình tượng con chuột để phản ánh chân thực và sinh động cuộc sống thường ngày. Điều này cũng cho chúng ta thấy rõ kho tàng văn học dân gian là tài sản vô giá của cha ông để lại và hậu thế phải luôn biết trân trọng, giữ gìn, phát huy, biến nó thành động lực phát triển gắn với vốn văn hóa truyền thống của địa phương ♦

THÔNG TIN TƯ LIỆU

THÔNG TIN VỀ HỘI CHỢ FAIFOO LẦN THỨ 2 NĂM 1936

Tổ Lưu trữ và Thông tin

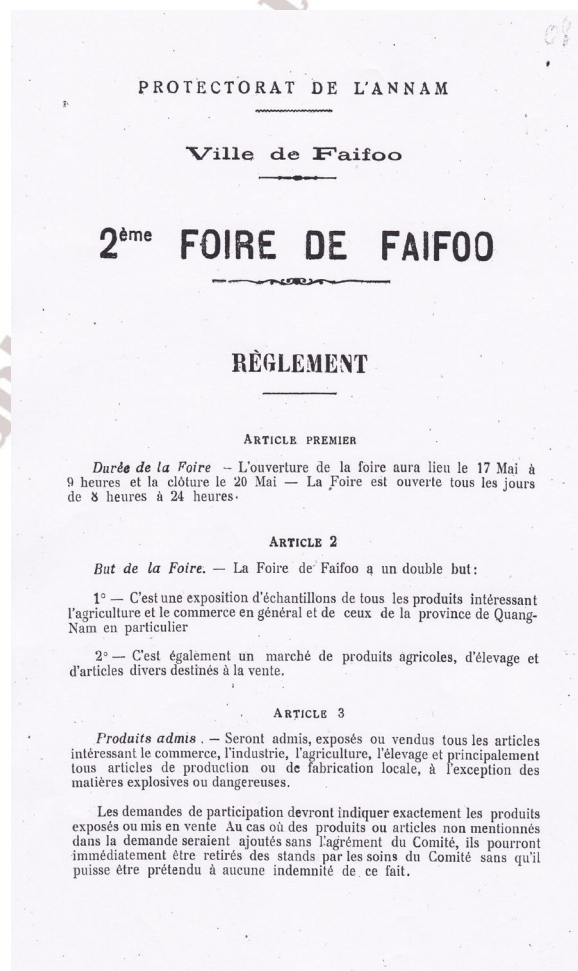
Nhằm giới thiệu những thông tin, tư liệu mới về lịch sử - văn hóa Hội An liên quan đến năm Tý, đặc biệt là các tư liệu liên quan đến Hội An sưu tầm được tại các Trung tâm lưu trữ quốc gia, trong số Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản này, Tổ Lưu trữ và Thông tin xin giới thiệu tư liệu về thể lệ Hội chợ Faifo lần thứ 2, năm 1936 (*năm Bính Tý*). Nguồn tư liệu này được sưu tầm tại Trung tâm lưu trữ quốc gia I - Hà Nội. Bản sao hiện đang lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

Tư liệu về thể lệ Hội chợ Faifo lần thứ 2¹ được viết bằng tiếng Pháp thuộc Phong Phủ Thông sứ Bắc Kỳ, số kí hiệu hồ sơ 2194, gồm 4 trang

¹ Hội chợ lần 1 diễn ra năm 1935. Tham khảo thêm bài viết “Thông tin về Hội chợ Faifo thời Pháp thuộc của tác giả Trần Phương, Thông tin Nghiên cứu Bảo tồn Di sản số 1/2019.

tiếng Pháp, được dịch ra tiếng Việt. Nội dung thể lệ có 13 khoản². Dưới đây, chúng tôi giới thiệu bản gốc và bản dịch³ tư liệu này.

1. Bản gốc tiếng Pháp



² Tư liệu thuộc đề tài “Nghiên cứu, biên soạn địa chí Hội An”.

³ Chúng tôi giới thiệu nguyên gốc bản dịch của Trung tâm lưu trữ quốc gia I.

ARTICLE 4

Emplacement de la Foire. — La Foire se tiendra sur le terrain compris entre le quai Hai-Nam et les rues Jules Ferry et Pont Japonais.

ARTICLE 5

Demande de participation. — Les exposants ou vendeurs devront faire une demande de place avant le 5 Mai et indiqueront les objets qu'ils désirent exposer et vendre. Ne seront certains d'être agréés que ceux qui auront présenté leur demande avant cette date.

Les demandes doivent être adressées à M. le Président du Comité d'organisation, Résidence de Faifoo; l'acceptation ou le refus sera sans appel et n'aura pas besoin d'être motivé.

Il est prévu 100 stands ayant 3m x 3m.

Le prix de location d'un stand est fixé à 2\$00 qui doivent être jointes à la demande. Il n'est pas consenti de moins d'un stand.

Plusieurs stands contigus pourront être loués à un même exposant sur sa demande.

ARTICLE 6

Les stands sont mis à la disposition des exposants 4 jours avant l'ouverture de la Foire.

Ils devront être prêts et garnis le 16 Mai à midi, afin de permettre au Comité d'organisation de visiter la Foire avant l'ouverture.

Toutefois, la vente ne pourra commencer avant l'ouverture officielle de la Foire, c'est-à-dire le 17 Mai à 9 heures.

Les objets non vendus devront être retirés le 22 Mai au plus tard.

ARTICLE 7

Assurance. — Les locataires des stands doivent s'assurer contre tous les risques (incendies, vols etc...) qu'ils peuvent courir du fait de la Foire. Le Comité décline formellement toute responsabilité au sujet de ces risques.

ARTICLE 8

Eclairage. — Tout autre mode d'éclairage que l'électricité est formellement interdit.

Le paiement du prix de location comporte l'installation et l'éclairage gratuits pendant toute la durée de la Foire, d'une lampe de 40 watts.

Les exposants qui désireront un éclairage supplémentaire devront s'adresser à la S. I. P. E. A. qui se chargera de l'installation aux prix ci-après, y compris la fourniture du courant :

Lampe de	25 Watts	: 0\$36
—	40	: 0.42
—	60	: 0.48
—	75	: 0.55
—	150	: 0.90
—	300	: 1.60

Il sera perçu en outre par la S. I. P. E. A. une caution restituable à la fin de la Foire si le matériel est intact. Cette caution est ainsi fixée :

Ampoule de	25 Watts	: 2\$00
—	40	: 2.00
—	60	: 2.50
—	75	: 3.00
—	150	: 4.00
—	300	: 5.00

ARTICLE 9

Droit d'entrée. — Le droit d'entrée est fixé à 0\$04.

ARTICLE 10

Police — Surveillance. — Un poste de police occupé par la Garde Indigène assure la protection nocturne des stands, mais sans aucun engagement de l'Administration envers les exposants en cas de vol ou de sinistre.

ARTICLE 11

Bureau de Douane. — Pour paiement des taxes sur les tabacs, un représentant des Douanes et Régies se tiendra en permanence au pavillon des renseignements à la disposition des acheteurs éventuels.

ARTICLE 12

Diplôme d'exposant. — A l'issue de la Foire, un diplôme attestant que le titulaire a présenté des marchandises de bonne qualité, sera délivré par le Comité à tous les exposants.

Ce certificat sera retiré s'il est établi, par la suite, que le vendeur a trompé les acheteurs sur la qualité de la marchandise.

ARTICLE 13

Les adhérents s'engagent formellement à respecter toutes les clauses du présent règlement.

RENSEIGNEMENTS DIVERS

Hôtels. — Bungalows — Restaurants

1. — à Faifoo — Bungalow avec 2 chambres.
(prix de la chambre 1\$50, cuisine faite par le gardien du bungalow)
Restaurants annamites et chinois en ville.
2. — à Tourane. — Hôtel Morin.
Hôtels et restaurants annamites.

Distractions. — Excursions. — Promenades.

Au cours du séjour à Faifoo, visiter :
les pagodes chinoises,
le pont japonais,
la plage de Cua-Dai à 5 km du chef-lieu,
les montagnes de Marbre à 21 km — par la route forestière,
les Ruines Cham de My-Son, Dong-Duong etc...

Notice touristique donnant tous renseignements désirables en vente au prix de 0\$05 au bungalow et à la Résidence.

Pour tous renseignements complémentaires, écrire au Président du Comité d'organisation de la Foire — Résidence de Faifoo.

Imp. Duc-Lâp, — Hué

2. Bản dịch

TRUNG KỲ BẢO HỘ

THÀNH PHỐ FAIFOO

HỘI CHỢ LẦN THỨ 2

THẺ LỆ

KHOẢN I - Hạn

Hội chợ khai mạc 9 giờ ngày 17 Mai¹, bế mạc ngày 20 Mai. Trong các ngày hội, từ 8 giờ mai đến 12 giờ đêm.

KHOẢN II - Mục đích

Hội chợ Faifoo có 2 mục đích:

¹ Tiếng Pháp là tháng 5.

1. Là để trưng bày các kiểu sản vật nông nghiệp và thương nghiệp và nhứt là sản vật tỉnh Quảng Nam;

2. Là cùng để bán các nông sản, thú vật và các đồ vật khác.

KHOẢN III - Sản vật

Sản vật được đem trưng bày hay là bán ở Hội chợ là các sản vật về thương mại, kỹ nghệ, nông nghiệp, súc vật, và nhứt là các sản vật trong tỉnh, chỉ trừ đồ có chất nổ, nguy hiểm.

Đơn xin dự hội chợ phải kể rõ những đồ chứng kiến hay đồ để bán. Những đồ không kể trong đơn mà đem đến thì Hội đồng thải ra ngay mà không trả tiền phí tổn gì cả.

KHOẢN IV - Chỗ

Hội chợ lập tại đám đất ở giữa bờ sông Hải Nam và con đường Jules Feery và Pont Japonais.

KHOẢN V - Đơn dự hội chợ

Ứng dự hội chợ phải đưa đơn trước ngày 5 Mai; đơn phải kể rõ những đồ chứng kiến hay bán. Ai đưa đơn trước ngày ấy mới chắc được dự. Đơn phải gửi cho ông Hội trưởng hội đồng tổ chức, tại Tòa sứ Faifoo: cho hay rằng bát không kêu nài gì được và cũng không cần trả lời vì sao.

Trù thiết 100 gian hàng mỗi bề 3 thước tây.

Giá thuê một gian hàng là 2\$00; bạc phải đưa theo luôn với đơn; không cho thuê dưới một gian hàng.

Ai xin dọn một mình mà nhiều gian hàng tiếp nhau cũng cho.

KHOẢN VI

Gian hàng giao cho người bày dọn 4 ngày trước khi khai mạc. Đến 12 giờ trưa ngày 16 Mai các gian hàng phải bày dọn cho xong, đủ, để cho Hội đồng đủ thì giờ khám xét trước ngày khai mạc. Nhưng trước ngày khai mạc (17 Mai, 9 giờ) không được bán đồ gì hết.

Đồ bán không được phải lấy về có trễ là 22 Mai là cùng.

KHOẢN VII - Bảo đảm

Người thuê gian hàng phải phòng giữ cho khỏi hỏa tai, hay là trộm, cắp, vân vân... Hội đồng nhứt định không chịu trách nhiệm.

KHOẢN VIII - Đền

Ngoài đền điện ra cấm không cho thấp thứ đền khác.

Thuê gian hàng đã có sẵn một ngọn đèn điện 40 vát, khỏi trả tiền điện và tiền đặt giầy¹, trong mấy ngày hội chợ ai muốn dùng đèn thêm thì đến nói với nhà máy điện để nhà máy điện đặt thêm cho, giá tính theo như sau này:

(tiền đặt giầy² và tiền dùng điện)

1 ngọn	25 vát	giá	0\$36
1 -	40 -	-	0.42
1 -	60 -	-	0.48
1 -	75 -	-	0.55
1 -	150 -	-	0.90
1 -	300 -	-	1.60

Và lại phải nạp cho nhà máy điện một số tiền án quỹ kê ra dưới này, nếu

¹Dây
²Dây

hết ngày hội chợ đèn không hư hại thì số tiền ấy trả lại cho người dọn hàng:

1 ngọn	25 vát	tiền quỹ là	2\$00
1	- 40	-	2.00
1	- 60	-	2.50
1	- 75	-	3.00
1	- 150	-	4.00
1	- 300	-	5.00

KHOẢN IX - Tiền vô cửa

Định 0\$04

KHOẢN X - Canh phòng

Ban đêm có lính tập canh phòng trong hội chợ, nhưng có xảy ra trộm cắp hay hỏa tai thì nhà nước không chịu trách nhiệm gì với người bán hàng.

KHOẢN XI - Phòng thương chánh

Trong căn nhà thông tin có một viên thương chánh chực sẵn để có ai mua thuốc lá mà thu tiền thuế.

KHOẢN XII - Bằng cấp

Xong hội chợ, Hội đồng cấp cho người dự hội một cái bằng chứng nhận rằng mình có chung bày hàng tốt. Nếu ngày sau xét ra được người bán hàng gian trá thì thu bằng ngay.

KHOẢN XIII

Người dự hội chợ phải cam đoan tuân theo thể lệ trên này.

TIN VẬT

Khách sạn - Hàng cơm

1. Ở FAIFOO có một nhà khách sạn được 2 phòng (*giá mỗi phòng là 1\$50, người giữ khách sạn nấu bếp*) ở ngoài phố thì có nhà cơm Annam và khách.

2. Ở TOURANE có nhà khách sạn Morin, nhà khách sạn Annam và hàng cơm Annam.

Các cuộc chơi - Cuộc du lịch

Trong mấy ngày ở Faifoo, nên đi xem:

Các chùa Khách - Cầu Lai Viễn (*Nhật Bản*), Cửa Đại (cách Faifoo 5km), núi Ngũ Hành Sơn, cách Faifoo 21km (*đi đường Kiếm lâm*), Tháp Hời ở Mỹ Sơn, Đồng Dương. Tại nhà khách sạn và ở Tòa sứ có bán quyển sách kê lược các khoản du lịch giá 0\$03.

Ai muốn hỏi han điều gì khác nữa, xin viết thư cho ông Hội trưởng Hội đồng tổ chức, ở Tòa sứ Faifoo ♦



TIN TỨC - SỰ KIỆN

Tham vấn ý kiến cộng đồng về phương án phục hồi, tôn tạo di tích đình Thanh Đông ở Cẩm Thanh

Hoàng Phúc



Đình làng Thanh Đông trước đây từng là thiết chế tín ngưỡng quan trọng của người dân làng Thanh Đông, tổng Thanh Châu, phủ Điện Bàn, nay thuộc địa phận thôn Thanh Đông, xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An. Theo tư liệu Quảng Nam xã chí của Viện Viễn Đông Bác Cổ điều tra vào những năm 1941-1943 cho biết: “Đình này làm đã quá lâu, năm trùng tu là 20 tháng 8 Bảo Đại 6. Đình lợp ngói xông gạch, gỗ lim, những cột này tròn cao 13m mộc, kèo trính tuy trơn nhưng thật là xưa, trông khéo lắm. Trước là tiền đường, sau là hậu tẩm. Hậu tẩm là một ngọn lầu cao độ 11 thước Tây có cổ lầu, trên đắp lưỡng long...”. Đình bị hư hỏng trong chiến tranh, hiện nay chỉ còn một phần nền móng.

Thực hiện mục tiêu bảo tồn di tích, phục vụ nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống và phát huy giá trị góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội tại địa phương, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tiến hành khảo sát khảo cổ nền móng để xác định quy mô kiến trúc, kết hợp với các nguồn tư liệu khác để làm cơ sở xây dựng phương án phục hồi, tôn tạo di tích đình Thanh Đông. Việc phục hồi di tích nằm trong Phương án bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trên địa bàn xã Cẩm Thanh đã được UBND Thành phố về phê duyệt tại Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 22/11/2011.

Để việc xây dựng hồ sơ thiết kế tu bổ đảm bảo nguyên tắc bảo tồn, chiều ngày 03/10/2019, tại UBND xã Cẩm Thanh, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An chủ trì, phối hợp với UBND xã Cẩm Thanh tiến hành tham vấn ý kiến cộng đồng về phương án phục hồi, tôn tạo di tích đình Thanh Đông. Buổi tham vấn có sự tham dự của lãnh đạo địa phương, các vị cao niên am hiểu về di tích cũng như lịch sử, văn hóa địa phương.

Thông qua buổi tham vấn, Trung tâm đã tiếp nhận nhiều thông tin có giá trị về lịch sử, hình thức kiến trúc đình Thanh Đông trước đây. Đây là cơ sở quan trọng để Trung tâm hoàn chỉnh phương án, hồ sơ trình phê duyệt để triển khai đầu tư tu bổ

Tọa đàm “Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu”

Phước Tịnh



Vào ngày 10/10/2019, tại thành phố Hội An, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học quốc gia Hà Nội tổ chức tọa đàm với chủ đề “*Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu*” thuộc dự án “*Khả năng phục hồi của di sản văn hóa đối với biến đổi khí hậu ở Đông Nam Á*”. Đây là dự án nhằm hỗ trợ các nhà quản lý và cộng đồng ở các khu di sản văn hóa có sinh kế phụ thuộc vào sự hiện diện, tính chân xác và tính bền vững của di sản nhằm thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu và thời tiết khắc nghiệt.

Nội dung buổi tọa đàm tập trung đánh giá khả năng thích ứng của Khu di sản thế giới Hội An đối với biến đổi khí hậu, gồm: đánh giá các mối hiểm họa do biến đổi khí hậu gây ra đối với khu di sản thế giới Hội An dựa trên các cuộc tham vấn cộng đồng, tham vấn ý kiến của các chuyên gia đang làm công tác bảo tồn di sản văn hóa; Nhận diện những hành động thích ứng ở hiện tại và quá khứ, quy trình thích ứng và yêu cầu thông tin cho việc thích ứng với biến đổi khí hậu; Nhận diện các nhu cầu nghiên

cứu cho sự hợp tác phát triển một dự án quốc tế về thích ứng của di sản văn hóa với biến đổi khí hậu...

Tại buổi tọa đàm, các chuyên gia, nhà nghiên cứu, nhà quản lý văn hóa đã có những ý kiến thảo luận, trao đổi sôi nổi nhằm tìm ra các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu góp phần bảo tồn, phát huy giá trị Khu di sản thế giới Hội An trong thời gian đến tốt hơn ♦

Nghiệm thu và đưa vào sử dụng công trình tu bổ các di tích miếu Ông Địa, miếu Hà Tân, miếu Ngũ Hành

Trần Phương

Sau thời gian tu bổ, tôn tạo, vào ngày 10/10/2019, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã chủ trì, phối hợp với các ban ngành trên địa bàn Thành phố, UBND phường Cẩm Châu, phường Cẩm Phô, xã Cẩm Kim và các Tổ quản lý di tích tiến hành nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng các di tích: miếu Ông Địa (*khối Thanh Tây, phường Cẩm Châu*), miếu Ngũ Hành (*khối Tu Lễ, phường Cẩm Phô*), miếu Hà Tân (*thôn Phước Trung, xã Cẩm Kim*). Các di tích này được đầu tư sửa chữa nhỏ từ nguồn vốn ngân sách Thành phố với tổng mức đầu tư là 687.384.000 đồng.

Việc nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng các công trình nói trên nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống của cư dân địa phương, đồng thời góp phần vào công tác phát huy giá trị của di tích trong thời gian đến ♦

Tham dự hội thảo “Khả năng thích ứng của Di sản Văn hóa với biến đổi khí hậu ở Đông Nam Á”

Diệu Châu



Vào các ngày từ 14/10 đến 16/10/2019, tại Băng Cốc và Ayutthaya, Thái Lan đã diễn ra Hội thảo “Khả năng thích ứng của Di sản Văn hóa với biến đổi khí hậu ở Đông Nam Á”. Hội thảo là hoạt động thuộc dự án nghiên cứu đa phương giữa 5 trường đại học: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội (Việt Nam), Đại học Liverpool John Moores - Vương Quốc Anh, Đại học Naresuan - Thái Lan, Đại học Khoa học và Công nghệ Mbarara - Uganda và Đại học Tây Scotland - Vương quốc Anh. Hội thảo có sự tham dự của chính quyền địa phương, các Ban ngành Du lịch, Văn hóa, Giáo dục, các tổ chức quốc tế và phi chính phủ tại Thái Lan như ICOMOS Thái Lan, UNESCO Thái Lan...

Mục tiêu hội thảo nhằm đánh giá các mối hiểm họa mà biến đổi khí hậu đang đặt ra cho Khu Di sản văn hóa thế giới Ayutthaya; thảo luận về các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu; tìm kiếm nhu cầu nghiên cứu, hợp tác phát triển một dự án quốc tế về thích ứng của di sản văn hóa với biến đổi khí hậu tại khu vực Đông Nam Á.

Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã cử ông Phạm Phú

Ngọc – Phó Giám đốc Trung tâm tham dự hội thảo này để trao đổi về các tác động của biến đổi khí hậu đối với di sản văn hóa thế giới – Khu phố cổ Hội An và tiếp thu những giải pháp, kinh nghiệm quốc tế góp phần cho công tác quản lý, bảo tồn di sản văn hóa Hội An tốt hơn

Tọa đàm “Hội An thời kỳ chúa Nguyễn và Tây Sơn”

Phước Tịnh



Nằm trong kế hoạch thực hiện đề tài “Nghiên cứu, biên soạn địa chí Hội An” năm 2019, được sự thống nhất của cơ quan chủ trì (*Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*), vào ngày 29/10/2019, Ban chủ nhiệm đề tài tổ chức tọa đàm với chủ đề “*Hội An thời kỳ chúa Nguyễn và Tây Sơn*”. Tham dự buổi tọa đàm có đại diện của cơ quan chủ trì, các nhà nghiên cứu, tác giả thực hiện các chuyên đề phần lịch sử của đề tài cùng hội viên Chi hội Khoa học lịch sử Hội An và Chi hội Văn nghệ dân gian Hội An. Tại buổi tọa đàm, PGS.TS Đỗ Bang – Phó Chủ tịch Hội Khoa học lịch sử Việt Nam đã trình bày khái quát về thời kỳ chúa Nguyễn và Tây Sơn ở Hội An, đặc biệt là những thông tin, cách tiếp cận, nhìn nhận mới về kinh tế, văn hóa -

xã hội, lịch sử thời kỳ này. Những trao đổi, thảo luận tại buổi tọa đàm cho thấy, dưới thời các chúa Nguyễn và Tây Sơn, Hội An giữ vai trò quan trọng trong nền thương mại Đàng Trong; Hội An lúc bấy giờ là thương cảng quốc tế lớn nhất của đất nước và khu vực, có tầm ảnh hưởng đến nhiều nước trên thế giới.

Những thông tin trao đổi, thảo luận trong buổi tọa đàm sẽ được Ban chủ nhiệm đề tài và Trung tâm tập hợp, xử lý, nghiên cứu phục vụ biên soạn nội dung lịch sử Hội An thời kỳ chúa Nguyễn và Tây Sơn

Xử lý hiện vật khảo cổ di tích Thanh Chiêm

Hồng Việt

Với mục đích nhận diện những giá trị lịch sử - văn hóa, khoa học của di tích khảo cổ Thanh Chiêm cũng như bổ sung hiện vật trưng bày tại Bảo tàng Hội An, trên cơ sở quyết định cấp phép của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong tháng 8 vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An hợp tác với Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học quốc gia Hà Nội và Bảo tàng Quảng Nam triển khai thăm dò, khai quật khảo cổ di tích Thanh Chiêm. Kết quả thăm dò, khai quật đã phát hiện 6 mộ chum và nhiều hiện vật tùy táng là đồ gốm gia dụng và minh khí, công cụ và vũ khí bằng sắt, đồ trang sức bằng đá và thủy tinh như khuyên tai hình vành khăn và hạt chuỗi mã não, thủy tinh.

Đề lập hồ sơ khoa học và tiến tới trưng bày giới thiệu, phát huy giá trị của hiện vật thu thập được, từ ngày 6-12/11,

Trung tâm phối hợp với Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học quốc gia Hà Nội chỉnh lý thống kê phân loại, gắn ghép phục dựng, đo vẽ và đăng ký số ký hiệu hiện vật

Hội thảo chuyên gia 2019 về Xây dựng mạng lưới di sản văn hóa phi vật thể biển với chủ đề “Truyền thống biển: Thực hành và tín ngưỡng”

Phước Tịnh



Từ ngày 21/11 - 22/11, tại thành phố Hội An, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với Trung tâm Thông tin và Mạng lưới Quốc tế về Di sản văn hóa phi vật thể ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương dưới sự bảo trợ của UNESCO (gọi tắt là *ICHCAP*) đồng tổ chức Hội thảo chuyên gia 2019 về xây dựng mạng lưới di sản văn hóa phi vật thể biển với chủ đề “Truyền thống biển: Thực hành và tín ngưỡng”. Tham dự Hội thảo, về phía Trung ương có đại biểu Cục Di sản văn hóa, Văn phòng UNESCO tại Hà Nội, Hội Khoa học kỹ thuật tàu thủy Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu và Phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam; về phía tỉnh Quảng Nam có đại biểu Sở Văn hóa,

Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ; về phía thành phố Hội An có ông Lê Chơí - Phó Bí thư thường trực thành ủy Hội An, ông Nguyễn Văn Sơn - Phó Chủ tịch UBND thành phố Hội An, lãnh đạo các cơ quan, ban ngành thành phố Hội An và đặc biệt là hơn 50 học giả, nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

Ban tổ chức Hội thảo đã nhận được 41 bài tham luận của các học giả trong nước và quốc tế liên quan đến nội dung hội thảo. Tại hội thảo, có 17 bài tham luận được Ban tổ chức chọn để trình bày tại phiên toàn thể và 4 phiên chuyên đề. Hội thảo cũng nhận được nhiều ý kiến phát biểu, trao đổi sôi nổi, trên tinh thần khoa học của quý vị đại biểu tham dự, đặc biệt hội thảo đã tập trung làm rõ nhiều vấn đề liên quan đến di sản văn hóa phi vật thể biển như nghi thức, nghi lễ và thực hành truyền thống biển khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Ngoài ra, các vấn đề liên quan đến bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể biển cũng được chú trọng trao đổi thảo luận.

Hội thảo là diễn đàn để các nhà khoa học trong và ngoài nước gặp gỡ và kết nối, mở rộng quan hệ trong nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể về biển; định hướng bảo tồn, phát huy những giá trị di sản văn hóa phi vật thể biển ở Việt Nam nói riêng, các nước khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nói chung, qua đó hình thành mạng lưới liên kết, hợp tác nghiên cứu về di sản văn hóa phi vật thể giữa các cơ quan, các nhà khoa học trong thời gian tới ♦

Nghiệm thu và đưa vào sử dụng công trình tu bổ di tích miếu Hy Hòa, phường Minh An

Phước Tịnh



Sau thời gian tu bổ, tôn tạo, vào ngày 21/11/2019, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã chủ trì, phối hợp với các ban ngành trên địa bàn Thành phố, UBND phường Minh An và Tổ quản lý di tích tiến hành nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng di tích miếu Hy Hòa, phường Minh An. Di tích này được đầu tư tu bổ từ nguồn vốn ngân sách Thành phố với tổng mức đầu tư là 387.361.000 đồng. Hạng mục đầu tư, tu bổ miếu gồm: Miếu chính, Tam quan, Nhà sau, Khu vệ sinh, Sân trời.

Việc nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng di tích nói trên nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống của cư dân địa phương, đồng thời góp phần vào công tác phát huy giá trị của di tích trong thời gian đến ♦

Tuyên truyền, hướng dẫn vận hành hệ thống báo cháy và chữa cháy Khu phố cổ Hội An cho lực lượng Dân phòng và chủ di tích trên địa bàn phường Minh An

Văn Thịnh



Sáng ngày 28/11/2019, tại Công viên Kazik, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã phối hợp với Đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy & cứu nạn cứu hộ Bắc Quảng Nam tổ chức chương trình Tuyên truyền, hướng dẫn vận hành hệ thống báo cháy và chữa cháy tại Khu phố cổ Hội An cho lực lượng Dân phòng và chủ di tích trên địa bàn phường Minh An.

Tại chương trình này, Đội Cảnh sát PCCC & CNCH Bắc Quảng Nam đã phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác đảm bảo an toàn PCCC, giới thiệu các biện pháp ngăn ngừa, đảm bảo an toàn PCCC hiện nay, đồng thời giải thích các nguyên lý hoạt động của hệ thống báo cháy tự động và hướng dẫn các thao tác kỹ thuật cũng như triển khai diễn tập thực tế cách sử dụng các thiết bị chữa cháy tại một số điểm di tích trong Khu phố cổ.

Việc tuyên truyền, hướng dẫn vận hành hệ thống báo cháy và chữa cháy là một việc làm thiết thực và ý nghĩa trong việc ngăn ngừa các nguy cơ hỏa hoạn, gây cháy nổ trong Khu phố cổ, góp phần đảm bảo an toàn cho các di tích và giúp cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An được tốt hơn ♦

Bàn giao mặt bằng sửa chữa, cải tạo Bảo tàng Hội An

Phước Tịnh

Vào ngày 3/12/2019, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với các ban ngành của thành phố Hội An đã tiến hành bàn giao mặt bằng sửa chữa, cải tạo Bảo tàng Hội An, số 10B Trần Hưng Đạo, phường Minh An.

Theo hồ sơ được phê duyệt, tổng mức kinh phí để sửa chữa, cải tạo Bảo tàng Hội An là 2.485.872.000 đồng, từ nguồn vốn ngân sách Thành phố, thời gian thi công trong 120 ngày.

Việc sửa chữa, cải tạo Bảo tàng Hội An nhằm khắc phục các vị trí hư hỏng, xuống cấp, nâng cấp hệ thống trung bày, điện chiếu sáng, tính tiện nghi, hiện đại của một công trình công cộng, tiến tới đưa Bảo tàng Hội An trở thành một điểm tham quan hấp dẫn thu hút du khách trong nước và quốc tế, góp phần quảng bá mảnh đất và con người Hội An giàu truyền thống lịch sử - văn hóa ♦

**Những hoạt động kỷ niệm 20 năm
UNESCO công nhận Khu phố cổ Hội
An là di sản văn hóa thế giới vào cuối
tháng 11 đầu tháng 12**

Phước Tịnh



Trong khuôn khổ các hoạt động kỷ niệm 20 năm Khu phố cổ Hội An được công nhận là Di sản văn hóa thế giới và 10 năm Cù Lao Chàm - Hội An được công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới, theo kế hoạch vào cuối tháng 11 và đầu tháng 12 tới, tại thành phố Hội An sẽ diễn ra nhiều hoạt động khoa học, văn hóa thể thao quan trọng, gồm:

Hội thảo quốc tế “*Truyền thống biển: Thực hành và tín ngưỡng*” tổ chức từ ngày 21/11 - 23/11. Hội thảo tập trung vào các nội dung chính: Thực hành và tín ngưỡng truyền thống biển ở Đông Nam Á; Thực hành và tín ngưỡng truyền thống biển ở Đông Bắc Á; Thực hành và tín ngưỡng truyền thống biển ở Nam Á và Thái Bình Dương.

Hội thảo quốc tế “*Di sản văn hóa Hội An 20 năm bảo tồn và định hướng phát triển bền vững*” tổ chức vào ngày 3/12. Hội thảo tập trung vào các nội dung chính: Thảo luận, trao đổi và đánh giá những thành tựu, hạn chế, thách thức liên quan đến công tác bảo tồn và phát

huy di sản văn hóa Hội An trong 20 năm qua; Đề ra những định hướng phát triển bền vững di sản văn hóa Hội An trong thời gian đến.

Hội nghị “*Tri ân các thế hệ đã có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị di sản Hội An*” tổ chức vào ngày 4/12. Nội dung buổi hội nghị gồm: Tổ chức gặp mặt giữa lãnh đạo thành phố với chủ tịch, đại diện tổ quản lý di tích, cộng tác viên bảo tồn di sản, lãnh đạo các xã phường, các cơ quan ban ngành liên quan để trao đổi về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy di tích trên địa bàn thành phố; Tri ân các cá nhân, tổ chức, đoàn thể đã có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp quản lý, bảo tồn và phát huy Khu di sản Hội An; Tặng thẻ khách danh dự tham quan miễn phí Khu phố cổ Hội An; Nhận bằng xếp hạng di tích cấp tỉnh và bằng chứng nhận Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia nghề làm gốm Thanh Hà.

Ngoài ra, một hoạt động thể thao quan trọng cũng được tổ chức là Giải việt dã truyền thống vì di sản văn hóa thế giới Hội An ♦

**Lập dự án tu bổ, tôn tạo di tích
Cây Thông Một tại phường Tân An
vào danh mục đầu tư công trung hạn
của tỉnh giai đoạn 2016-2020**

Phước Tịnh

Vừa qua, UBND thành phố Hội An đã có văn bản số 4065/UBND ngày 11/12/2019 về việc đầu tư tôn tạo di tích Cây Thông Một tại phường Tân An. Theo nội dung văn bản, UBND thành phố giao Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn

hóa Hội An chủ trì, tham mưu đăng ký bổ sung dự án tu bổ, tôn tạo di tích Cây Thông Một tại phường Tân An vào danh mục đầu tư công trung hạn của tỉnh giai đoạn 2016-2020, lập hồ sơ đầu tư trình UBND tỉnh thống nhất, trên cơ sở đó lập các thủ tục đầu tư trình phê duyệt theo quy định để triển khai thực hiện. Kinh phí đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích sử dụng nguồn vốn ngân sách thành phố.

Các hạng mục đầu tư tu bổ, tôn tạo gồm: Bia di tích (*nằm ở vị trí trung tâm*), nhà đón tiếp và trưng bày hình ảnh, tư liệu, hiện vật liên quan đến Đảng bộ tỉnh Quảng Nam qua các thời kỳ; khuôn viên, cảnh quan di tích. Tổng diện tích công trình khoảng 2.400m² (*bao gồm toàn bộ diện tích trường mẫu giáo Tân An, Nhà văn hóa khối phố Hòa Thanh và bia di tích Cây Thông Một hiện nay*). Các hạng mục đầu tư tu bổ, tôn tạo nói trên được chia làm 2 giai đoạn.

Dự kiến lễ khởi công thực hiện dự án sẽ được tổ chức vào ngày 28/3/2020, trong dịp lễ kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Nam

Bàn giao mặt bằng thi công tu bổ một số di tích ở thôn Trà Quế, xã Cẩm Hà

Nguyễn Cường

Sáng ngày 24/12/2019, Trung tâm Quản lý bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp cùng UBND xã Cẩm Hà và đại diện chủ di tích tiến hành bàn giao mặt bằng thi công tu bổ một số di tích ở thôn Trà Quế, xã Cẩm Hà cho đơn vị thi công. Đây là nội dung triển khai thực hiện nhiệm vụ của Trung tâm thuộc Phương án phát triển du lịch cộng đồng tại làng rau Trà Quế đã được UBND thành phố Hội An

phê duyệt tại Quyết định số 1766/QĐ-UBND ngày 19/9/2019.

Có 3 di tích được bàn giao đầu tư tu bổ gồm: Bia di tích lịch sử cách mạng chiến thắng thôn Trà Quế, mộ ông Thượng thư Bộ binh Nguyễn Điền và giếng đá Trà Quế. Nội dung đầu tư chủ yếu của các công trình này là vệ sinh, quét vôi, sửa chữa các hạng mục hư hỏng, đặt bia thông tin với tổng mức kinh phí đầu tư khoảng 99 triệu đồng.

Cùng với nỗ lực của UBND xã Cẩm Hà và Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình Hội An trong việc tạo lối vào một số di tích, những nội dung triển khai này của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa sẽ hướng đến mục tiêu giúp cho khách tham quan dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu về các di tích có giá trị lịch sử - văn hóa ở làng rau; qua đó phục vụ cho việc phát triển du lịch của làng rau nói chung, phát huy giá trị các di tích nói riêng trong thời gian đến

Nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng công trình tu bổ Văn chỉ Minh Hương và sửa chữa nhỏ đình Sơn Phong, đình Cẩm Phô

Hoàng Phúc

Chiều ngày 26/12/2019, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với các ban ngành của Thành phố và UBND phường Minh An, Sơn Phong, Cẩm Phô tiến hành nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng công trình tu bổ Văn chỉ Minh Hương và sửa chữa nhỏ đình Sơn Phong, đình Cẩm Phô.



Những nội dung tu bổ chính ở Văn chỉ Minh Hương gồm: tu bổ hệ mái ngói âm dương ở chính điện, tô vẽ lại đồ án trang trí ở các bàn thờ, sửa chữa các khám thờ; dặm dọi mái ngói âm dương và gia cố nền nhà Tây; tôn tạo cảnh quan, trồng cây, gia cố nền sân bị hư hỏng.

Các hạng mục sửa chữa nhỏ ở đình Sơn Phong gồm: gia cố mái ngói âm dương, tu bổ các con giống; chống mối cho các cấu kiện gỗ; bóc tách, tô trát lại tường bị ẩm mục, bong tróc do nhiễm mặn và quét vôi lại; phục hồi toàn bộ hệ thống thờ tự theo nguyên trạng đã bị hư hỏng do tường mục (như đắp vẽ lại đồ án trang trí và khám thờ).

Tại đình Cẩm Phô: gia cố mái ngói âm dương, bờ nóc, bờ chảy những vị trí hư hỏng; gia cố một số cấu kiện gỗ bị mối mọt và có biện pháp chống mối; chống thấm tường, tô trát và quét vôi lại các vị trí bị bong tróc; gia cố sửa chữa máng xối giữa chính điện và phương đình.

Việc nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng các công trình nói trên nhằm phục vụ nhu cầu về địa điểm sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của người dân địa

phương, đồng thời góp phần vào công tác phát huy giá trị của các di tích ♦

**Bảo tàng với công tác bảo tồn,
phát huy giá trị di sản văn hóa
Hội An năm 2019**

Thị Tuấn

Năm 2019, trên địa bàn thành phố Hội An diễn ra nhiều sự kiện quan trọng, trong đó có chuỗi hoạt động kỷ niệm 20 năm Khu phố cổ Hội An được UNESCO công nhận Di sản Văn hóa thế giới và 10 năm Cù Lao Chàm - Hội An được công nhận là Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới. Trong không khí thi đua chào mừng kỷ niệm sự kiện trên, cán bộ bảo tàng thuộc Trung tâm đã có nhiều nỗ lực trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An và đạt được những kết quả quan trọng như: Khánh thành Bảo tàng Nghê Y truyền thống Hội An; Tổ chức kỷ niệm ngày quốc tế bảo tàng (18/5); Tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm có tính giáo dục và nhân văn cao như trưng bày, trải nghiệm làm tranh cát của những em khuyết tật đến từ tỉnh Khánh Hòa; Khám bệnh miễn phí bằng phương pháp Đông y truyền thống; Trải nghiệm làm bánh in truyền thống và thưởng thức bánh in với nước chè đen; Hoàn thành và đưa vào dạy thử nghiệm bộ tài liệu “Giáo dục di sản trong học đường ở Hội An” tại Trường tiểu học Phù Đổng và Trường THCS Nguyễn Duy Hiệu; Tổ chức 64 lần hoạt động “Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng” cho 890 em học sinh và 700 trẻ em của các gia đình tham gia tìm hiểu, trải nghiệm tại Bảo tàng Hội

An; Nâng cấp trung bày, hệ thống chiếu sáng tại bảo tàng Hội An,... Tính đến hết tháng 11, tổng lượt khách tham quan các điểm bảo tàng, di tích do Trung tâm trực tiếp quản lý tăng 10 % so với cùng kỳ năm 2018 ♦

**Hoạt động của nhóm cán bộ
phụ trách tiếp đón, trao đổi về công
tác quản lý, bảo tồn và trùng tu
di tích ở Hội An năm 2019**

Diệu Châu



Trong năm 2019, nhóm cán bộ phụ trách tiếp đón, trao đổi về công tác quản lý, bảo tồn và trùng tu di tích ở Hội An thuộc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An đã đón tiếp và hướng dẫn 22 đoàn khách quốc tế đến từ các nước Đức, Úc, Anh, Mỹ. Mục đích của các đoàn khách nhằm tìm hiểu về lịch sử - văn hóa Hội An, đặc biệt là công tác tu bổ, bảo tồn và phát huy những giá trị của Khu phố cổ Hội An, đồng thời chia sẻ với nhau những kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo tồn về Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An nói riêng và các Khu Di sản Văn hóa Thế giới ở các nước nói chung.

Mỗi đoàn khách được các chuyên viên của Trung tâm nhiệt tình hướng dẫn và thuyết minh về quá trình Hội An được công nhận Di sản văn hóa thế giới; những giá trị di sản văn hoá vật thể và phi vật thể nổi bật, quy trình tu bổ, trùng tu di tích trong Khu phố cổ, đồng thời chia sẻ những thuận lợi, khó khăn, thách thức đặt ra trong công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ của chính quyền và nhân dân thành phố Hội An qua 20 năm được UNESCO công nhận Di sản văn hóa thế giới.

Thông qua các hoạt động đón tiếp và hướng dẫn các đoàn khách, cán bộ của Trung tâm có thêm điều kiện để trau dồi, rèn luyện, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ, góp phần giới thiệu những giá trị di sản văn hoá thế giới Hội An đến với bạn bè quốc tế ♦



VĂN BẢN PHÁP QUY

TRÍCH GIỚI THIỆU QUY CHẾ VỀ QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA VÀ DANH LAM THẮNG CẢNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM

Quản lý Di tích

Ngày 02/5/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam Đình Văn Thu ký Quyết định số 08/2019/UBND-QĐ ban hành Quy chế về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Quy chế này gồm 7 chương, 28 điều, có hiệu lực từ ngày 15/5/2019. Trong số Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản số 03 (47)-2019, Ban Biên soạn đã giới thiệu nội dung quy chế từ điều 1 đến hết điều 17, nay xin tiếp tục giới thiệu phần còn lại để chúng ta cùng tham khảo.

Điều 18. Nghiệm thu, bàn giao và quyết toán dự án tu bổ di tích

1. Chủ đầu tư dự án tu bổ di tích thực hiện nghiệm thu, bàn giao và quyết toán dự án tu bổ di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng, có sự tham gia của đại diện Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có di tích, Ban/Tổ Quản lý di tích, chủ sở hữu di tích.

2. Sau khi hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi 01 (một) bộ hồ sơ hoàn công dự án tu bổ di tích đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để lưu hồ sơ di tích.

3. Sau khi dự án tu bổ di tích hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước; Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước hoặc văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 19. Tu bổ cấp thiết di tích

Việc tu bổ cấp thiết di tích thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Xã hội hóa công tác tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị di tích.

1. Ủy ban nhân dân các cấp được giao quản lý di tích có trách nhiệm huy động sự đóng góp của Nhân dân, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế trong việc tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị di tích.

2. Đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của các tổ chức, cá nhân tham gia xã hội hóa tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị di tích.

Chương IV

QUẢN LÝ VÀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ DI TÍCH

Điều 21. Cơ quan quản lý di tích

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc quản lý nhà nước đối với toàn bộ di tích trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về di tích trên địa bàn tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc quản lý nhà nước về di tích trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

4. Phòng Văn hóa và Thông tin chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về di tích trên địa bàn huyện.

Điều 22. Phân cấp quản lý di tích và tu bổ di tích

1. Về công tác quản lý di tích:

a) Di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt giao Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị. Riêng đối với di tích quốc gia Nhà lưu niệm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công (tại xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành), để thuận lợi trong việc quản lý và phát huy giá trị, phục vụ các đoàn khách đến viếng hương, tiếp tục giao Trung tâm Quản lý di tích và danh thắng thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trực tiếp quản lý.

b) Di tích cấp tỉnh, di tích trong danh mục kiểm kê giao Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị.

2. Về công tác tu bổ di tích:

a) Đối với di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện việc tu bổ, phục dựng các yếu tố gốc của di tích và các hạng mục hỗ trợ phát huy giá trị di tích;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc xây dựng, sửa chữa phần hạ tầng liên quan đến di tích; thực hiện các biện pháp đảm bảo môi trường cảnh quan di tích;

- Trường hợp địa phương có cơ quan chuyên môn đủ năng lực về tu bổ di tích, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo xin chủ trương Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác tu bổ các di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt.

b) Đối với di tích cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tu bổ, phục dựng các yếu tố gốc của di tích và những hạng mục hỗ trợ phát huy giá trị di tích; thực hiện các biện pháp đảm bảo môi trường cảnh quan di tích.

c) Việc tu bổ di tích phải đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Điểm 1, Khoản 15, Điều 1, Luật sửa, đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Là cơ quan đầu mối, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo công tác

quản lý di tích thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hằng năm, đề án, dự án, chương trình và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị di tích thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình về di tích sau khi được phê duyệt.

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc quản lý, bảo vệ và sử dụng các di tích trên toàn tỉnh; giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về di tích; khen thưởng và xử lý vi phạm về di tích theo quy định.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền:

- Tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, xây dựng hồ sơ tư liệu về di tích; thực hiện số hóa trong quản lý hồ sơ di tích;

- Tổ chức quản lý, tu bổ và phát huy giá trị các di tích được phân công quản lý;

- Thẩm định dự án, thiết kế bản vẽ thi công dự án tu bổ di tích cấp tỉnh, di tích trong danh mục kiểm kê;

- Thẩm định dự án cải tạo, xây dựng công trình nằm trong khu vực 2 bảo vệ di tích cấp tỉnh, di tích trong danh mục kiểm kê có khả năng ảnh hưởng xấu đến di tích;

- Tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn thủ tục, trình cấp có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò, khai quật khảo cổ, khai quật khẩn cấp; theo dõi, giám sát việc thực hiện nội dung giấy phép khai quật ở

địa phương; xây dựng hồ sơ di tích, hồ sơ các địa điểm khai quật khảo cổ và quản lý các hoạt động khảo cổ trên địa bàn tỉnh;

- Thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia của các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật trên địa bàn;

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, viên chức và đội ngũ cán bộ chuyên trách quản lý di tích ở địa phương; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

e) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện: Tổ chức đón Bằng xếp hạng di tích; xây dựng nội quy, nội dung bảng giới thiệu giá trị di tích; chuyên môn nghiệp vụ đối với các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích; tu bổ cấp thiết di tích và các dự án tu bổ di tích thuộc cấp huyện quản lý sau khi được phê duyệt.

g) Thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về di tích và nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan chức năng của tỉnh chỉ đạo, thực hiện công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích.

b) Tổ chức quản lý nhà nước đối với di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt và hướng dẫn, chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với di tích cấp tỉnh trên địa bàn theo quy định tại Quy chế này.

c) Đầu tư kinh phí và bố trí kinh phí đối ứng cùng ngân sách tỉnh, kinh phí từ các khoản thu hợp pháp từ hoạt động sử dụng và phát huy giá trị di tích, nguồn xã hội hóa để thực hiện việc tu bổ, tôn tạo, duy tu, bảo dưỡng, chống xuống cấp, tu bổ cấp thiết di tích thuộc thẩm quyền quản lý.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan nghiên cứu xây dựng phương án phát triển khai thác dịch vụ và phát huy hiệu quả giá trị di tích (đã được phân cấp quản lý) gắn với hoạt động du lịch; giới thiệu, quảng bá, kết nối tour tuyến với các điểm du lịch và hệ thống di tích trên địa bàn tỉnh; huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước, sự đóng góp của Nhân dân trong việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích trên địa bàn, đảm bảo theo đúng quy định của Luật Di sản văn hóa và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền:

- Ban hành quyết định, chỉ thị; kế hoạch dài hạn, 05 năm và hằng năm, đề án, dự án, chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện, chủ trương xã hội hóa, các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di tích thuộc thẩm quyền quản lý;

- Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình đã được phê duyệt; thông tin tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về di tích, di sản;

- Căn cứ tính chất, đặc điểm của di tích, xem xét thành lập Ban/Tổ quản lý di tích theo chế độ kiêm nhiệm, thành phần do Ủy ban nhân dân cấp huyện phân

công theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về di tích; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân về lĩnh vực di tích theo quy định pháp luật; khen thưởng và xử lý vi phạm về di tích theo thẩm quyền;

- Bố trí nhân sự bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý di tích trên địa bàn;

- Thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình quản lý di tích theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; định kỳ 6 tháng và hằng năm báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý di tích trên địa bàn gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ khác về quản lý di tích theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

e) Chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện:

- Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về di tích trên địa bàn; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT - BVHTTDL - BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu, tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

(sau đây gọi chung là Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV) và quy định pháp luật hiện hành có liên quan;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều này;

- Phối hợp với các phòng chức năng của huyện, chủ đầu tư trong việc trình chủ trương, lập, thẩm định, thi công dự án tu bổ di tích; giám sát theo chuyên ngành quản lý đối với các dự án tu bổ di tích; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý vi phạm theo thẩm quyền;

- Hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di tích đối với các tổ chức, đơn vị và Nhân dân trên địa bàn trong công tác bảo vệ, phát huy giá trị các di tích.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tổ chức quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn theo sự phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Tiếp nhận khai báo về di tích, đề xuất việc xếp hạng di tích đến cơ quan có thẩm quyền.

c) Tiếp nhận và giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến di tích theo thẩm quyền; ngăn ngừa, xử lý các hành vi vi phạm; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan chuyên môn khi phát hiện di tích xuống cấp hoặc bị xâm hại.

d) Tuyên truyền nâng cao ý thức của Nhân dân trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn.

đ) Đối với các di tích không có người trông coi, các di tích được kiểm kê bảo vệ, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm bảo vệ, gìn giữ, phát huy toàn bộ giá trị vật thể và phi vật thể của di tích.

e) Căn cứ tính chất, đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương nơi có di tích và quy định của pháp luật hiện hành, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét thành lập Tổ quản lý di tích theo chế độ kiêm nhiệm.

f) Chủ động thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng ngừa, ngăn chặn và kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện các hành vi vi phạm đến di tích, các nguy cơ ảnh hưởng đến sự an toàn và cảnh quan môi trường của di tích; kiểm tra và định kỳ báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp về hiện trạng di tích.

g) Chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra những hành vi vi phạm pháp luật tại di tích như: Việc tu bổ, sơn tượng, đồ thờ, di dùi, bổ sung đồ thờ, hiện vật khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền; các hành vi xâm lấn đất đai, xây dựng trái phép làm ảnh hưởng đến kiến trúc, cảnh quan môi trường di tích và các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến di tích.

h) Hướng dẫn, tuyên truyền cho tổ chức (Tổ Quản lý di tích, Ban tế tự di tích, Ban Quản trị di tích, chủ sở hữu di tích), cá nhân trực tiếp quản lý di tích và khách tham quan, khách đi lễ thực hiện nếp sống văn minh nơi thờ tự, nội quy của di tích; thu gom tiền đặt lễ trên các ban thờ; bài trí, sắp đặt gọn gàng, ngăn nắp hiện vật, tài sản, đồ dùng; đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực di tích; thực hiện bảo vệ tài sản, hiện vật, phòng chống cháy nổ và các hoạt động liên

quan đến di tích; triển khai các phương án phòng chống thiên tai, hỏa hoạn, trộm cắp nhằm đảm bảo an toàn di tích, hiện vật.

i) Tổ chức các hoạt động dịch vụ phù hợp sau khi có ý kiến chấp thuận của cấp quản lý có thẩm quyền; trường hợp di tích có nguồn thu (vườn, cây, thu qua đặt hòm công đức) thì phải được quản lý chặt chẽ, công khai, minh bạch và phải được sử dụng đúng mục đích; thực hiện việc thu, chi đúng theo quy định về tài chính và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về di tích và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV và theo quy định về phân cấp quản lý di tích tại Quy chế này.

b) Chịu trách nhiệm tổ chức phổ biến Quy chế này sau khi được phê duyệt; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện; định kỳ 03 năm sơ kết và 05 năm tổng kết đánh giá kết quả thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, hướng dẫn, thẩm định trong lĩnh vực quản lý, tu bổ và phát huy giá trị di tích.

b) Chủ trì thẩm định nguồn vốn, chủ trương đầu tư; thẩm định dự án đối với các dự án tu bổ, tôn tạo và phục hồi di tích theo quy định hiện hành.

c) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh vốn đầu tư công hằng năm, 5 năm cho các dự án tu bổ, tôn tạo và phục hồi di tích.

3. Sở Tài chính:

a) Căn cứ vào chủ trương của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định về quản lý tài chính hiện hành để đảm bảo kinh phí phục vụ cho hoạt động quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di tích.

b) Quản lý việc cấp phát và sử dụng kinh phí theo qui định của pháp luật.

c) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành các Đề án về tu bổ di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia; Đề án về kinh phí đối ứng thực hiện các Dự án hợp tác quốc tế; qui định về phí, lệ phí và sử dụng các nguồn thu khác từ di tích.

4. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh:

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác bảo vệ di tích, di vật, hiện vật, tài sản liên quan đến di tích, giữ gìn an ninh trật tự và phát huy giá trị di tích.

b) Tổ chức phòng ngừa, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo quy định của pháp luật.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện công tác giáo dục di sản, xây dựng các chuyên đề về lịch sử văn hóa địa phương gắn với di tích và hướng dẫn

cho học sinh chăm sóc, bảo vệ, phát huy giá trị di tích trên địa bàn.

6. Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ về tu bổ, phục dựng, phát huy giá trị di tích.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định diện tích khoanh vùng bảo vệ di tích, cắm mốc giới bảo vệ di tích, lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các di tích theo quy định của pháp luật.

b) Chỉ đạo hướng dẫn về chuyên môn đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai xác lập hồ sơ trình UBND cấp huyện cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các di tích đã được xếp hạng theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng và triển khai các dự án bảo vệ môi trường tại các di tích.

d) Hướng dẫn các Ban Quản lý, Tổ Quản lý di tích thực hiện các quy định về vệ sinh môi trường tại di tích.

8. Sở Xây dựng: Cấp phép xây dựng đối với các công trình liên quan di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng theo quy định hiện hành.

9. Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Sở, Ban, ngành liên quan hướng dẫn việc tổ chức quản lý nhân sự, nội dung công việc liên quan đến nhân sự theo thẩm quyền và hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo gắn với các di tích là cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo

trên địa bàn tỉnh; xây dựng quy chế phối hợp về bảo vệ, tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị đối với các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

10. Các sở, ban, ngành có liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện Luật Di sản văn hóa, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa và các qui định khác của pháp luật trong phạm vi quản lý, theo dõi.

11. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Phối hợp với Sở, Ban, ngành có liên quan tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các di tích trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền. Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện khai thác di tích gắn với phát triển du lịch.

b) Tổ chức phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời, bảo vệ và xử lý các vi phạm đối với di tích theo thẩm quyền; chỉ đạo việc kiểm kê di tích và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xếp hạng di tích theo quy định.

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến những quy định pháp luật về công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại địa phương.

d) Xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn về đầu tư bảo quản, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích trên địa bàn quản lý; cân đối, bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện đúng Quy chế này và các quy định khác của pháp luật.

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng Đề án thu

phí tham quan các di tích theo phân cấp quản lý trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

e) Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức giáo dục cho học sinh về việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích; đưa việc học tập, tham quan, nghiên cứu di tích vào chương trình giáo dục ngoại khóa hằng năm của các cấp học, trường học; tạo điều kiện thuận lợi để học sinh đi tham quan thực tế tại các di tích; triển khai đến các trường Trung học cơ sở và Tiểu học trên địa bàn đăng ký nhận chăm sóc các di tích đã được xếp hạng, xây dựng kế hoạch chăm sóc định kỳ đối với các di tích nhằm nâng cao ý thức bảo vệ di tích cho học sinh và giữ gìn vệ sinh môi trường xanh, sạch, đẹp cho di tích.

g) Tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị các di tích trên địa bàn.

h) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, Ban, ngành liên quan để xử lý các hành vi hủy hoại, lấn chiếm, xây dựng trái phép hoặc gây nguy cơ hủy hoại không gian văn hóa, cảnh quan môi trường di tích.

i) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã: Tuyên truyền, phổ biến những quy định pháp luật về bảo tồn, phát huy giá trị di tích; tổ chức bảo vệ, phát huy giá trị di tích tại địa phương, phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân trong việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích; tiếp nhận khai báo về di tích, kiến nghị việc xếp hạng di tích lên cơ quan có thẩm quyền; phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời những hành vi làm ảnh hưởng đến di tích và cảnh quan môi trường của di tích; ngăn

chặn, và xử lý các hoạt động mê tín dị đoan tại di tích theo thẩm quyền.

k) Định kỳ hằng năm tổng hợp kết quả thực hiện Quy chế này gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước ngày 30 tháng 11.

12. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 23 và thực hiện sự phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điểm i, Khoản 11, Điều 25, Quy chế này.

b) Tạo điều kiện cho các đoàn thể chính trị xã hội, các tổ chức kinh tế và các tầng lớp nhân dân trong việc xã hội hóa công tác bảo vệ, phát huy giá trị di tích.

c) Phòng ngừa và ngăn chặn kịp thời mọi hành vi xâm hại hoặc ảnh hưởng đến di tích.

d) Thanh tra, kiểm tra, khen thưởng, xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

13. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu di tích:

a) Chủ sở hữu hợp pháp di tích có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc, gìn giữ trực tiếp di tích; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại di tích. Trường hợp phát hiện di tích bị lấn chiếm, hủy hoại hoặc có nguy cơ bị hủy hoại phải kịp thời có biện pháp ngăn chặn và thông báo đến các cơ quan có thẩm quyền.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đến tham quan, học tập, nghiên cứu và các hoạt động khác tại di tích.

c) Đối với các chủ sở hữu di tích là tín ngưỡng, tôn giáo trước khi sửa chữa, cải tạo, xây dựng mới các công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo, công trình phụ trợ thuộc cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo phải được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định tại Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018, Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (sau đây gọi chung là Nghị định số 162/2017/NĐ-CP) và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

14. Cá nhân là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài sinh sống, làm việc trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đều có trách nhiệm trong công tác bảo vệ, giữ gìn các di tích theo quy định pháp luật và Quy chế này.

Chương VI

THANH TRA, KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 25. Hoạt động thanh tra

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng thanh tra các hoạt động quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị các di tích và danh thắng trên địa bàn tỉnh. Trường hợp cần thiết, có quyền đình chỉ hành vi vi phạm trong thời hạn theo quy định; đồng thời, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để có biện pháp xử lý.

Điều 26. Các hình thức khen thưởng, hỗ trợ

1. Biểu dương, khen thưởng và tôn

vinh đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị các di tích bằng các hình thức theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng.

2. Tạo điều kiện hỗ trợ một phần kinh phí đối với tập thể, cá nhân có công phát hiện, quản lý, bảo vệ các di tích và hiện vật liên quan đến di tích.

Điều 27. Xử lý vi phạm

Các hành vi vi phạm về quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di tích và danh thắng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Về tổ chức thực hiện và sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ sở hữu di tích có trách nhiệm phối hợp với ngành văn hóa, thể thao và du lịch triển khai thực hiện tốt Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề chưa phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung thì Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ♦

DI TÍCH LỊCH SỬ CỔ ĐÔ KYOTO (NHẬT BẢN)

Được xây dựng vào năm 794 sau Công nguyên theo mô hình các kinh đô của Trung Quốc cổ đại, Kyoto là kinh đô của hoàng đế Nhật Bản từ khi xây dựng đến giữa thế kỷ 19. Là trung tâm của văn hóa Nhật Bản hơn 1000 năm, Kyoto minh chứng cho sự phát triển của kiến trúc gỗ Nhật Bản, đặc biệt là kiến trúc tôn giáo và nghệ thuật của những khu vườn Nhật Bản, chúng đã ảnh hưởng đến cảnh quan làm vườn trên toàn thế giới.

Giá trị nổi bật toàn cầu

Tóm tắt

Các di tích lịch sử của cổ đô Kyoto (*thành phố Kyoto, Uji và Otsu*) bao gồm mười bảy địa điểm tọa lạc tại thành phố Kyoto và thành phố Uji ở tỉnh Kyoto và thành phố Otsu ở tỉnh Shiga. Được xây dựng vào năm 794 sau Công nguyên theo mô hình của kinh đô Trung Quốc cổ đại, Kyoto đã đóng vai trò là trung tâm văn

hóa đồng thời là kinh đô của hoàng đế cho đến giữa thế kỷ 19.

Là trung tâm của văn hóa Nhật Bản trong hơn 1000 năm, nó đã mở rộng sự phát triển của kiến trúc gỗ Nhật Bản, đặc biệt là kiến trúc tôn giáo và nghệ thuật của các khu vườn Nhật Bản, đã ảnh hưởng đến cảnh quan làm vườn trên toàn thế giới. Hầu hết 198 tòa nhà và 12 khu vườn tạo nên 17 bộ phận cấu thành di sản được xây dựng hoặc được thiết kế từ thế kỷ 10 đến thế kỷ 17.

Tất cả 17 bộ phận di sản được ghi danh là các cơ sở tôn giáo ngoại trừ lâu đài Nijo-jo. Chúng chiếm toàn bộ 1.056ha và được bao quanh bởi vùng đệm 3.579ha.

Tiêu chí (ii): Kyoto là trung tâm chính cho sự phát triển của kiến trúc tôn giáo và thể tục và của thiết kế sân vườn giữa thế kỷ 8 và 17, và do đó, nó đóng một vai trò quyết định trong việc tạo ra các truyền thống văn hóa Nhật Bản, trong đó các khu vườn nói riêng đã có ảnh hưởng sâu sắc đến phần còn lại của thế giới từ thế kỷ 19 trở đi.

Tiêu chí (iv): Tập hợp kiến trúc và kiểu vườn trong các di tích còn sót lại của Kyoto là biểu hiện cao nhất về khía

cạnh này của văn hóa vật chất Nhật Bản trong thời kỳ tiền hiện đại.

Tính nguyên gốc

Mặc dù mỗi tòa nhà riêng biệt, nhưng tổ hợp các tòa nhà và khu vườn tạo nên tài sản được ghi danh đại diện cho các giai đoạn lịch sử độc đáo khác nhau, chúng cùng minh họa cho sự phát triển lịch sử chung của kiến trúc và vườn Nhật Bản.



Mười bảy bộ phận cấu thành cung cấp một sự hiểu biết rõ ràng về lịch sử và văn hóa kinh đô cổ xưa. Ngoài ra, tài sản còn mang đến một bức tranh toàn diện về văn hóa Nhật Bản trong thời gian dài. Do đó, tính nguyên gốc của tài sản được đảm bảo cả về tính toàn vẹn và nguyên vẹn của nó. Hơn nữa, mỗi bộ phận cấu thành riêng lẻ của tài sản thể hiện một mức độ về tính nguyên gốc cao.

Bởi vì các bộ phận cấu thành tồn tại trong bối cảnh đô thị, sự phát triển không được kiểm soát gây ra mối đe dọa đối với tính nguyên gốc toàn vẹn của di sản được ghi danh.

Tính chân xác

Trong truyền thống phục hồi và tái thiết của Nhật Bản, các tòa nhà và khu vườn vẫn giữ được mức độ chân xác cao. Mặc dù chỉ trong những trường hợp rất hiếm có toàn bộ các tòa nhà, hoặc thậm chí là một phần của chúng, vẫn còn nguyên vẹn kiến trúc của chúng, nhưng sự tôn trọng nghiêm ngặt đối với hình thức ban đầu, trang trí và vật liệu đã tồn tại ở Nhật Bản trong hơn một thiên niên kỷ đã đảm bảo rằng những gì có thể nhìn

thấy ngày nay phù hợp trong hầu hết mọi chi tiết với các cấu trúc ban đầu. Truyền thống này đã được củng cố từ cuối thế kỷ 19 khi Luật Bảo tồn Chùa và Đền thờ cổ được ban hành (1897). Chỉ các phần bị hư hỏng được sửa chữa hoặc, nếu được yêu cầu, được thay thế và công việc này được thực hiện bằng tài liệu kỹ lưỡng và điều tra nghiên cứu khoa học. Mặc dù các khu vườn không được bảo tồn tốt trong giai đoạn ngay sau Chiến tranh Thế giới Thứ hai, nhưng kể từ năm 1965, việc bảo tồn vườn đã được đưa vào như một phần công việc được Cơ quan Văn hóa hỗ trợ và được thực hiện với sự quan tâm cho các cuộc điều tra khai quật và nghiên cứu khác. Những người chịu trách nhiệm cho công việc như vậy đã phải chịu những khó khăn rất lớn để đảm bảo việc sử dụng các vật liệu và kỹ thuật truyền thống, đến mức tái tạo các công cụ nguyên gốc.

Khi công việc phục hồi hoặc sửa chữa trước đó sử dụng các vật liệu hoặc kỹ thuật không phù hợp, việc này được thay thế bằng những sửa chữa dựa trên nghiên cứu phù hợp mà không cần phỏng đoán. Các thành phần bị hư hỏng của cả

công trình gỗ và khu vườn chỉ được thay thế khi cần thiết và chú ý đến chi tiết lịch sử. Tính chân xác của tay nghề được nâng cao với nghiên cứu cẩn thận về các kỹ thuật và việc sử dụng các công cụ thích hợp. Hầu hết 198 công trình trên toàn bộ tài sản được ghi danh vẫn ở vị trí ban đầu của chúng.

Do đó, các tòa nhà và khu vườn vẫn giữ được mức độ chân xác cao về mặt hình thức/thiết kế, vật liệu/bản chất, truyền thống/kỹ thuật và vị trí/sắp đặt.

Yêu cầu quản lý và bảo vệ

Tất cả các tòa nhà, khu vườn cấu thành nên di sản đều được bảo vệ theo Luật Bảo vệ Tài sản Văn hóa năm 1950. Trong số 198 tòa nhà, 38 tòa nhà được chỉ định là Bảo vật Quốc gia và 160 tòa nhà là Tài sản Văn hóa Quan trọng. Đối với 12 khu vườn, 8 khu được chỉ định là Địa điểm Danh lam Thắng cảnh Đặc biệt và 4 khu là Địa điểm Danh lam Thắng cảnh. Theo Luật năm 1950, các thay đổi được đề xuất đối với trạng thái hiện tại của tài sản bị hạn chế và mọi thay đổi phải được chính phủ quốc gia hoặc chính quyền địa phương chấp thuận trong trường hợp thay đổi nhỏ.

Việc thực thi nghiêm ngặt các luật xây dựng được thực hiện trong các vùng đệm và việc trao đổi liên tục giữa chính quyền thành phố và chủ sở hữu tài sản nhằm cân bằng việc bảo vệ tính nguyên gốc của tài sản với sự phát triển đô thị. Các vùng đệm được bảo vệ bởi Khu vực Kiểm soát Môi trường Lịch sử. Ở những khu vực này, các hoạt động phát triển được đề xuất được kiểm soát bởi Luật Công viên Quốc gia, Đạo luật Bảo tồn Kinh đô Cổ đại, Các Khu Danh lam

Thắng cảnh theo Pháp lệnh Khu Danh lam Thắng cảnh tỉnh Shiga hoặc Pháp lệnh Khu Danh lam Thắng cảnh tỉnh Kyoto, và/hoặc các khu vực được quy định trong Quy hoạch Thành phố và các pháp lệnh thành phố có liên quan. Ngoài các vùng đệm, chiều cao tòa nhà trong khu vực đô thị được quy định bởi Khu vực Kiểm soát Môi trường Lịch sử.

Sau nỗ lực của thành phố Uji vào năm 2000, thành phố Kyoto cũng đã phát triển chính sách và chiến lược bảo tồn cảnh quan mới vào năm 2007, để tăng cường kiểm soát chiều cao cho các tòa nhà và đề cao các luật thiết kế xây dựng.

Về quyền sở hữu tài sản được ghi danh, các tổ chức tôn giáo sở hữu 16 trong số 17 bộ phận cấu thành, và thành phố Kyoto sở hữu phần còn lại, lâu đài Nijo-jo. Việc quản lý hàng ngày là trách nhiệm của các chủ sở hữu tư nhân, tiến hành những sửa chữa cần thiết.

Vì hỏa hoạn là rủi ro lớn nhất đối với tài sản, các di tích được trang bị hệ thống báo cháy tự động, vòi chữa cháy và nếu cần thiết là thiết bị chống sét. Ngoài ra, một số chủ sở hữu tổ chức các đội cứu hỏa hợp tác với các cơ quan cứu hỏa công cộng.

Cơ quan Văn hóa, các tỉnh Kyoto và Shiga, và các thành phố Kyoto, Uji và Otsu cung cấp cho các chủ sở hữu cả về hỗ trợ tài chính và hướng dẫn kỹ thuật trong việc quản lý và bảo vệ

Diệu Châu sưu tầm và dịch, nguồn:
<http://whc.unesco.org/en/list/688>

Nhà xuất bản Đà Nẵng
Lô 103 - Đường 30 Tháng 4 - Thành phố Đà Nẵng
ĐT: 0236 3797874 - 3797823 * Fax: 0236 3797875

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN KIM HUY

Biên tập: TRẦN VĂN BAN

Thực hiện liên kết xuất bản: Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An
ĐC: 10B - Trần Hưng Đạo - Thành phố Hội An - Tỉnh Quảng Nam

HỢP TÁC

Thực hiện tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản số này, Ban Biên soạn đã nhận được tin, bài cộng tác của các tác giả: Nguyễn Văn Lanh, Nguyễn Chí Trung, Quảng Văn Quý, Trần Thanh Hoàng Phúc, Nguyễn Cường, Phạm Phước Tịnh, Lê Thị Lưu, Nguyễn Văn Thịnh, Thái Thị Liễu Chi, Trần Phương, Trần Thị Lệ Xuân, Lâm Thị Mỹ Dung - Nguyễn Thị Ngọc Huyền - Võ Hồng Việt, Trương Nguyên Ngã, Lê Thị Tuấn, Đào Thị Diệu Châu.

Do khuôn khổ tập Thông tin có hạn nên Ban Biên soạn không thể đăng hết những bài đã nhận. Những bài còn lại Ban Biên soạn sẽ tiếp tục đăng ở số tiếp theo.

Ban Biên soạn xin trân trọng cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự cộng tác của quý tác giả.

Bìa 1: Một góc phố cổ Hội An - Tranh: Loka

Bìa 4: Thơm thảo tình quê - Ảnh: Đặng Kế Đông

In 300 cuốn, khổ 19 x 27cm, tại Công ty cổ phần In - Phát hành sách và TBTH Quảng Nam
- 260 Hùng Vương, TP.Tam Kỳ. ĐT: 02353.859367. Email: Chebaninqnam@gmail.com.

Số ĐKXB: 1027-2020/CXBIPH/04-25/ĐaN. GPXB số: 342/QĐ-NXBĐaN
do Nhà xuất bản Đà Nẵng cấp ngày 06/4/2020. Mã số ISBN: 978-604-84-5089-2
In xong và nộp lưu chiểu tháng 11/2020.